

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2

---o0o---

LÊ THỊ TÂM – ĐÀO THỊ THU THỦY

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018
CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP
HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp trung học cơ sở)

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ.....	3
1.1. Một số đặc điểm về học sinh khuyết tật học tập ở cấp trung học cơ sở	3
1.1.1. Khái niệm.....	3
1.1.2. Một số biểu hiện chính nhận biết học sinh khuyết tật học tập.....	3
1.1.3. Phân biệt khuyết tật học tập với các khuyết tật dễ nhầm lẫn khác	5
1.1.4. Đặc điểm phát triển của học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở.....	15
1.2. Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật học tập trong trường trung học cơ sở.....	22
1.2.1. Đánh giá khả năng và nhu cầu của học sinh.....	22
1.2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân.....	26
1.2.3. Thực hiện kế hoạch.....	27
1.2.4. Lượng giá và chuyển tiếp.....	27
1.2.5. Xét tuyển, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả giáo dục học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập.....	28
1.2.6. Phối kết hợp giữa các lực lượng khi triển khai giáo dục hoà nhập trung học cơ sở.....	32
CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ.....	36
2.1. Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập cấp trung học cơ sở.....	36
2.1.1. Nguyên tắc phát triển chương trình.....	37
2.1.2. Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật học tập.....	38
2.1.3. Phương pháp điều chỉnh hoạt động dạy học.....	42
2.2. Điều chỉnh thực hiện các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở dành cho học sinh khuyết tật học tập.....	46

2.2.1. Môn Toán.....	46
2.2.2. Môn Ngữ văn.....	72
2.2.3. Môn Khoa học tự nhiên.....	96
2.2.4. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	111
2.2.5. Môn Lịch sử – Địa lí.....	120
CHƯƠNG 3. HỖ TRỢ HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP	
HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ.....	140
3.1. Một số chiến lược hỗ trợ chung.....	140
3.1.1. Hình ảnh hoá thông tin.....	140
3.1.2. Sơ đồ tư duy.....	141
3.1.3. Phân tách kiến thức cốt lõi.....	143
3.1.4. Mở rộng cơ hội thực hành tương tự.....	144
3.2. Quản lý lớp học có học sinh khuyết tật học tập.....	154
3.2.1. Thấu hiểu những thay đổi của học sinh tuổi vị thành niên.....	154
3.2.2. Tạo điều kiện để học sinh khuyết tật học tập tham gia hòa nhập	155
3.2.3. Tư vấn cho học sinh vị thành niên.....	159
3.2.4. Vấn đề việc làm cho học sinh khuyết tật học tập vị thành niên.....	160
3.2.5. Khả năng tiếp tục học tập của học sinh khuyết tật học tập.....	161
3.3. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.....	162
3.3.1. Một số kỹ năng cơ bản.....	162
3.3.2. Kỹ năng học tập.....	162
3.3.3. Kỹ năng hiểu mình.....	163
3.4. Tổ chức các hoạt động tập thể trong dạy học hòa nhập.....	166
3.4.1. Các hoạt động trong giờ lên lớp (vòng bạn bè, hỗ trợ tương tác)	166
3.4.2. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp.....	167
3.5. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ cá nhân.....	167
3.5.1. Tiết học cá nhân.....	167
3.5.2. Tiết sinh hoạt nhóm.....	168
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	169
PHỤ LỤC.....	172

LỜI MỞ ĐẦU

Luật Người khuyết tật (số 51/2010/QH12) của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định “*Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật*”. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học và thực tiễn cho thấy tính hiệu quả và khả thi của phương thức giáo dục này bằng các chỉ số về học sinh khuyết tật đi học hòa nhập ngày càng tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng.

Ngày 28/11/2014 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Thực hiện Nghị quyết này, ngày 26/12/2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết phổ thông (sau đây gọi là Chương trình giáo dục phổ thông 2018) với định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh cùng với đó là tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển; quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của học sinh; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh.

Tài liệu “***Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập cấp trung học cơ sở***” gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở.

Chương này giới thiệu hai nội dung lớn liên quan đến các đặc điểm cơ bản về học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở và quy trình triển khai giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở.

Chương 2: Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở.

Nội dung chương này tập trung vào hướng dẫn cán bộ quản lý và giáo viên dạy hoà nhập cách thức điều chỉnh chương trình phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở dành cho học sinh khuyết tật học tập. Hướng dẫn điều chỉnh chi tiết cho môn Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được trình bày cụ thể ở phần thứ hai của chương này.

Chương 3: Hỗ trợ học sinh khuyết tật học tập hòa nhập cấp trung học cơ sở.

Nội dung chương 3 tập trung vào các chiến lược hỗ trợ chung, cách thức quản lý lớp học hoà nhập, giáo dục kỹ năng sống và tổ chức hoạt động tập thể và hoạt động can thiệp cá nhân cho học sinh khuyết tật học tập.

Theo kế hoạch triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2021 – 2022 sẽ thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, vì vậy trong khuôn khổ tài liệu sẽ chỉ hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập lớp 6, đồng thời lựa chọn các môn học phù hợp với học sinh khuyết tật học tập là Toán, Ngữ Văn, Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để minh họa.

Tài liệu có tham khảo một số công trình khoa học, các tài liệu nghiên cứu và kết quả triển khai về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật học tập trong trường phổ thông của một số tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Tài liệu có thể được sử dụng làm hướng dẫn chính thức hoặc công cụ, nguồn tư liệu tham khảo cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh học sinh và những nhà chuyên môn quan tâm trong giáo dục học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập cấp trung học cơ sở.

Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở rất đa dạng, phong phú, có thể được thể hiện ở nhiều tầng bậc và xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Nội dung đề cập trong bộ tài liệu này mới phản ánh được những vấn đề cơ bản, cốt lõi nhất.

Mặc dù nhóm tác giả đã có nhiều cố gắng để giới thiệu đến các thầy giáo, cô giáo những vấn đề cơ bản trong việc triển khai thực hiện các nội dung giáo dục học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập trong trường trung học cơ sở nhưng tài liệu không khỏi còn những hạn chế cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Rất mong sự phản hồi, góp ý của các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục và các nhà giáo.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM BIÊN SOẠN

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP Ở CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1.1. Khái niệm

Theo Sổ tay Chẩn đoán và Thống kê Rối loạn Tâm thần, Phiên bản thứ năm (Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders, Fifth Edition, DSM-5), khuyết tật học tập là một dạng rối loạn phát triển thần kinh, gây cản trở khả năng học tập hoặc sử dụng một cách hiệu quả các kỹ năng học tập nền tảng khác nhau như kỹ năng đọc, viết và tính toán. Những khó khăn trong học tập là biểu hiện phát triển không tương thích với các lĩnh vực phát triển khác của lứa trẻ. Dấu hiệu sớm về khó khăn trong học tập có thể xuất hiện trong những năm mẫu giáo, nhưng chúng chỉ có thể được chẩn đoán đáng tin cậy khi học sinh tham gia chương trình học tập chính thức.



1.1.2. Một số biểu hiện chính nhận biết học sinh khuyết tật học tập

Theo DSM-5, Khuyết tật học tập được nhận diện dựa trên 4 tiêu chí sau:

- Tiêu chí A: *Diễn ra liên tục và ảnh hưởng đến kỹ năng học tập*

Những khó khăn liên tục diễn ra trong quá trình học tập và ảnh hưởng ít nhất đến một kỹ năng học tập (ví dụ: Đọc chính xác / lưu loát; chính tả; năng lực diễn đạt bằng văn bản và lưu loát; nắm vững các sự kiện về số). Những khó khăn này vẫn tồn tại và không cải thiện nhiều như mong đợi, mặc dù đã cung cấp can thiệp có mục tiêu trong ít nhất sáu tháng.

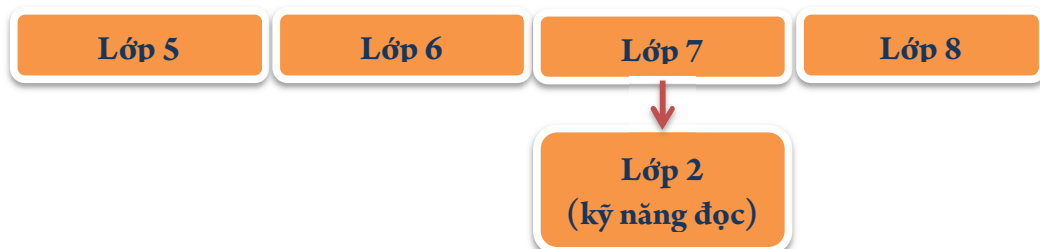


Hình 1.1. Các dạng khuyết tật học tập

– **Tiêu chí B:** *Kỹ năng học tập thấp hơn hẳn so với bạn cùng lứa tuổi*

Những khó khăn mà cá nhân gặp phải sẽ được đánh giá bằng cách sử dụng các bài kiểm tra thành tích được tiêu chuẩn hóa và được tìm thấy ở mức thấp hơn đáng kể so với hầu hết các cá nhân cùng tuổi. Đôi khi các cá nhân được xác định bị rối loạn học tập mặc dù họ đang thực hiện trong phạm vi trung bình. Đây chỉ là trường hợp khi có thể chỉ ra rằng cá nhân đang đạt được ở cấp độ này do mức độ nỗ lực cao bất thường và hỗ trợ liên tục.

Ví dụ: Học sinh khuyết tật học tập A học lớp 7 nhưng kỹ năng đọc chỉ tương đương với một học sinh lớp 2.



Hình 1.2. Minh họa sự bất cân đối giữa trình độ và khả năng

– **Tiêu chí C:** *Khuyết tật học tập là rối loạn suốt đời và mang tính bền vững cao*

Những khó khăn mà cá nhân gặp phải thường trở nên rõ ràng trong những năm đầu đi học. Khó khăn có thể xuất hiện muộn hơn ở lớp cao của tiểu học hoặc ở cấp trung học cơ sở một khi yêu cầu về kết quả học tập của học sinh tăng lên đáng kể. Ví dụ – khi học sinh phải đọc các đoạn văn bản phức tạp mở rộng hoặc viết ở mức độ phức tạp hơn trong các điều kiện thời gian.



Hình 1.3. Hình minh họa khuyết tật học tập diễn ra liên tục suốt cuộc đời

– Tiêu chí D: Khuyết tật học tập không phải do những khuyết tật khác hoặc hoàn cảnh bất lợi gây ra

Không được chẩn đoán mắc rối loạn học tập đặc thù nếu học kém do các nguyên nhân sau: Có khuyết tật trí tuệ; suy giảm cảm giác; nghỉ học quá quy định; không thành thạo ngôn ngữ dùng trong nhà trường; có khó khăn về điều kiện tâm lý xã hội; hoặc không nhận được hướng dẫn và hoặc can thiệp thích hợp.

+ Không phải do hoàn cảnh khó khăn



+ Không phải do khuyết tật khác gây ra



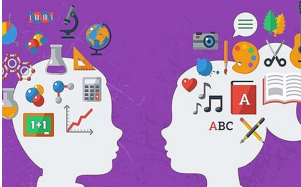
Hình 1.4. Minh họa những dạng học sinh không phải là học sinh khuyết tật học tập

1.1.3. Phân biệt khuyết tật học tập với các khuyết tật dễ nhầm lẫn khác

Bảng dưới đây chỉ ra một số đặc điểm khác nhau cơ bản giữa học sinh khuyết tật học tập với hai nhóm học sinh dễ nhầm lẫn khác là học sinh Khuyết tật trí tuệ và học sinh Rối loạn phổ tự kỷ.

Bảng 1.1. Bảng phân biệt khuyết tật học tập với khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ

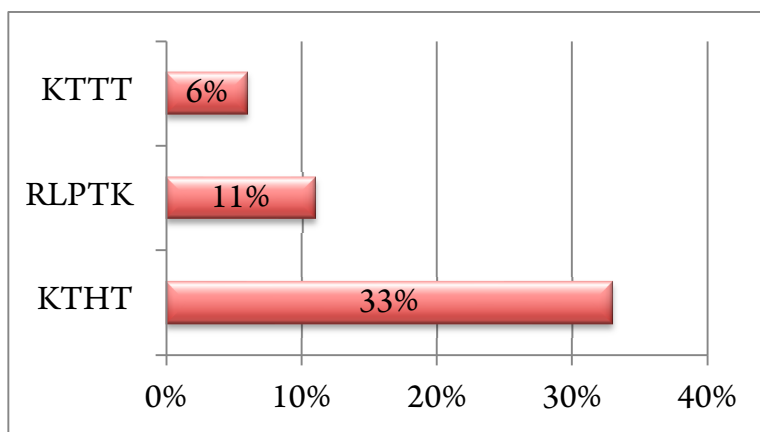
Nội dung	Khuyết tật học tập	Khuyết tật trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ
Khiếm khuyết cốt lõi	Học tập (kỹ năng đọc, viết, tính toán...).	Năng lực nhận thức chung và kỹ năng thích ứng	Giao tiếp, tương tác xã hội
	Khá đa dạng, ở nhiều lĩnh vực và nhiều mức độ khác nhau: Thể thao, âm nhạc, hội họa, thiết kế, sáng tác.	Tư duy cụ thể phát triển. Do đó, học tập tốt khi được thao tác và cảm nhận đa giác quan.	Tư duy bằng hình ảnh phát triển và trở thành nòng cốt của tư duy;

Điểm mạnh	Khả năng bù trừ có thể phát triển để hỗ trợ cho những khó khăn về học tập. Ví dụ: Nghe và ghi nhớ âm thanh tốt. 		Một số ít cá nhân có những điểm mạnh nổi trội, đặc biệt. 
Chỉ số trí tuệ	Giao động từ mức trung bình thấp đến rất cao	Chỉ số trí tuệ thấp (dưới 75)	Khoảng 33% học sinh Rối loạn phổ tự kỷ có kèm theo khuyết tật trí tuệ (Theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng chống dịch bệnh Hoa Kỳ – CDC)
Kỹ năng học đường	Giảm sút một cách đáng kể ở một hoặc một vài kỹ năng học tập.	Giảm sút rõ rệt ở hầu hết các kỹ năng học tập.	Phần lớn học sinh Rối loạn phổ tự kỷ gặp khó khăn rõ ràng trong việc lĩnh hội và sử dụng các kỹ năng học tập.

1.1.3.1. Số liệu liên quan đến khuyết tật học tập

Dưới đây là một số thông tin, số liệu liên quan đến khuyết tật học tập được tổng hợp từ đa dạng các nguồn, nghiên cứu tin cậy trên thế giới:

Theo Trung tâm Quốc gia về Thống kê giáo dục, Hoa Kỳ: Trong tổng số lượng học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt năm học 2018 – 2019, học sinh khuyết tật học tập chiếm 33%, là nhóm có số lượng lớn nhất (so với 11% thuộc về nhóm học sinh Rối loạn phổ tự kỷ, và 6% thuộc về nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ).



Hình 1.5. So sánh số lượng học sinh khuyết tật trí tuệ so với học sinh khuyết tật trí tuệ và học sinh rối loạn phổ tự kỷ

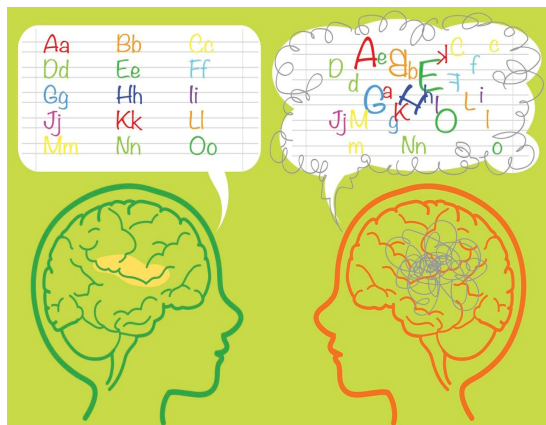
Theo trung tâm quốc gia về khuyết tật học tập Hoa Kỳ: Có khoảng 8% trẻ trong độ tuổi từ 3 – 17 có khuyết tật học tập. Trong đó, nhóm học sinh có rối loạn về đọc chiếm số lượng lớn hơn cả (so với rối loạn viết và rối loạn tính toán).

Theo Hiệp hội Hoa Kỳ về khuyết tật học tập, nguy cơ bỏ học của học sinh khuyết tật học tập ở cấp học cao hơn như trung học cơ sở và trung học phổ thông cao gấp ba lần so với những học sinh đồng trang lứa khác. Nguy cơ này sẽ cao hơn hoặc thấp hơn do các ảnh hưởng của kỳ vọng hoặc áp lực trong gia đình, nhà trường và xã hội đối với từng học sinh khuyết tật học tập.

1.1.3.2. Phân loại

a. Rối loạn đơn lẻ

Rối loạn đọc



– Rối loạn đọc là một trong những dạng khuyết tật học tập phổ biến nhất trong nhóm khuyết tật học tập.

– Rối loạn đọc được đặc trưng bởi những khó khăn trong việc giải mã (đọc) và xử lý ý nghĩa văn bản mặc dù trí thông minh và khả năng trí tuệ của học sinh ở mức trên trung bình.

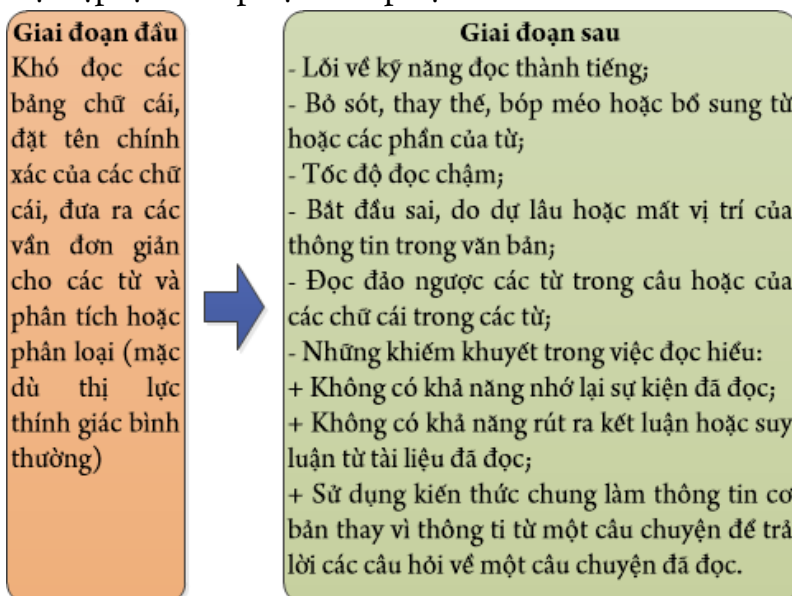
– Học sinh rối loạn đọc chỉ được nhận diện khi những khó khăn trong hoạt động đọc của học sinh không thể giải thích được bằng các nguyên nhân như: Khả năng trí tuệ kém, hoạt động giảng dạy không hiệu quả hoặc khiếm khuyết giác quan như khiếm thính, khiếm thị.....

– Rối loạn đọc ảnh hưởng trước hết đến khả năng đọc, viết và nhiều lĩnh vực hoạt động khác của học sinh. Vì thế, một học sinh rối loạn đọc gặp rất nhiều khó khăn ngay khi tham gia học tiểu học nếu không được phát hiện sớm và nhận được những hỗ trợ phù hợp.

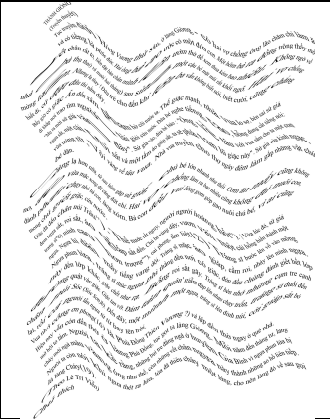
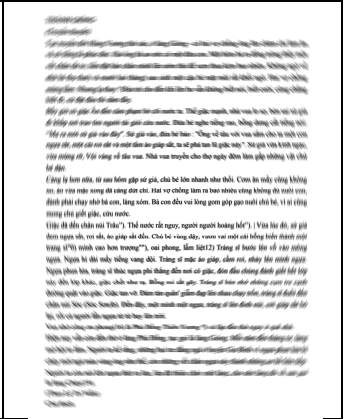
– Những biểu hiện của khó đọc: Ba tiêu chí quan trọng nhất trong nhận diện kỹ năng đọc bao gồm 1) tốc độ đọc thành tiếng chậm, 2) số lỗi đọc sai và 3) hạn chế khả năng hiểu văn bản. Những học sinh khuyết tật học tập có rối loạn đọc thường biểu hiện rõ những khó khăn về đọc của bản thân ở cả ba lĩnh vực trên. Cụ thể:

Tốc độ đọc	Số lỗi sai	Khả năng đọc hiểu
– Tốc độ đọc thấp hơn chuẩn tối thiểu từ một đến vài năm.	– Thêm từ; – Bớt từ; – Thay từ, đoán từ; – Đảo từ; – Nhầm từ.	– Khó khăn trong việc dò tìm thông tin; – Chỉ nêu được một vài ý cơ bản, sơ giản; – Khó khăn trong kết nối ý với ý; – Khó khăn để nêu được ý chính của văn bản đọc.

– Rối loạn đọc được biểu hiện rõ ràng dần theo thời gian khi học sinh tham gia học tập tại các lớp học và cấp học cao hơn:



- Trường hợp rối loạn đọc đặc biệt: Là những trường hợp không đọc được văn bản bằng mắt thường (mù đọc), mặc dù những cá nhân này không bị mù hoặc nhìn kém.
- Tri giác khó khăn khi đọc văn bản là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc tiếp nhận và tự đọc những văn bản này. Những hình ảnh dưới đây minh họa cho việc tri giác văn bản dưới con mắt của người rối loạn đọc dạng mù đọc hoặc gặp rất nhiều khó khăn khi đọc:

		
Chữ trong văn bản bị nhòe vào nhau	Con chữ như bay nhảy	Choáng mắt khi nhìn vào văn bản đọc

Rối loạn viết

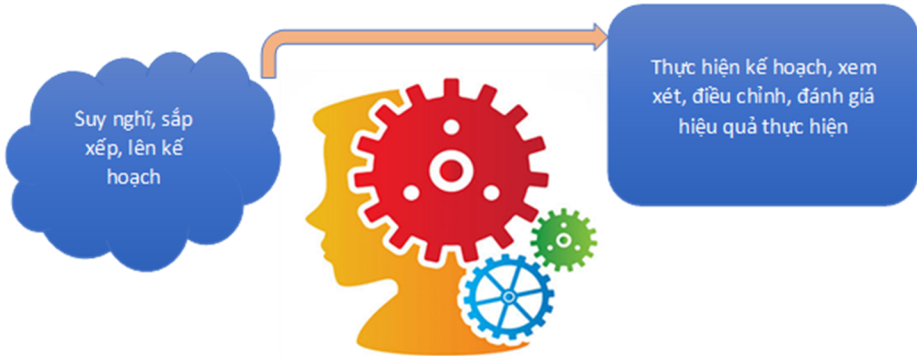
- Rối loạn viết là loại khiếm khuyết trong học tập liên quan đến cách ghi nhận và thể hiện những suy nghĩ bằng chữ viết và biểu tượng.
- Những biểu hiện của khó viết: Ba tiêu chí quan trọng nhất trong nhận diện kỹ năng viết bao gồm 1) tốc độ viết; 2) số lỗi đọc sai và 3) khả năng tạo lập văn bản. Những học sinh khuyết tật học tập có rối loạn viết thường biểu hiện rõ những khó khăn về viết của bản thân ở cả ba lĩnh vực trên. Cụ thể:

Tốc độ viết	+ Tốc độ viết chậm hơn hẳn so với chuẩn yêu cầu về tốc độ viết của lớp học mà học sinh đang tham gia (có thể khi nghe – viết hoặc nhìn – viết; hoặc cả hai).
Số lỗi sai	+ Chữ viết xấu, rất khó đọc; + Mặc nhiều lỗi về trình bày văn bản; + Mặc nhiều lỗi liên quan đến từ ngữ, ngữ pháp.
Tạo lập văn bản	+ Khó khăn để diễn đạt được những suy nghĩ của mình bằng ngôn ngữ viết;

	+ Viết được nhưng sử dụng rất ít từ ngữ, từ ngữ không linh hoạt; + Khó khăn trong việc vận dụng các biện pháp để hoàn thành bài tập làm văn hiệu quả.
--	--

– Rối loạn viết thường đi kèm với rối loạn đọc. Khả năng đọc hạn chế khiến cho khả năng tiếp thu, tích lũy và sử dụng ngôn ngữ của học sinh hạn chế.

– Bên cạnh đó, khiếm khuyết về chức năng điều hành là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến rối loạn về tạo lập văn bản ở những học sinh khuyết tật học tập dạng này. Cụ thể: Chức năng điều hành là khả năng một cá nhân có thể sắp xếp, lên kế hoạch, tổ chức, điều chỉnh, điều phối và đánh giá hiệu quả của một hoạt động. Do bị khiếm khuyết chức năng điều hành, nên học sinh rối loạn viết khó khăn trong việc sắp xếp ý tưởng, sắp xếp ngôn từ và tạo lập văn bản hoàn chỉnh.



Rối loạn tính toán

– Rối loạn tính toán là một loại khuyết tật học tập liên quan đến việc tiếp nhận, thông hiểu và giải quyết các tình huống trong thực tế liên quan đến tính toán.

– Rối loạn tính toán biểu hiện ở hầu hết các lĩnh vực liên quan đến toán học. Ví dụ:



Đại số	+ Khó khăn trong việc đếm đọc, viết và so sánh các chữ số; + Mắc nhiều lỗi khi thực hiện 4 phép tính cơ bản nhất là với các số có nhiều chữ số; số thập phân và phân số; + Khó khăn trong việc nhận biết và chuyển đổi các đơn vị đo (khối lượng, thời gian); nhớ, chuyển đổi và áp dụng các phương trình; cộng, trừ, nhân, chia các phân thức...
---------------	---

Hình học	+ Khó khăn trong việc xác định điểm, đoạn, các đoạn thẳng song song, trực tung, trực hoành, các góc nhọn, tù, vuông; góc đối đỉnh, đường trung trực của đoạn thẳng; + Phân biệt các yếu tố hình học và áp dụng công thức để tính diện tích xung quanh và thể tích các hình (hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đứng, hình chóp đều và hình chóp cụt đều...).
Giải toán	+ Khó hình dung và tạo mối liên hệ giữa yêu cầu của bài toán với việc giải bài nên rất hạn chế trong việc giải các bài toán; + Một số học sinh không hiểu ý nghĩa của các từ, cụm từ toán học (ví dụ: Tập hợp, phần tử, biểu thức, lũy thừa...).

– Tương tự như rối loạn đọc, rối loạn tính toán cũng được biểu hiện rõ ràng dần theo thời gian khi học sinh tham gia học tập tại các lớp học và cấp học cao hơn:

Ngay ở tuổi **mầm non, học sinh** đã xuất hiện những dấu hiệu sau đây: Khó khăn khi phải làm quen với các biểu tượng toán học sơ giản như: màu sắc, hình dạng, kích thước; khó phân biệt và sử dụng các từ chỉ vị trí đồ vật như trên, dưới, trước, sau; trong ngoài; rất khó nhớ các con số và thường đếm nhầm số lượng các đồ vật.



Khi đến trường **tiểu học** các khó khăn này càng được bộc lộ rõ hơn. Trong khi phần lớn các bạn cùng lớp dễ dàng thực hiện thành thạo 4 phép tính cơ bản thì những học sinh này luôn mắc lỗi. Học sinh luôn cần nhiều đồ dùng trực quan để thao tác trên đó mới có thể thực hiện được các phép tính cộng, trừ đơn giản. Các phép tính thực hiện với số thập phân và phân số dường như là quá khó khăn với học sinh



Phần lớn học sinh Rối loạn tính toán ở cấp trung học cơ sở có trình độ môn toán chỉ như học sinh lớp 2 đến lớp 4. Nhiều học sinh chưa thể thực hiện các phép tính cơ bản với số thập phân và phân số không thực hiện được bài toán giải phương trình nhiều ẩn số và vẽ đồ thị hàm số.

– Để có thể tham gia học toán một cách hiệu quả, học sinh được mong đợi sẽ lĩnh hội tốt ba yếu tố sau:

Kỹ năng nền tảng

- Khả năng tiếp nhận thị giác, ghi nhớ không gian thị giác và khả năng tư duy logic là những kỹ năng nền tảng quan trọng nhất đối với việc học toán

Kỹ năng tính toán

- Có rất nhiều kỹ năng tính toán cơ bản, cốt lõi mà Học sinh phải chiếm lĩnh được ngay từ giai đoạn đầu tham gia học tập, ví dụ: kỹ năng đếm, kỹ năng cộng, trừ, nhân, chia, kỹ năng phân tách số hạng

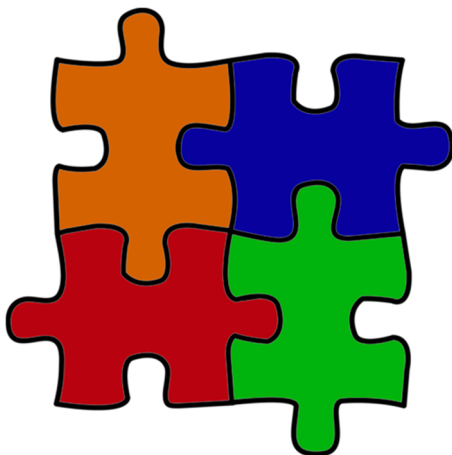
Kiến thức

- Có rất nhiều kiến thức liên quan đến tính toán mà Học sinh cần phải học và hiểu mà không nhất thiết phải biết cách áp dụng hay hiểu hết bản chất về điều đó. Ví dụ: các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, biểu tượng, lý thuyết, định lý....

– Học sinh rối loạn tính toán gặp khó khăn trong việc lĩnh hội một, hai hoặc cả ba yếu tố nêu trên.

b. Rối loạn hỗn hợp các kỹ năng học đường

– Nhìn chung, số lượng học sinh khuyết tật học tập dạng đơn lẻ không nhiều. Học sinh khuyết tật học tập gặp đa dạng khó khăn sẽ có số lượng nhiều hơn. Những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc thường đi kèm với khó khăn về viết; một số học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc cũng gặp khó khăn về tính toán. Thông thường, có một số lượng lớn học sinh khuyết tật học tập sẽ gặp khó khăn trong tất cả các kỹ năng học đường cơ bản liên quan đến đọc, viết và tính toán.



*** Khuyết tật học tập – Một số lầm tưởng và thực tế**

+ Những thông tin liên quan đến khuyết tật học tập được giải thích tường minh hơn thông qua những lầm tưởng thường gặp về khuyết tật học tập dưới đây:

LẦM TƯỞNG	THỰC TẾ
Lầm tưởng 1. Những học sinh khuyết tật học tập không thông minh	Học sinh khuyết tật học tập cũng thông minh như những học sinh khác. Thông minh không liên quan gì đến khuyết tật học tập. Trên thực tế, những cá nhân khuyết tật học tập có trí thông minh từ trung bình đến trên trung bình. Nhiều cá nhân sở hữu trí tuệ mức độ cao, năng khiếu nghệ thuật hoặc các khả năng khác cho phép họ được coi là người tài giỏi. Các nghiên cứu chỉ ra rằng có tới 33% học sinh khuyết tật học tập có những năng lực vượt trội ở một hoặc một vài lĩnh vực. Bên cạnh đó, nhiều học sinh khuyết tật học tập được ghi nhận là rất sáng tạo và tháo vát, và là những cá nhân có tư duy thay thế. Các học sinh này thường thông minh, có những điểm mạnh và tài năng khác với những kỹ năng được nhấn mạnh ở trường. Với sự thừa nhận những khó khăn của học sinh khuyết tật học tập, cùng sự giúp đỡ thích hợp và sự phát triển của sở thích và tài năng của trẻ, học sinh khuyết tật học tập có thể học để thành công cả ở trường và xa hơn.
Lầm tưởng 2. Trẻ em bị khuyết tật học tập được xác định ở tuổi mẫu giáo và lớp một	Các khuyết tật học tập thường không được công nhận trong nhiều năm; hầu hết không được xác định cho đến lớp hai hoặc lớp ba. Những học sinh khuyết tật học tập thông minh có thể “che đậy” những khó khăn của trẻ và một số loại vấn đề học tập có thể không xuất hiện cho đến khi học sinh khuyết tật học tập học cấp hai, cấp ba hoặc thậm chí là đại học.

LẦM TƯỞNG	THỰC TẾ
Lầm tưởng 3. <i>Khuyết tật học tập là cái vô, bao biện cho sự lười biếng và thiếu động cơ học tập</i>	Khuyết tật học tập là rối loạn suy giảm thần kinh, không phải do khiếm khuyết về tính cách. Đối với hầu hết các cá nhân có khuyết tật học tập, họ đã rất nỗ lực để nhìn nhận và vượt qua khó khăn trong học tập; tuy nhiên, kết quả học tập của họ vẫn không cải thiện nhiều. Suy giảm động cơ học tập là hệ quả khi những học sinh khuyết tật học tập gặp liên tiếp những thất bại hoặc phải chịu áp lực từ phía gia đình, nhà trường và xã hội.
Lầm tưởng 4. <i>Khuyết tật học tập chỉ ảnh hưởng đến trẻ nhỏ. Người lớn sẽ thoát khỏi các rối loạn học tập này.</i>	Tác động của khuyết tật học tập sẽ kéo dài trong suốt cuộc đời của cá nhân và thậm chí có thể tăng lên ở tuổi trưởng thành khi các nhiệm vụ và nhu cầu môi trường thay đổi. Tuy nhiên, hỗ trợ sớm sẽ đem lại những cải thiện nhất định cho vấn đề rối loạn của học sinh. Nghiên cứu đã chứng minh rõ ràng rằng một đứa trẻ được giúp đỡ thích hợp cho tình trạng khuyết tật học tập càng sớm thì kết quả thành công càng cao.
Lầm tưởng 5. <i>Thuật ngữ chứng khó đọc và khuyết tật học tập giống nhau</i>	Chứng khó đọc hay còn gọi là rối loạn đọc là một dạng khuyết tật học tập. Đây là một chứng rối loạn ngôn ngữ cụ thể ảnh hưởng đến khả năng đọc, viết và diễn đạt bằng lời nói của một người. Bốn trong số năm trẻ em được xác định có khuyết tật học tập được chẩn đoán là bị khuyết tật đọc (hay rối loạn đọc). Vì mọi môn học — kể cả toán — đều yêu cầu đọc và viết, nên tình trạng khuyết tật về đọc sẽ ảnh hưởng đến tất cả việc học ở trường của một người.
Lầm tưởng 6. <i>Người lớn có khuyết tật học tập không thể thành công trong giáo dục đại học</i>	Ngày càng có nhiều người trưởng thành khuyết tật học tập đi học đại học hoặc cao đẳng và thành công. Với những điều kiện thích hợp và sự hỗ trợ, người trưởng thành khuyết tật học tập có thể thành công ở bậc học cao hơn.

1.1.4. Đặc điểm phát triển của học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở

a. Đặc điểm hoạt động học tập

Như đã đề cập, khuyết tật học tập là một rối loạn phát triển kéo dài cho đến tuổi trưởng thành. Do đó, những khó khăn của học sinh khuyết tật học tập sẽ luôn tồn tại ở mọi cấp học nhưng ở mức độ khó khăn khác nhau.

Trên thực tế, những khó khăn trong học tập từ cấp tiểu học của học sinh khuyết tật học tập sẽ tiếp tục diễn tiến khi học sinh bước vào cấp học trung học cơ sở tuy nhiên ở mức độ khó khăn nhiều hơn. Điều này xuất phát từ thực tế các đòi hỏi về học tập ở cấp học này phức tạp hơn, mang tính trừu tượng cao hơn. Đặc biệt, với những học sinh khuyết tật học tập có kỹ năng nền tảng như đọc, viết hoặc tính toán yếu, hoặc các kỹ năng này chưa trở thành kỹ năng công cụ chiếm lĩnh kiến thức thì quá trình học tập của học sinh khi bước sang cấp học này sẽ vô cùng thách thức.

Một số đặc điểm khó khăn về học tập cụ thể của học sinh khuyết tật học tập giai đoạn này:

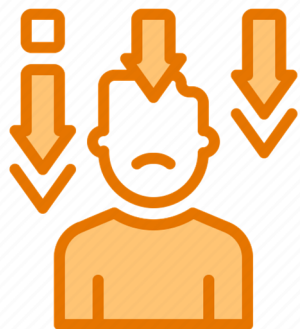
– Học sinh khuyết tật học tập khó khăn trong việc thể hiện các kỹ năng cơ bản như: Đọc, đọc hiểu, viết, làm toán và suy luận toán học. Học sinh thường có các biểu hiện sau:



+ Hầu hết những học sinh khuyết tật học tập ở độ tuổi thiếu niên thường có kết quả học tập rất kém, đặc biệt là điểm số thường rất thấp trong các môn ngữ văn và làm toán;

+ Các kỹ năng về học vấn ở những học sinh này ngày càng bị mai một đi nhất là vào những năm cuối cấp, nếu không được học tập trong một môi trường phù hợp. Ví dụ những học sinh khuyết tật học tập ở lớp 7 có trình độ viết chỉ bằng các học sinh lớp 3 thì đến lớp 9 kết quả thi còn kém tương đương với lớp 2;

+ Phần lớn học sinh khuyết tật học tập ở độ tuổi này thường không có khả năng học các môn học sử dụng nhiều kỹ năng học tập. Học sinh thường rất kém trong việc trả lời vấn đáp, ghi chép, nghe hiểu, đọc lướt, phát hiện và chữa lỗi sai.



b. Đặc điểm học tập gắn liền với động cơ học tập

Những khó khăn trong học tập dẫn đến những thất bại trong học tập của học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở sẽ có xu hướng xảy ra thường xuyên hơn. Kết quả học tập hạn chế, kèm theo các yếu tố ngoại cảnh như áp lực gia đình; áp lực từ phía giáo viên và nhà trường; khó khăn hoặc đổ vỡ mối quan hệ giữa học sinh với giáo viên, giữa học sinh với giáo viên... sẽ khiến cho động cơ học tập của học sinh khuyết tật học tập có thể bị giảm sút đáng kể. Nghiên cứu đã chỉ ra, tỷ lệ bỏ học của học sinh khuyết tật học tập cao hơn nhiều lần so với học sinh đồng trang lứa.

Thực tế cho thấy, nhiều học sinh khuyết tật học tập dù đã cố gắng dành rất nhiều thời gian công sức nhưng kết quả học tập vẫn không cao. Điều này khiến học sinh từ chỗ có trách nhiệm đối với học tập chuyển sang thái độ chán nản, thờ ơ vô trách nhiệm. Hiểu biết của các học sinh về nhiều mặt hạn chế, bó gọn trong chương trình học tập, suy giảm động cơ học tập. Nguy hiểm hơn, nhiều học sinh hoàn toàn thiếu những kỹ năng làm việc độc lập, cũng không có nhu cầu để hình thành và củng cố những kỹ năng đó. Ở lứa tuổi này việc tiếp thu kiến thức nhiều khi vượt ra khỏi giới hạn của nhà trường, ngoài chương trình học, mang tính độc lập và có mục đích hơn.

Khá nhiều học sinh đã biểu lộ xu hướng ổn định với hoạt động trí tuệ và khát vọng muốn nắm vững tri thức và kỹ năng mới, có hứng thú bền vững với những môn học nhất định liên quan với một ngành khoa học, kỹ thuật tương ứng. Ngược lại, ở nhóm học sinh khuyết tật học tập những hạn chế về kiến thức học đường, kỹ năng và thói quen học tập lại càng bộc lộ rõ hơn nên các học sinh ngày càng ý thức rõ về sự yếu kém của mình, lảng tránh hoạt động học tập.



Giống như các học sinh khác, nhiều học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở cũng có động cơ hoạt động học tập liên quan đến dự định nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, do kết quả học tập yếu kém nên học sinh cảm thấy thực sự không hài lòng với bản thân và rất bối rối trong việc đưa ra các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Hơn nữa, cách thức dạy và học ở trường trung học cơ sở khác căn bản với trường tiểu học. Thay cho một giáo viên dạy tất cả các môn học, giờ đây trong một ngày học sinh có thể phải học với 3 – 4 giáo viên khác nhau ở các môn học. Mỗi giáo viên lại dạy với một phong cách, trình độ tri thức, cách giao tiếp riêng. Quan hệ qua lại giữa giáo viên và học sinh không còn gần gũi, gần gũi như ở cấp tiểu học mà mối quan hệ này thường xa cách hơn. Các môn học đa dạng, tài liệu học tập ngày càng phức tạp hơn. Điều này gây khó khăn nghiêm trọng cho học sinh khuyết tật học tập, đặc biệt với những học sinh đầu cấp (lớp 6 hoặc lớp 10). Học sinh khuyết tật học tập thường không thể thích nghi ngay với hình thức dạy học mới này, nhiều học sinh muốn bỏ học. Tuy nhiên, nếu giáo viên có thái độ tôn trọng, đồng cảm, cách ứng xử bình đẳng, công bằng, tế nhị và biết cách giải thích tài liệu hay, dễ hiểu, phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng của học sinh thì học sinh khuyết tật học tập thích đi học hơn.

Cách nhìn nhận, sự đánh giá của các giáo viên bộ môn nhiều khi là yếu tố quyết định đối với hứng thú học tập của học sinh. Không ít học sinh mặc dù kết quả học tập một môn nào đó thấp nhưng vẫn thích môn học đó vì thầy, cô dạy hay, hấp dẫn. Cách dạy học được phân hoá theo từng môn cũng là cơ sở để học sinh tách ra thành môn “hay” và “không hay”, thành những tiết học “cần thiết” và “không cần thiết”, thành những tri thức “cần” và “không cần”. Việc phân hoá như vậy đối với học tập thường được quyết định bởi chất lượng dạy học, bởi hứng thú học tập và kết quả học tập của thiếu niên khuyết tật học tập.

Việc học tập ở các lớp trung học cơ sở đòi hỏi học sinh phải nghiên cứu và lĩnh hội các môn học khác nhau. Học sinh phải nắm vững một khối lượng tri thức lớn. Ví dụ, hệ thống công thức, ký hiệu trong toán học, vật lý học, ngôn ngữ học... Những môn học mới đề ra những yêu cầu mới, phương thức lĩnh hội mới nhằm phát triển trí tuệ ở trình độ cao hơn. Đó là tư duy lý luận, tư duy

phân tích, tư duy trực quan hình ảnh. Loại tư duy này thường bắt đầu phát triển lúc 11, 12 tháng tuổi và được hoàn thiện vào lúc 17, 18 tháng tuổi. Piaget gọi đây là giai đoạn của trí tuệ thao tác hình thức. Kiểu tư duy này có đặc điểm:

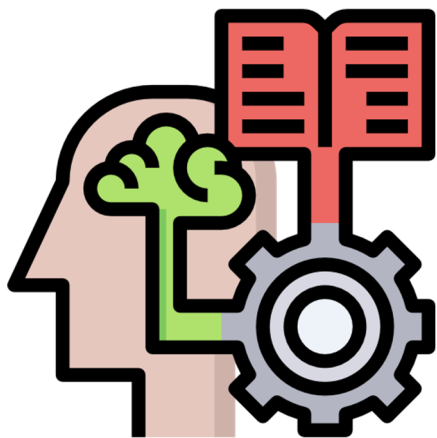
+ Dựa vào những đặc điểm có tính tượng trưng, dựa vào một hệ thống ký hiệu quy ước như ngôn ngữ, các ký hiệu toán học, vật lý học... để suy luận, phân tích rút ra kết luận.

+ Trình độ trí tuệ này đòi hỏi cách lập luận, kết luận đều diễn tả bằng lời, thoát khỏi mối liên hệ trực tiếp với vật thật hoặc mô hình thay thế. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều học sinh khuyết tật học tập ở lứa tuổi này bị hạn chế trong khả năng tư duy, nhất là việc sử dụng tư duy từ ngữ logic và tư duy trừu tượng, do đó gặp thất bại trong học tập và không thể theo học chung với các bạn nếu không có sự điều chỉnh hợp lý mọi hoạt động dạy học.

Khi vào học các lớp trung học, các môn học được tách thành 2 nhóm cơ bản là khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Nhìn chung, học sinh khuyết tật học tập đều gặp khó khăn trong việc lĩnh hội tri thức của cả hai nhóm này. Với nhóm các môn khoa học tự nhiên (Toán, Lý, Hoá...). Học sinh không biết cách biến đổi những dữ kiện của một bài toán, không “nhìn” ra các mối liên hệ của các định luật, định lý, quy tắc. Chẳng hạn muốn lĩnh hội một định lý của hình học, học sinh phải có kỹ năng nhìn hình vẽ, đọc hình vẽ, ghi nhớ và biết tái tạo nó, mặt khác phải rút ra những mối liên hệ giữa cát tuyến và hai đường song song. Học sinh phải duy trì sự chú ý, tri giác, tưởng tượng và tư duy cao, trong khi đó các học sinh khuyết tật học tập thường chóng mệt mỏi nên thường học rất kém và phát huy lối học vẹt một cách hình thức các môn khoa học tự nhiên để đối phó.

Các môn Khoa học Xã hội (Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa Lý...), với cách giảng dạy hiện nay, học sinh thường có xu hướng ghi nhớ tài liệu học tập khi chưa hiểu đầy đủ theo kiểu học thuộc lòng, bằng cách lập đi lập lại bài học nhiều lần. Điều này không có tác dụng tốt đối với sự phát triển trí tuệ: Học sinh không hình thành được sự phát triển trí nhớ theo hướng trí tuệ hoá, các thao tác tư duy trừu tượng (tư duy lôgic) rất non kém, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình học tập các môn này.

c. Đặc điểm về khả năng ghi nhớ



Học sinh khuyết tật học tập nói chung và học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở nói riêng có một số đặc điểm về khả năng ghi nhớ như sau:

– Có biểu hiện không ổn định trong khả năng ghi nhớ. Học sinh khuyết tật học tập thường quên cách đánh vần các từ, cách làm toán và những lời hướng dẫn dặn dò của thầy cô, mặc dù tiết học trước học sinh đã có thể thực hiện thành thạo.

– Không chủ động sử dụng được những thủ thuật ghi nhớ mà những học sinh bình thường hay sử dụng. Ví dụ: Để học thuộc các thông tin của một bài học, những học sinh khác sẽ chủ động đưa ra các thủ thuật giúp mình nhớ tốt hơn như: Xếp chúng vào một nhóm, đặt những điểm mốc quan trọng, gắn kết nó với những đặc điểm riêng. Khi học một danh sách các từ, học sinh bình thường hay nhắc lại các từ đó hay nhóm chúng vào trong các nhóm có đặc điểm chung là vật dụng, động vật, thực vật thì học sinh khuyết tật học tập không làm được như vậy.

– Gặp khó khăn trong việc ghi nhớ các sự kiện: Học sinh khuyết tật học tập khó có thể nhớ được đầy đủ các thông tin nếu các thông tin đó được cung cấp chỉ bằng một kênh là ngôn ngữ nói. Việc xử lý âm thanh chậm hơn không cho phép các học sinh khuyết tật học tập có đủ thời gian để nạp những thông tin đó vào bộ nhớ ngắn hạn. Do đó, hầu hết những gì được trình bày trước người học sẽ bị mất đi, không được lưu giữ trong bộ nhớ ngắn hạn và cũng không được truyền tải tới bộ nhớ dài hạn. Khiếm khuyết liên quan tới các dạng khuyết tật học tập dường như diễn ra trong bộ nhớ ngôn ngữ và ảnh hưởng tới khả năng giải mã, xếp loại và gọi lại thông tin đã được truyền tải.

d. Đặc điểm về khả năng tập trung chú ý và hoàn thành nhiệm vụ

Để đạt được thành công ở trường, mỗi học sinh đều phải nỗ lực hoàn thành một số lượng bài tập nhất định. Ngoài ra, học sinh phải có khả năng chuyển sự tập trung của mình từ một đối tượng này sang một đối tượng khác khi được yêu cầu. Tuy nhiên, những học sinh khuyết tật học tập lại thường bị chi phối rất nhiều bởi các tác nhân cũ và khó chuyển hướng sự chú ý của mình

đến các tác nhân mới; chỉ có thể tập trung trong thời gian ngắn, lơ đãng hay bị chi phối bởi tất cả những hoạt động ở xung quanh... Nhiều học sinh quá hiếu động, xuất hiện những hành vi vận động không mục đích (sờ ngón tay ngón chân, hỏi liên tiếp cùng một câu hỏi, không thể đứng hoặc ngồi yên). Đây là nguyên nhân chính khiến học sinh thường quên bắt đầu nhiệm vụ, bỏ dở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn.

e. Đặc điểm hành vi

Khi bước vào tuổi vị thành niên, học trung học cơ sở, học sinh khuyết tật học tập dễ bị tổn thương bởi các thách thức trong học tập, từ đó phát sinh các vấn đề về hành vi không mong đợi. Dưới đây là một số hành vi có thể gặp ở học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở:

Các hành vi mang tính trốn tránh nhiệm vụ học tập

- Tránh tham gia hoạt động trao đổi nhóm;
- Quên đồ dùng một cách có mục đích nhằm không phải thực hiện nhiệm vụ học tập;
- Thường xuyên lấy lý do mệt mỏi để không phải làm việc;
- Ngồi im hoặc rất ít nói trong khi tham gia học những môn học thách thức;
- Không muốn đến trường;
- Trốn học, trốn tiết;
- Than thở về trường lớp, các môn học, giáo viên và bạn bè;
- Đưa ra nhiều lý do biện minh cho việc không làm bài tập.

Các hành vi mang tính đối phó và chống đối lại môi trường học tập

- Nói dối hoặc đưa ra nhiều biện minh;
- Sử dụng lời nói và hành động làm tổn thương mối quan hệ giữa học sinh với giáo viên hoặc với giáo viên bè khác;
- Bắt nạt học sinh trong lớp, trong trường;
- Xuất hiện các cơn bùng nổ hành vi không đáng có.

*** Một số vấn đề về tâm lý, tình cảm, cảm xúc**

– Một số vấn đề về tâm lý, tình cảm, cảm xúc có thể xảy ra ở học sinh khuyết tật học tập như một hệ quả tất yếu của việc các nhu cầu tâm lý của học sinh không được đáp ứng một cách tích cực trong đúng giai đoạn học sinh bước vào lứa tuổi vị thành niên:

- + Cảm thấy lo lắng hoặc sợ hãi khi phải đến trường, tham gia các hoạt động học tập, hoặc tham gia các kì thi, kiểm tra định kỳ;
- + Rối nhiễu về mặt cảm xúc: Lúc vui, lúc buồn, lúc tức giận không phù hợp với bối cảnh học tập, sinh hoạt hoặc vui chơi;
- + Một số học sinh có thể có sang chấn về mặt tâm lý từ mức độ nhẹ đến mức độ nặng. Ở những học sinh bị sang chấn tâm lý mức độ nặng, các biểu hiện trầm cảm hoặc suy nghĩ tiêu cực (tìm đến cái chết) đã được ghi nhận;
- Nhìn chung, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, động cơ học tập và hành vi cư xử của học sinh khuyết tật học tập ở lứa tuổi vị thành niên biểu hiện khá phức tạp. Ban đầu, những vấn đề về học tập là vấn đề cốt lõi ở học sinh khuyết tật học tập (đặc biệt ở giai đoạn Tiểu học), nhưng dần dần vấn đề về tâm lý, hành vi, cảm xúc lại trở thành vấn đề then chốt, đáng lo ngại hơn cả ở những học sinh khuyết tật học tập độ tuổi vị thành niên như một hệ quả tất yếu của việc học sinh không được đáp ứng một cách tích cực trong quá trình phát triển tâm lý nhạy cảm.



Hình 1.6. Hình mô phỏng sự khác biệt giữa yếu tố học tập với yếu tố tâm lý của học sinh khuyết tật học tập

1.2. GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.2.1. Đánh giá khả năng và nhu cầu của học sinh

Lên tới cấp trung học cơ sở, mọi học sinh khuyết tật học tập đều đã có ít nhiều kỹ năng học tập. Trải qua 5 năm học tiểu học khó khăn, học sinh nào cũng có kinh nghiệm che giấu những hạn chế của bản thân. Các em luôn cố gắng để phù hợp, giống với các bạn cùng lớp.



Nhiều nghiên cứu cho thấy những học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở nếu không được chẩn đoán chính xác thường có lòng tự trọng thấp hơn so với các bạn khác. Những học sinh này không những có kết quả học tập kém mà còn gặp khó khăn trong việc thiết lập và duy trì mối quan hệ với giáo viên và các bạn trong lớp. Nếu không nhận được những hỗ trợ giáo dục đặc biệt phù hợp nhiều em sẽ không thể tiếp tục học lên trung học cơ sở.

Ở các nước phát triển, việc chẩn đoán đánh giá được thực hiện bởi những chuyên gia được đào tạo trong lĩnh vực này. Để chẩn đoán khuyết tật học tập người ta sử dụng các trắc nghiệm tâm lý giáo dục như:

(i) *Trắc nghiệm đo chỉ số thông minh (IQ) của cá nhân*: Những học sinh có kết quả IQ dưới hoặc bằng 70 sẽ được tiếp tục đánh giá những trắc nghiệm dành riêng cho học sinh khuyết tật trí tuệ.

(ii) *Trắc nghiệm thành tích học tập cá nhân*: Với những học sinh có chỉ số thông minh trên 70 sẽ được tham gia đánh giá bằng các trắc nghiệm này. Hiện nay, 3 bộ công cụ được sử dụng nhiều hơn cả là:

- *Trắc nghiệm thành tích cá nhân Peabody* – Đã chỉnh sửa/cập nhật quy chuẩn;
- *Trắc nghiệm thành tích hàng loạt –Phiên bản 3*, phần thành tích của Bộ công cụ tâm lý giáo dục Woodcock–Johnson – Đã chỉnh sửa;
- Và *Trắc nghiệm thành tích cá nhân Wechsler*.

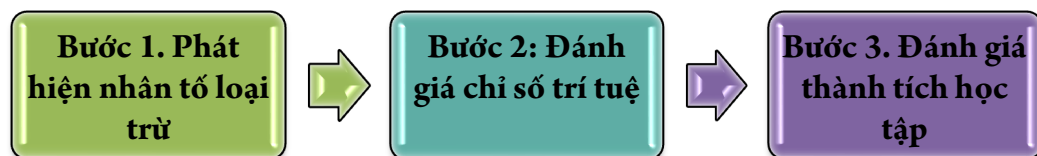
Tuy vậy, ở một số nước như Anh, Nhật Bản, học sinh khuyết tật học tập thường được phát hiện bởi giáo viên. Theo họ, hoạt động học tập chính là môi trường thích hợp nhất cho việc phát hiện và đánh giá khả năng nhu cầu của học sinh khuyết tật học tập.

Vì thế, nếu giáo viên thấy một học sinh trong lớp mình phụ trách xuất hiện ít nhất 2 trong những dấu hiệu sau đây, giáo viên cần sớm trao đổi với Ban giám hiệu nhà trường và tham khảo ý kiến của cán bộ phụ trách giáo dục hòa nhập địa phương:

Xuất hiện ít nhất 2 trong những dấu hiệu sau đây:

- Thường lảng tránh nhiệm vụ đọc, viết, tính toán.
- Khó khăn khi gặp nhiệm vụ tóm tắt và khái quát thông tin.
- Dành quá ít hoặc quá nhiều thời gian cho những vấn đề tiểu tiết.
- Làm bài với tốc độ rất chậm.
- Khó khăn khi phải đối mặt với sự thay đổi môi trường.
- Khả năng ghi nhớ kém và khó chỉ ra cách để ghi nhớ.
- Khó trả lời những câu hỏi dạng mở hoặc thiếu cấu trúc.
- Bài viết luôn sai quá nhiều lỗi chính tả.
- Khả năng đọc hiểu không tốt. Thường hiểu sai nội dung văn bản vừa đọc.
- Khó khăn trong việc hiểu những khái niệm trừu tượng.

+ Với học sinh cấp trung học cơ sở có những đặc điểm như trên cần tiến hành đánh giá đầu vào theo quy trình sau:



Bước 1. Phát hiện nhân tố loại trừ

Học sinh thuộc diện có kỹ năng học tập cơ bản (đọc, viết, tính toán) thấp hơn so với bạn đồng trang lứa từ một đến vài năm cần được hội đồng sư phạm nhà trường lập danh sách và tiến hành tìm hiểu nguyên nhân. Nếu học sinh học kém do các nguyên nhân: Khuyết tật (khuyết tật thị giác, khuyết tật thính giác, khuyết tật vận động, khuyết tật trí tuệ...), bỏ học thường xuyên, điều kiện chăm sóc giáo dục bất lợi thì mặc dù có nhu cầu giáo dục đặc biệt nhưng không được xếp vào diện khuyết tật học tập. Giáo viên cần sử dụng bảng kiểm về khó khăn đọc, viết, tính toán của Trung tâm quốc gia về khuyết tật học tập – Hoa Kỳ (xem phụ lục) để sàng lọc. Nếu học sinh học kém không do những nguyên nhân được liệt kê ở trên được tiếp tục đánh giá ở bước 2.

Bước 2: Đánh giá chỉ số trí tuệ

Để đánh giá chỉ số trí tuệ giáo viên và gia đình cần đưa học sinh đến cơ quan chuyên môn (Khoa tâm thần bệnh viện cấp Tỉnh trở lên, Phòng Nghiên cứu ứng dụng Khoa học Giáo dục Đặc biệt – Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập cấp tỉnh trở lên (nếu có), các phòng khám tâm lý có chức năng xác định mức độ khuyết tật...) để tiến hành chẩn đoán bằng trắc nghiệm. Bước này nên sử dụng *Trắc nghiệm thành tích cá nhân Wechsler – IV*. Trắc nghiệm này đã được Việt hóa và các chuyên gia đánh giá có bằng cấp được phép sử dụng ở Việt Nam. Nếu học sinh đến chẩn đoán có chỉ số trí tuệ dưới 75 học sinh đó sẽ nghi ngờ là học sinh khuyết tật trí tuệ, loại khỏi danh sách học sinh khuyết tật học tập. Trong trường hợp học sinh này có chỉ số trí tuệ trên 75 sẽ tiếp tục được tham gia đánh giá ở các bước sau.



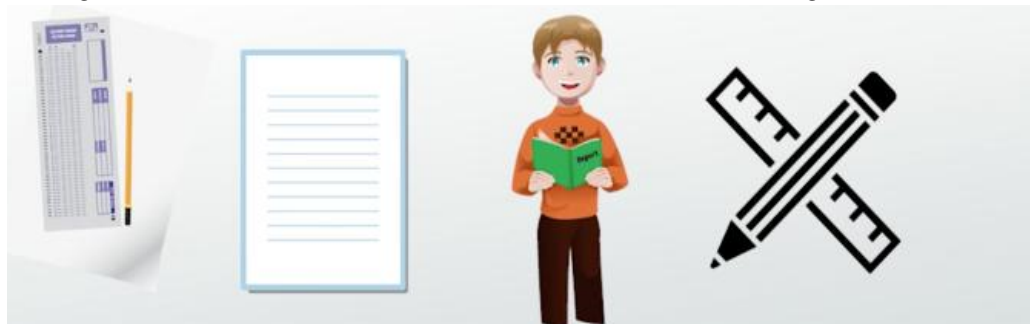
Hình 1.7. Công cụ Trắc nghiệm thành tích cá nhân Wechsler – IV

Bước 3. Đánh giá thành tích học tập

Hiện nay, Việt Nam chưa có bộ công cụ riêng dành cho hoạt động đánh giá thành tích học tập của học sinh khuyết tật học tập. Tuy nhiên, giáo viên có thể nghiên cứu và tự thiết kế các bài kiểm tra dựa trên chương trình (Curriculum – Based Assessment – CBA) từng khối lớp.

Trong đó, đánh giá dựa trên chương trình giảng dạy (CBA) là một quá trình đánh giá sử dụng nội dung học thuật được lựa chọn trực tiếp từ tài liệu được giảng dạy. Đây là một hình thức đánh giá tham chiếu tiêu chí kết nối

đánh giá với các chương trình giảng dạy bằng cách thông báo cho giáo viên về cả tiến bộ của học sinh và các thách thức học tập. Một đặc điểm chính của đánh giá dựa trên chương trình là nó cung cấp một hình thức đo lường trực tiếp trong đó giáo viên đang đánh giá chính xác những gì họ dạy, điều này không phải lúc nào cũng xảy ra với các đánh giá gián tiếp hoặc theo quy tắc không nhất thiết phản ánh tài liệu cụ thể được bao phủ trong lớp học cụ thể.



Các cách tiếp cận khác nhau đối với đánh giá dựa trên chương trình sử dụng phép đo trực tiếp, liên tục liên quan đến các thăm dò ngắn hoặc các biện pháp kín đáo khác tập trung vào các kỹ năng trực tiếp, nội dung và bối cảnh của một lớp học nhất định. Hầu hết các thăm dò mất từ 1 đến 5 phút để quản lý và thường dễ ghi điểm, khiến đánh giá dựa trên chương trình trở thành một hình thức đánh giá liên tục về hiệu suất của học sinh theo thời gian. Việc thu thập dữ liệu thường xuyên thường được lập thành biểu đồ để phân tích trực quan cho phép khả năng nhắm mục tiêu các kỹ năng mới nổi, các mẫu lỗi hoặc các kỹ năng cần khắc phục.

Ví dụ về các chiến lược và quy trình đánh giá dựa trên chương trình: Chiến lược phân tích lỗi. Chiến lược này được dùng để đánh giá các vấn đề trong việc đọc như thêm từ, thay thế, thiếu từ, đảo từ hoặc đọc thêm các từ không được hiển thị trong văn bản. Kiểm kê đọc không chính thức có thể được sử dụng để thiết lập tài liệu đọc phù hợp cho học sinh hoặc sắp xếp học sinh khuyết tật học tập tham gia vào nhóm có trình độ đọc phù hợp. Danh sách kiểm tra và thang đánh giá có thể được sử dụng để ghi lại chi tiết hiệu suất của học sinh một cách có hệ thống. Việc thu thập các mẫu công việc của học sinh cũng có thể được sử dụng như một đánh giá ban đầu để thu thập thêm thông tin về hiệu quả của các nhiệm vụ học tập mà học sinh đang thực hiện ngoài các sản phẩm cuối cùng để đánh giá.

1.2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân là bước nối tiếp của đánh giá ban đầu trong chuỗi làm việc liên tục của chương trình can thiệp học sinh khuyết tật học tập. Kế hoạch giáo dục cá nhân là sự xác định rõ những mục tiêu giáo dục, những biện pháp thực hiện để đạt được những mục tiêu này. Một kế hoạch giáo dục cá nhân đầy đủ phải bao gồm các thành phần sau:

Thông tư 03/2018/ TT - BGDDT quy định về Giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật có ghi rõ thông tin về "Kế hoạch giáo dục cá nhân" như sau:

- Mỗi người khuyết tật học hoà nhập có kế hoạch giáo dục cá nhân;
- Kế hoạch giáo dục cá nhân do giáo viên, giảng viên phối hợp với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, gia đình người khuyết tật xây dựng trên cơ sở khả năng và nhu cầu của người khuyết tật, Chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học phù hợp với Điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục;
- Kế hoạch giáo dục cá nhân bao gồm các thông tin về: khả năng, nhu cầu; các đặc điểm cá nhân; mục tiêu năm học và mục tiêu học kỳ; thời gian, nội dung, biện pháp và người thực hiện; kết quả đánh giá và Điều chỉnh sau đánh giá đối với người học.

Thành phần của Kế hoạch giáo dục cá nhân

- Những thông tin về học sinh;
- Mục tiêu dài hạn (thường là mục tiêu năm);
- Mục tiêu ngắn hạn (là những mô tả về các bước cần thực hiện nhằm đạt được mục tiêu năm);
- Thời gian thực hiện;
- Các biện pháp thực hiện;
- Kế hoạch đánh giá;
- Chữ kí (tức sự tham gia của một nhóm chuyên môn đa chức năng, bao gồm cha mẹ học sinh).

(Minh hoạ kế hoạch giáo dục cá nhân – Xem tại Phụ lục số 3)

Trong đó, hoạt động xây dựng mục tiêu giữ một vai trò quan trọng trong kế hoạch giáo dục cá nhân.

- Mục tiêu dài hạn (mục tiêu năm học)

Là những kỳ vọng, dự tính về những gì trẻ nên đạt được trong thời gian một năm học. Mục tiêu năm là những mục tiêu tổng thể, tương ứng trong khoảng thời gian dài mà dự tính là trẻ mới đạt được.

Ví dụ: Học sinh A có thể đọc các văn bản ngữ văn trong chương trình lớp 6 với tốc độ 120 tiếng/phút, độ chính xác 80%.

- Mục tiêu ngắn hạn

Là những mô tả về các bước cần thực hiện nhằm đạt được một mục tiêu dài hạn (mục tiêu năm). Thông thường các kỹ năng được hình thành bởi một chuỗi các hành vi và kỹ năng nhỏ. Do đó, mục tiêu ngắn hạn là mỗi bước nhỏ để thực hiện mục tiêu năm.

Ví dụ: Học sinh A có thể đọc được văn bản ngữ văn thuộc chủ đề “văn học dân gian” với tốc độ 90 tiếng/phút, độ chính xác 80%.

1.2.3. Thực hiện kế hoạch

Sau khi xây dựng xong kế hoạch giáo dục cá nhân, các thành viên liên quan sẽ bắt đầu tiến hành thực hiện chương trình. Ở bước này, các chuyên gia can thiệp, gia đình và giáo viên bắt đầu thực hiện theo các bước đã định, sử dụng những phương pháp và chiến lược can thiệp cụ thể, với những tài liệu và công cụ đã được lựa chọn.

Đây chính là bước biến kế hoạch thành hành động, đòi hỏi sự nỗ lực của tập thể. Các thành viên trong gia đình là những người quan trọng nhất trong tập thể này.

Để can thiệp có hiệu quả cần có sự tham gia chặt chẽ, tích cực của giáo viên, các chuyên gia can thiệp. Sự phối hợp chặt chẽ và tuân thủ thống nhất kế hoạch ở mọi hoàn cảnh và tình huống học sinh sống, học tập, giao tiếp là điều quan trọng; được như vậy quá trình học và sử dụng kỹ năng hoặc hành vi mới của học sinh sẽ rất thuận lợi.

1.2.4. Lượng giá và chuyển tiếp

Sau mỗi giai đoạn can thiệp, các chuyên gia can thiệp đều phải tiến hành lượng giá toàn bộ hoạt động mình đã thực hiện xem đã đạt được mục tiêu đặt ra chưa, nếu chưa thì do nguyên nhân nào. Thông thường lượng giá được tiến hành theo chu kỳ 6 tháng một lần kể từ khi thực hiện kế hoạch can thiệp.

Trong quá trình lượng giá, các vấn đề sau thường được chú ý và xem xét: Sự tiến bộ của học sinh, khả năng chăm sóc và giải quyết vấn đề của phụ huynh, tính hợp lý của chương trình, khả năng thích ứng xã hội/hoà nhập của học sinh.

Kết quả lượng giá sẽ giúp phát hiện ra những điểm thành công và những hạn chế còn tồn tại của chương trình can thiệp sớm đã tiến hành cho học sinh và gia đình học sinh, những thắc mắc và vấn đề mới cần giải quyết xuất hiện. Như vậy, quá trình can thiệp sẽ quay trở lại chu trình ban đầu nhưng ở một cấp độ khác.

Chuyển tiếp là chuyển tiếp từ chương trình này sang chương trình khác và vẫn tiếp tục cung cấp dịch vụ cho cả gia đình và học sinh. Sau một quá trình nhận hồ sơ can thiệp, học sinh được đánh giá lại để xác định tình trạng phát triển, khả năng và nhu cầu nhằm quyết định việc chuyển tiếp. Sự chuyển tiếp có thể là chuyển từ chương trình can thiệp sớm tại nhà sang cho học sinh đi học tại trường mầm non hay từ lớp này sang lớp kia. Để hỗ trợ học sinh một cách tốt nhất trước khi chuyển sang một chương trình khác, các thành viên liên quan phải thống nhất với nhau và lập kế hoạch chuyển tiếp cho học sinh ít nhất 3 tháng trước khi chuyển tiếp.

1.2.5. Xét tuyển, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả giáo dục học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập

Đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật học tập nhằm mục đích thu hồi các thông tin để xác định mức độ đạt được của học sinh về kiến thức, kỹ năng và thái độ so với mục tiêu dạy học đã đề ra, công khai hoá các nhận định về năng lực và kết quả học tập của mỗi học sinh, của tập thể lớp, giúp học sinh nhận ra sự tiến bộ cũng như những tồn tại của cá nhân học sinh, khuyến khích, thúc đẩy việc học tập của các em so với mục tiêu của chương trình đặt ra tại những thời điểm, giai đoạn cụ thể (thể hiện qua chuẩn).

Kết quả kiểm tra, đánh giá còn có tác dụng giúp cho cán bộ quản lý giáo dục ở các bậc biết mức độ đạt được so với mục tiêu môn học để họ có thể điều chỉnh hoạt động chuyên môn cũng như có các hỗ trợ khác nhằm đạt được đến mục tiêu xác định. Các kết quả này còn giúp cho việc phát triển những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình, sách giáo khoa, khi cần thiết có thể kiến nghị các tác giả điều chỉnh lại.

Các kết quả kiểm tra, đánh giá có thể cung cấp những thông tin chính xác, tổng quát về kết quả học tập bộ môn cho các nhà chuyên môn khác (ví dụ: Chuyên gia xây dựng chương trình) khi cần xác định chuẩn (chương trình chi tiết); đồng thời hỗ trợ nhà quản lý hướng dẫn thực hiện chương trình ở các vùng miền khác nhau; hoặc giúp phụ huynh học sinh khi họ lựa chọn cách giáo dục, chọn hướng nghề nghiệp cho con em họ.

Việc xác định mục đích đánh giá trong từng môn học sẽ quyết định nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Việc đánh giá nội dung thực hành cần phải tiến hành đồng bộ với phần lí thuyết. Khi đánh giá không nên chỉ dừng ở những câu hỏi lí thuyết có nội dung thực nghiệm mà kiểm tra học sinh tự làm thực hành, thí nghiệm.

Việc đánh giá học sinh khuyết tật trí tuệ có thể áp dụng theo **Thông tư 26/2010/TT-BGDĐT** về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo **Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT** ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân."

Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 như sau:

"3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp."

Một số điểm cần lưu ý khi điều chỉnh

Trước khi điều chỉnh, giáo viên cần xem xét các vấn đề dưới đây:

(1). Học sinh có thể tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học và có thể theo được các nội dung của bài học nếu chưa điều chỉnh không?

+ Nếu học sinh tham gia được toàn bộ chương trình thì việc điều chỉnh sẽ không cần thiết. Giáo viên cần xác định thời gian, có mối quan tâm đặc biệt, và duy trì, củng cố các nỗ lực của học sinh.

+ Nếu học sinh có thể đáp ứng được các yêu cầu như học sinh khác, việc điều chỉnh sẽ trở lên thừa và thậm chí còn kìm hãm học sinh phát triển.

(2). Sự tham gia của học sinh sẽ được nâng cao nếu thay đổi phương pháp giảng dạy?

+ Giáo viên cần lựa chọn phương pháp giảng dạy cho phù hợp với học sinh và với từng bài học. Cần xem xét bài học nào cần áp dụng phương pháp giảng dạy: Hoạt động cho cả lớp, nhóm lớn, nhóm nhỏ, từng đôi, kèm cặp cá nhân, làm việc với phiếu, hợp tác nhóm. Các hình thức hoạt động này sẽ định hướng bài dạy và mức độ tham gia của học sinh.

+ Ở một số nước có nền giáo dục phát triển, hình thức hợp tác nhóm, làm việc theo nhóm nhỏ, kèm cặp cá nhân và dùng phiếu là cách làm tốt để nâng cao tính tích cực và tính hợp tác của học sinh không chỉ cho học sinh có nhu cầu đặc biệt mà cho tất cả học sinh.

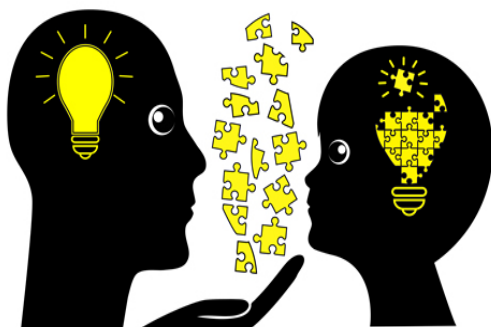
+ Hợp tác nhóm là hình thức tạo cho học sinh có nhiều cơ hội giao tiếp, giao lưu giữa học sinh với học sinh và học sinh với giáo viên. Hình thức "đôi bạn cùng học" là biện pháp thích hợp để hình thành các kỹ năng giao tiếp và xã hội, đồng thời nâng cao khả năng cùng tham gia, tính sáng tạo của học sinh.

+ Kế hoạch dạy học thể hiện toàn bộ các hoạt động của giáo viên và học sinh, cách chia sẻ những thông tin tới học sinh và cách học sinh tham gia vào quá trình học. Soạn giáo án theo phương pháp dạy truyền thống là miêu tả tỉ mỉ cách dạy như thuyết giảng/ minh họa/ thực hành.

(3). Khả năng cùng tham gia của học sinh có được nâng cao bằng cách thay đổi cách soạn giáo án?

+ Giáo viên đóng vai trò như người diễn thuyết, giảng giải các khái niệm hoặc các vấn đề, sau đó minh họa hoặc mô hình hóa các điều mà mình vừa giảng. Còn học sinh tham gia vào thảo luận lớp, nhóm hoặc thực hành theo cách giáo viên đã hướng dẫn. Nhiều giáo viên và học sinh lại tin rằng giảng dạy đồng nghĩa với thuyết giảng. Cách làm đó giống như nói lại sách vở, hoặc theo phương pháp kiểu dạy – thực hành – kiểm tra.

+ Để có thể thực hành tốt công việc tổ chức lớp học, giáo viên cần cân nhắc để có thể soạn bài giảng dựa vào các hoạt động, dựa vào kinh nghiệm của học sinh, dựa vào các chủ đề, và dựa vào đặc điểm của cộng đồng để tăng cường sự tham gia của học sinh. Cách làm đó gợi mở và mở rộng nội dung bài học và khuyến khích học sinh vận dụng



các kiến thức đã được học từ những bài trước vào trao đổi, thảo luận. Một cách rõ ràng, học sinh cần làm một điều gì đó để làm sáng tỏ các khái niệm hoặc kỹ năng. Quá trình học được tiến hành như giao lưu giữa học sinh với môi trường. Đặc điểm chung nhất của cách làm này là học sinh được lôi cuốn và tham gia một cách tích cực vào hoạt động, tự khám phá, và bổ sung những kiến thức của mình.

(4). Sự tham gia và sự hiểu biết của học sinh có được nâng cao bằng cách thay đổi phong cách giảng dạy của giáo viên không?

+ Một trong những mục đích của điều chỉnh chương trình là nâng cao khả năng thích ứng giữa cách học của học sinh với cách giảng dạy của giáo viên. Phong cách giảng dạy của giáo viên ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu của học sinh khuyết tật có thể sẽ được hỗ trợ bằng những cách khác nhau.

+ Lời nói, cử chỉ điệu bộ, gợi mở, kiểm tra lại sự hiểu của học sinh, uốn nắn, cách đặt câu hỏi, chỉ bảo, cách đi lại của giáo viên... là những phong cách cần được lưu ý, rèn luyện.

(5). Có cần điều chỉnh mục đích và yêu cầu của bài học cho Học sinh không?

+ Trong lớp học hòa nhập có nhiều đối tượng, học sinh sẽ lĩnh hội lượng kiến thức và sử dụng những kiến thức ở các mức độ khác nhau. Những kiến thức cần được ưu tiên lĩnh hội đối với học sinh ở các mức độ rất khác nhau về mức độ khó, độ sâu, và mở rộng.

+ Yêu cầu mục tiêu đa dạng trong các bài dạy đối với từng học sinh là việc làm rất cần thiết. Việc xác định các mục đích và yêu cầu cho từng học sinh khuyết tật trước khi tiến hành bài dạy sẽ tạo điều kiện cho giáo viên có định hướng và yên tâm hơn tiến hành giờ lên lớp.

+ Hình thức kiểm tra: Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất

1.2.6. Phối kết hợp giữa các lực lượng khi triển khai giáo dục hoà nhập trung học cơ sở

Cũng như các học sinh cần sự hỗ trợ đặc biệt khác, học sinh khuyết tật học tập rất cần đến sự cộng tác phối hợp giáo dục, giúp đỡ của gia đình, nhà trường và cộng đồng, trong đó sự hỗ trợ của nhà trường và gia đình giữ vai trò quyết định. Trong phần này đề cập đến 2 đối tượng chính, hỗ trợ đặc biệt cho học sinh khuyết tật học tập là:

- Hỗ trợ của học viên và hỗ trợ của gia đình học sinh khuyết tật học tập.

a. Tăng cường sự tự tin cho học sinh trong mọi môi trường

Học sinh bắt đầu so sánh khả năng của bản thân với bạn bè trong các lĩnh vực như: Vui chơi, giao tiếp và học tập... từ rất sớm. Nếu các học sinh thông minh và nhanh nhẹn nghĩ mình có khả năng và gặp nhiều may mắn thì học sinh khuyết tật học tập cảm thấy mình thật ngốc nghếch, chậm chạp và luôn thua kém các bạn. Vì thế, học sinh coi sự yếu kém của bản thân là đương nhiên và không thay đổi được.

Thông thường, mọi khó khăn về học tập sẽ bộc lộ rõ ngay khi học sinh bước vào lớp 1. Hết năm đầu tiên mà nhiều học sinh vẫn không nhớ, không viết được 29 chữ cái; không biết ghép vần và đọc chữ; thực hiện các phép tính đơn giản một cách chậm chạp, thiếu chuẩn xác... mặc dù học viên, cha mẹ và bản thân học sinh đã cố gắng rất nhiều. Vì không tìm ra nguyên nhân nên mọi người cảm thấy bế tắc và dần mất niềm tin vào khả năng học tập của học sinh. Nếu không được hỗ trợ, những học sinh khuyết tật học tập sẽ liên tiếp gặp thất bại trong hoạt động học tập tại lớp. Và đặc biệt, nếu học sinh không được can thiệp kịp thời và đúng cách ở cấp Tiểu học, học sinh này sẽ tiếp tục

gặp nhiều hạn chế khi học ở cấp Trung học. Học sinh cảm thấy bối rối, lo lắng và thất vọng về bản thân. Điều này khiến học sinh trở nên thụ động, thờ ơ với mọi hoạt động học tập. Thậm chí chúng còn không muốn cố gắng vì thấy mình luôn là “kẻ thất bại”. Trong khi đó, giáo viên và gia đình lại thường dành quá nhiều thời gian và công sức để giúp học sinh tiến bộ trong học tập. Cách làm này chỉ tập trung vào những hạn chế của học sinh nên không mang lại kết quả.

Vì thế, giáo viên chủ nhiệm cần giúp gia đình hiểu rõ và nhìn nhận đúng đắn hơn về đặc điểm của con em mình. Như mọi học sinh em khác, học sinh khuyết tật học tập cũng có những khả năng và nhu cầu riêng. Mặc dù có những khó khăn nhất định trong học tập nhưng các em vẫn có nhiều điểm mạnh. Nếu được hỗ trợ phù hợp học sinh sẽ tự tin, tích cực học tập, hoà nhập thành công ở các cấp học cao hơn và cuộc sống sau này.

Giáo viên và cha mẹ cần phối hợp với nhau chặt chẽ sẽ giúp học sinh khó học vượt qua những khó khăn về học tập và sự thiếu tự tin. Nếu giáo viên nhìn nhận và đánh giá cao học sinh như một nhân cách riêng thì học sinh sẽ học được việc đánh giá cao chính những điểm mạnh của riêng chúng.

Bảng 1.2. Một số gợi ý giúp giáo viên tăng cường sự tự tin cho học sinh:

Đánh giá cao khả năng	– Cho học sinh thấy mình là một cá nhân độc lập, có giá trị với những đặc điểm riêng. – Quan tâm đúng lúc và dành nhiều thời gian cho học sinh. – Có thái độ tích cực với học sinh.
Đồng cảm	– Hiểu rõ khả năng và nhu cầu của học sinh. – Chấp nhận những khó khăn trong học tập của học sinh. – Tôn trọng những đặc điểm riêng của học sinh.
Xây dựng mục tiêu thực tế	– Đánh giá đúng khả năng và nhu cầu của học sinh. – Xác định những điều kiện chăm sóc giáo dục hiện có (từ phía gia đình, nhà trường, cộng đồng). – Tìm hiểu nguyện vọng của gia đình. – Xây dựng mục tiêu vừa sức. – Sắp xếp mục tiêu theo thứ tự ưu tiên (mục tiêu năm học; kỳ học; tuần học; tiết học). – Trao đổi, thống nhất, phối hợp thực hiện các mục tiêu chung.

Trang bị những kỹ năng giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định.	– Không giải quyết thay học sinh những vấn đề khó khăn. – Tạo cơ hội để học sinh tự tìm ra cách giải quyết vấn đề. – Gợi ý để học sinh tìm kiếm những thủ thuật mới. – Cho học sinh hình dung trước kết quả của những quyết định khác nhau. – Khuyến khích học sinh tự đưa ra các quyết định.
Phát huy điểm mạnh	– Tạo cơ hội cho học sinh tham gia các hoạt động phù hợp với sở thích. – Khuyến khích học sinh thể hiện năng khiếu như: Âm nhạc, nghệ thuật, thể dục thể thao. – Đánh giá cao những điểm tốt về nhân cách như: Tốt bụng, thật thà, nhạy cảm, nhiệt tình, hay giúp đỡ người khác.
Tạo cơ hội thành công	– Giao nhiệm vụ vừa sức của học sinh. – Chia nhiệm vụ thành nhiều bước nhỏ. – Hỗ trợ học sinh kịp thời. – Tránh khuyến khích theo kiểu động viên xuống.
Tạo cơ hội giúp đỡ người khác	– Tổ chức các hoạt động tập thể trong đó mỗi học sinh đều có vai trò riêng. – Khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động với bạn bè và gia đình. – Phân công cho học sinh phụ trách một số hoạt động hoặc một số phần của hoạt động.
Không tập trung vào điểm yếu	– Tránh dùng những lời tiêu cực khi đề cập về khả năng học tập của học sinh. – Không phê bình học sinh trước mặt người khác. – Không so sánh điểm hạn chế của học sinh với bạn bè của chúng.

b. Sự tham gia của gia đình trong việc giáo dục học sinh

Gia đình là những người thường xuyên gần gũi, chăm sóc và giáo dục học sinh. Việc giáo dục học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở còn phụ thuộc vào sự phối kết hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường. Trong đó, trách nhiệm của gia đình khi học sinh tham gia học tập.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh đi học:

- Cha mẹ cần cung cấp cho học sinh đầy đủ sách vở, quần áo và những đồ dùng học tập ...
- Xây dựng vòng tay bạn bè để giúp đỡ học sinh khuyết tật học tập. Tốt nhất là những người bạn cùng đi học ở gần nhà của học sinh. Tạo điều kiện cho học sinh được tiếp xúc và vui chơi với các bạn hàng xóm.
- Thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm về hoàn cảnh cụ thể của mình, những khó khăn trong học tập, sinh hoạt của học sinh khuyết tật học tập tại gia đình và môi trường xung quanh, những việc học sinh có khả năng thực hiện cũng như những sở thích cụ thể của học sinh...

Giúp đỡ học sinh học tại gia đình

- Tuỳ theo khả năng và nhu cầu của từng học sinh mà yêu cầu về khối lượng, mức độ và thời gian học tại nhà phù hợp.
- Cha mẹ trẻ cần kiên trì khi hướng dẫn học sinh học tại gia đình, không nên đòi hỏi quá nhiều, vượt quá khả năng của học sinh. Cần động viên, khen thưởng học sinh kịp thời.
- Nội dung kiến thức cần dạy cho học sinh tại gia đình bao gồm: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu, luyện viết và thực hiện những nội dung tính toán trong phạm vi trình độ trung học.
- Ôn luyện những kiến thức học sinh đã được học trong ngày tại trường theo những hướng dẫn của giáo viên.
- Hướng dẫn học sinh tham gia giúp đỡ các công việc trong gia đình và tăng dần số lượng công việc, mức độ và thời gian thực hiện nhằm đạt đến sự tự lực của cá em trong việc thực hiện một số các công việc gia đình đơn giản, làm cơ sở cho cuộc sống tự lập sau này của học sinh.
- Cần sắp xếp thời gian cùng học sinh thường thức các chương trình vô tuyến phù hợp, đặt những câu hỏi phù hợp nhằm phát triển khả năng trí nhớ, tư duy cho học sinh.
- Thường xuyên thay đổi môi trường sinh hoạt cho trẻ: Tham quan, hoạt động ngoài trời, thể dục thể thao...

Gia đình đóng vai trò rất quan trọng trong giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật học tập. Giáo dục gia đình tốt tạo điều kiện căn bản, nền tảng cho học sinh có thể phát triển và hoà nhập được vào đời sống cộng đồng, xã hội. Cán bộ quản lý và giáo viên cần nắm bắt được đặc điểm và vai trò của gia đình nhằm định hướng, thu hút gia đình tham gia tích cực vào quá trình giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật học tập.

CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

2.1. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

2.1.1. Nguyên tắc phát triển chương trình

a. Nguyên tắc 1. Phù hợp với đặc điểm phát triển và khả năng của học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở

Thực hiện chương trình phổ thông 2018 cần phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở.

Việc thực hiện chương trình phải xuất phát từ việc đảm bảo, tôn trọng nhân cách, nhu cầu, sở thích, hứng thú và kinh nghiệm sống của mỗi em. Mỗi học sinh khuyết tật học tập là một cá thể riêng biệt.

b. Nguyên tắc 2. Tiếp cận linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiếp cận linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông được thực hiện thông qua việc điều chỉnh các thành tố của quá trình dạy học: mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, phương tiện dạy và học.

Khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cần xem xét thực hiện linh hoạt cho học sinh khuyết tật học tập thông qua thiết lập mục tiêu dạy học các môn học theo các mục tiêu của kế hoạch giáo dục cá nhân (nếu có).

Cần chú trọng xác định mục tiêu dạy học chung cho cả lớp và mục tiêu riêng cho học sinh khuyết tật học tập. Trong đó, chú ý đến mục tiêu kiến thức mà học sinh khuyết tật học tập cần được bổ trợ, thay thế hoặc làm rõ, cũng như mục tiêu về kỹ năng mà học sinh khuyết tật học tập cần được củng cố, luyện tập.

Điều chỉnh nội dung học tập theo đa dạng các hướng như rút gọn, mở rộng, khái quát, chọn lọc nội dung cốt lõi... sao cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật học tập.

Điều chỉnh nhiệm vụ học tập theo hướng giảm lược nhiệm vụ thách thức hoặc giảm số lượng nhiệm vụ học tập dựa trên đặc điểm học tập toán và khoa học tự nhiên của học sinh.

Cần đảm bảo các điều kiện về phương tiện thiết bị dạy học đáp ứng được nhu cầu về đặc điểm học tập của học sinh khuyết tật học tập. Giáo viên cần chú ý điều chỉnh phương tiện, thiết bị,... phù hợp để đảm bảo các hoạt động cùng nhau giữa học sinh khuyết tật học tập và học sinh không khuyết tật học tập

Môi trường trong lớp học cần sắp xếp đảm bảo cho học sinh có hoạt động học tập theo hình thức khác nhau như nhóm, cá nhân,... nhằm tạo cơ hội cho học sinh hoạt động hiệu quả và tích cực.

Nhìn chung, các hoạt động điều chỉnh cần đảm bảo giúp học sinh khuyết tật học tập cảm thấy tự tin, tạo được động cơ và thái độ tốt đối với việc học tập, từ đó khích lệ học sinh tích cực học tập và vận dụng tốt trong các tình huống thực tiễn.

c. Nguyên tắc 3. Đảm bảo đáp ứng sự đa dạng trong phát triển năng lực học sinh khuyết tật học tập

Mặc dù có những khó khăn nhất định trong học tập nhưng học sinh khuyết tật học tập vẫn có nhiều điểm mạnh. Nếu được hỗ trợ phù hợp các em sẽ tự tin, tích cực học tập, hoà nhập thành công ở các cấp học cao hơn và cuộc sống sau này.

Để có sự tham gia của nhiều học sinh, môi trường, hình thức học tập và nội dung học tập, các hoạt động được tổ chức cần dựa theo nguyện vọng, sở thích của học sinh; được diễn ra trong lớp và ngoài lớp học với sự tham gia tích cực giữa học sinh không khuyết tật và học sinh khuyết tật học tập. Thông qua hoạt động cùng nhau, học sinh không khuyết tật và học sinh khuyết tật học tập chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ nhau giải quyết nhiệm vụ. Từ đó, các yêu cầu, nhiệm vụ học tập không những được HS chủ động tìm kiếm phương án giải quyết mà sự gắn bó, hiểu biết giữa học sinh khuyết tật học tập, học sinh không khuyết tật được tăng cường.

d. Nguyên tắc 4. Phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nguyện vọng của gia đình và nhà trường

Phát triển chương trình môn Ngữ văn và Lịch sử - Địa lý cho học sinh khuyết tật học tập cần dựa trên đặc điểm đặc thù về điều kiện văn hoá, kinh tế, xã hội của gia đình và nhà trường mà học sinh đang sinh sống và theo học.

2.1.2. Phát triển chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật học tập

Học sinh khuyết tật học tập thường trải qua nhiều thất bại ở trường trung học cơ sở. Tuy nhiên, nếu giáo viên và học sinh biết tận dụng thì những thất bại này lại có ý nghĩa quan trọng giúp học sinh học cách vượt qua khó khăn bản thân và nỗ lực hơn trong học tập và cuộc sống. Đây được coi là những bài học quan trọng trong cuộc sống. Trong trường hợp nếu học sinh gặp thất bại thường xuyên và liên tục thì cần giảm thiểu những tác nhân đó. Việc giảm thiểu thất bại của phần lớn học sinh có thể đạt được thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy học đặc thù như phân tích nhiệm vụ, dạy trước các kỹ năng chính và một số nhiệm vụ đơn giản (*được nêu trong chương 3 của tài liệu*). Một số trường hợp khác cần học theo một chương trình điều chỉnh phù hợp với các em. Điều chỉnh chương trình có thể được thực hiện theo các hướng sau:

(1) *Lựa chọn nội dung cốt lõi và dành thêm thời gian cho nội dung quan trọng với học sinh.*

(2) *Sử dụng các phương pháp dạy học hiệu quả đối với học sinh khuyết tật học tập.*

Điều này chỉ được thực hiện khi trong lớp hòa nhập có nhiều nhất 2 học sinh khuyết tật học tập và giáo viên không bị quá tải công việc. Nếu có điều kiện cần tách học sinh ra khỏi một số hoạt động của lớp học thông thường (bởi vì giáo viên không thể luôn sẵn có các hoạt động thay thế), để học sinh tham gia vào một vài hoạt động khác. Mỗi ngày, học sinh có một số hoạt động thay thế. Mỗi ngày đến trường học sinh đều được trải nghiệm được cảm giác thành công và học được các kỹ năng quan trọng nhất.

a. Lựa chọn nội dung quan trọng, cốt lõi

Trong hầu hết các trường hợp, khi học sinh trải qua các khó khăn trong học tập ở trường, các khó khăn này có thể vượt qua được với sự giúp đỡ của giáo viên ở lớp, nhân viên hỗ trợ tại phòng đặc biệt, hỗ trợ của phụ huynh ở nhà. Trong những trường hợp này, không cần tiến hành phát triển chương trình do học sinh có thể học theo chương trình thông thường với sự hỗ trợ của giáo viên và phụ huynh. Tuy nhiên, trong những trường hợp học sinh gặp quá nhiều khó khăn về học tập thì việc lựa chọn nội dung học tập phù hợp trong chương trình là cần thiết để học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia học tập hiệu quả tại môi trường hoà nhập.



Thực tế có rất nhiều học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở nhưng kỹ năng học tập chỉ tương đương với học sinh tiểu học (ở một kỹ năng hoặc một vài kỹ năng học tập nhất định). Trong những trường hợp này, cần ra quyết định về những nội dung trọng tâm, hữu ích nhằm đáp ứng nhu cầu của học sinh hơn là những nội dung ít có ý nghĩa quan trọng đối với học sinh.

Lựa chọn nội dung học tập quan trọng, cốt lõi cho một học sinh khuyết tật học tập là quá trình mà giáo viên cần phối hợp với hiệu trưởng, giáo viên bộ môn và phụ huynh học sinh. Những cá nhân này cần quyết định nội dung nào học sinh có thể tham gia học tập bình thường, nội dung nào thách thức cần thêm hỗ trợ để học sinh có thể tiếp cận, và những nội dung nào quá thách thức đối với khả năng của học sinh.

b. Sử dụng các phương pháp, chiến lược dạy học tích cực

Như đã đề cập ở chương I của tài liệu, học sinh khuyết tật học tập có những khó khăn cụ thể, rõ rệt và lâu dài về học tập; vì vậy, ảnh hưởng tới tâm lý, động cơ, động lực học tập của các em. Do đó, lựa chọn và sử dụng các phương pháp, chiến lược dạy học có khả năng thu hút và phát huy tính tích cực, chủ động học tập với những học sinh này là vô cùng quan trọng. Dưới đây là một số phương pháp và chiến lược dạy học tích cực có thể áp dụng với học sinh khuyết tật học tập tại môi trường lớp học hòa nhập.

Bảng 2.1. Số phương pháp và chiến lược dạy học tích cực có thể áp dụng với học sinh khuyết tật học tập tại môi trường lớp học hoà nhập

Phương pháp, chiến lược dạy học tích cực	Đặc điểm cơ bản
<i>Phân tích nhiệm vụ</i>	Phương pháp hiệu quả nhất để dạy học sinh khuyết tật học tập là phương pháp phân tích nội dung sẽ dạy tiếp theo và dạy trước các phần nội dung cần thiết để học sinh có thể đạt được một số thành công trước khi tiếp thu nội dung mới. Nếu nội dung học sinh học là một nhiệm vụ hoặc quy trình thì phân tích nhiệm vụ là cách tốt để chia nội dung thành các phần nhỏ có thể dạy được. Xác định các bước nhỏ và giáo viên có thể tiếp tục dạy học sinh những bước đó và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.
<i>Phân tích nội dung</i>	Tuy nhiên, phần lớn nội dung dạy học vượt trên quy mô của phân tích nhiệm vụ. Ví dụ, đọc là một nhiệm vụ khó mà không thể chia thành các bước theo thứ tự. Đối với nội dung chương trình kiểu này, giáo viên cần phải tiến hành một quá trình tương tự như phân tích nhiệm vụ có tên gọi là phân tích nội dung. Theo nguyên tắc, phân tích nội dung hoàn toàn đơn giản, quá trình này bao gồm các bước sau: 1) Kiểm tra các nội dung chương trình cần dạy (ví dụ, một câu chuyện đọc, một bài thơ, một kĩ năng cần học). 2) Xác định kiến thức trọng tâm mà một học sinh phải có để có thể học được nội dung mới. 3) Xác định các kĩ năng chính mà một học sinh phải có để có thể học được nội dung mới. 4) So sánh kiến thức và kĩ năng cần thiết để tiếp thu nội dung mới so với kiến thức và kĩ năng mà học sinh đã có. 5) Lựa chọn kiến thức học sinh phải học trước khi học sinh có thể học tập thành công nội dung mới.

	6) Lựa chọn các kĩ năng mà học sinh phải học trước khi học sinh có thể học tập thành công nội dung mới. 7) Dạy học sinh các kiến thức và kĩ năng trước khi giới thiệu toàn bộ nội dung mới.
Vấn đáp giải thích – minh hoạ	Với mục đích nhằm làm sáng tỏ một vấn đề hoặc nội dung học tập nào đó, giáo viên sẽ đưa ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh hoạ để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ. Nhờ đó, học sinh khuyết tật học tập có thể dễ dàng kết nối được thông tin giữa câu hỏi và phương án trả lời. Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả khi có sự hỗ trợ của các phương tiện nghe – nhìn.
Phương pháp hoạt động nhóm	Là phương pháp giáo viên chia học sinh trong lớp thành nhóm và tận dụng sức mạnh của cả nhóm để giải quyết một vấn đề học tập cụ thể. Học sinh khuyết tật học tập gặp khó khăn ở đa dạng các vấn đề học tập khác nhau, nhưng đồng thời cũng có những điểm mạnh nổi trội ở các lĩnh vực khác. Do đó, việc sắp xếp và giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng của học sinh khuyết tật học tập trong một nhóm học sinh sẽ giúp tăng cơ hội tham gia học tập, tính tự tin và động cơ học tập cho các em.
Đóng vai	Đóng vai là phương pháp tổ chức cho học sinh thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Ưu điểm rõ rệt của phương pháp này là giúp tăng hứng thú và sự chú ý của học sinh; kích lệ sự thay đổi thái độ và hành vi của học sinh. Tương tự như ở phương pháp hoạt động nhóm, khi được giao những vai diễn phù hợp với khả năng của bản thân, học sinh khuyết tật học tập hoàn toàn có thể tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
Động não	Động não là một kỹ thuật cho phép mọi học sinh được nêu hoặc liệt kê ra vô vàn những ý tưởng của mình nhằm giải quyết một nhiệm vụ học tập nào đó mà không phải lo lắng đến tính chính xác (đúng hay sai) của ý tưởng đó.

	Điều này xuất phát từ quy tắc cơ bản của kỹ thuật này là giáo viên không đánh giá và phê phán học sinh trong quá trình thu thập ý tưởng từ học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên cần khuyến khích số lượng các ý tưởng; cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng. Kỹ thuật này sẽ giúp tăng hứng thú và cơ hội tham gia học tập một cách tích cực của học sinh khuyết tật học tập.
Kỹ thuật “bể cá”	Là kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm học sinh ngồi trước lớp hoặc giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những học sinh khác trong lớp theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về ý kiến của những học sinh thảo luận. Tùy vào đặc điểm và thể mạnh của từng học sinh khuyết tật học tập, mà giáo viên có thể sắp xếp để học sinh khuyết tật học tập có thể linh hoạt tham gia vào nhóm thảo luận hay nhóm quan sát và đưa ra ý kiến.

2.1.3. Phương pháp điều chỉnh hoạt động dạy học

a. Ý nghĩa của điều chỉnh trong dạy học hoà nhập

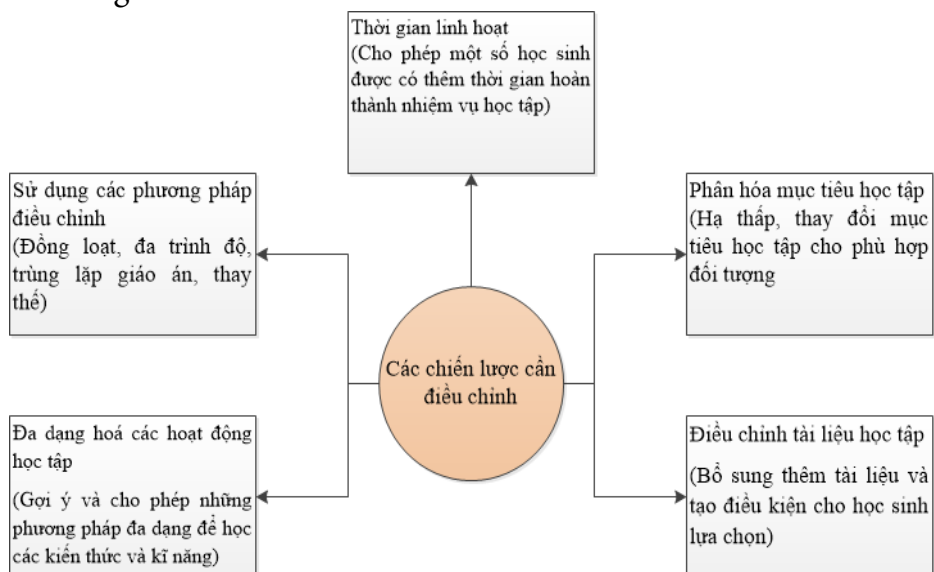
Học sinh khuyết tật học tập là đối tượng gặp nhiều khó khăn trong học hoà nhập. Mức độ nhận thức của học sinh khuyết tật học tập thường thấp hơn so với nhận thức của bạn bè cùng độ tuổi, chỉ ở cấp độ trực quan, cụ thể, khó lĩnh hội kiến thức đòi hỏi tư duy logic, trừu tượng; hoặc các học sinh này lĩnh hội theo một cách thức khác. Vì vậy, hoạt động dạy học cần được thiết kế không chỉ đảm bảo phù hợp với nhận thức của các học sinh bình thường mà phải tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật học tập học tập tốt. Điều này đòi hỏi giáo viên phải tiến hành điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp với một lớp đa đối tượng nhằm:

- Tạo cho học sinh hứng thú và học tập có hiệu quả trên cơ sở sử dụng tối đa kiến thức và các kỹ năng hiện có để lĩnh hội những kiến thức và kỹ năng mới.
- Tránh được sự bất cập giữa kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống hiện có của học sinh và yêu cầu lĩnh hội của nội dung dạy học phổ thông.
- Nâng cao tính phù hợp giữa cách học của học sinh và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

– Phát triển những điểm mạnh của học sinh như chủ động khám phá, tinh thần học tập hăng say, đồng thời giáo dục hành vi tốt cho học sinh.

b. Nội dung điều chỉnh

Để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học, giáo viên cần tiến hành điều chỉnh những vấn đề sau:



Hình 2.1. Các yếu tố cần điều chỉnh

Thay đổi về thời gian

+ Các học sinh khác nhau cần những lượng thời gian rất khác nhau để nắm vững cùng một chủ đề. Học sinh khuyết tật học tập cần khoảng thời gian nhiều gấp 2 đến 4 lần so với các học sinh khác. Các giáo viên xử lý sự khác biệt này bằng cách dạy theo nhóm, đưa ra những bài tập chung cho tất cả học sinh và cho phép học sinh khuyết tật học tập được thêm thời gian để hoàn thành. Để công việc này có hiệu quả, giáo viên phải đưa ra được nhiều sự lựa chọn, nhiều hoạt động phong phú cho những học sinh khá đã hoàn thành nhiệm vụ sớm hơn các bạn còn lại. Các hoạt động này có thể bao gồm:

- Đọc tài liệu tự do.
- Các trò chơi trí tuệ.
- Các đề tài nghiên cứu cá nhân.



Phân hoá mục tiêu học tập

+ Đây là hình thức dạy học tập thể nhưng vẫn mang tính cá thể hoá. Phương pháp này tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật học tập với trình độ kém hơn vẫn có cơ hội để theo đuổi mục tiêu học tập riêng của mình.

Điều chỉnh tài liệu, phương tiện giảng dạy

+ Giáo viên cũng có thể thích ứng những khác biệt cá nhân của học sinh bằng cách thay đổi phương tiện, tài liệu giảng dạy, chẳng hạn sử dụng các bài khoá được thiết kế cho những trình độ khác nhau. Nếu những bài khoá này không có sẵn, giáo viên có thể cung cấp thêm cho học sinh khuyết tật học tập những gợi ý, xác định những điểm chính, trọng tâm, hoặc giáo viên có thể tổ chức những buổi thảo luận tập trung vào những khái niệm chính của bài trước khi học sinh bắt đầu bài đọc. Một số giáo viên thậm chí không sử dụng các bài đọc sẵn mà lấy tư liệu từ những bài báo, tạp chí định kì của học sinh. Đối với các môn học khác, các phương pháp như trò chơi toán học hay những tấm thẻ ghi nhớ có thể được sử dụng để học sinh khuyết tật học tập có thêm nhiều sự lựa chọn.

Đa dạng hoá các hoạt động học tập

+ Như chúng ta đã biết, phong cách học tập của mỗi học sinh rất khác nhau. Một số em rất chịu khó lắng nghe và tiếp thu được nhiều kiến thức từ bài giảng của giáo viên. Số học sinh khác lại thích đọc to hoặc trao đổi ý kiến với bạn bè. Nhưng với học sinh khuyết tật học tập thường gặp rất nhiều khó khăn khi phải nghe giảng lâu và ghi chép lại những thông tin chính của bài giảng. Vì thế, để thích ứng với những khó khăn này của học sinh, giáo viên cần áp dụng nhiều phương pháp dạy khác nhau. Một trong số đó là đưa ra nhiều lựa chọn về các hoạt động học tập.

+ Ví dụ: Trong một giờ Sinh học lớp 8, thầy Thắng đi vòng quanh lớp học khi các học sinh của thầy đang thảo luận về đề tài thực vật. Mỗi nhóm học sinh chịu trách nhiệm xây dựng một đề tài khoa học và phải báo cáo về đề tài đó trước cả lớp. Một vài nhóm đang viết báo cáo, nhóm khác đang tìm cách gieo hạt dưới những loại ánh sáng khác nhau, và nhóm còn lại thì đang tiến hành một thí nghiệm với những cục pin và bóng đèn. Với học sinh Đạt (khuyết tật học tập), thầy xếp vào nhóm tiến hành gieo hạt bởi em rất thích công việc này.

+ Cách tổ chức lớp học đa dạng của thầy Thắng khiến tất cả học sinh trong lớp đều thích thú với công việc và nhiệm vụ mà học sinh đang tiến hành. Chắc chắn giờ Sinh học sẽ trở nên sinh động và hiệu quả đối với mỗi học sinh.

Sử dụng các phương pháp điều chỉnh

+ Như trong phần trên đã trình bày, tiết dạy được thiết kế và tổ chức thành một chuỗi các hoạt động. Những hoạt động này có mối liên hệ gắn kết với nhau, hoạt động này tiếp nối hoạt động kia đặt trong một tổng thể thống nhất nhằm đạt được mục tiêu tiết học. Đồng thời mỗi hoạt động cũng có tính độc lập tương đối, có nghĩa là bản thân nó cũng có mục tiêu nhỏ. Một tiết dạy hoà nhập chỉ thực sự có hiệu quả khi học sinh khuyết tật học tập được tham gia tích cực vào tất cả các hoạt động. Để làm được điều này, người giáo viên dạy hoà nhập trong lớp có học sinh khuyết tật học tập nhất thiết phải sử dụng một trong bốn phương pháp điều chỉnh sau với từng hoạt động:

Phương pháp điều chỉnh			
Điều chỉnh đồng loạt	Đa trình độ	Trùng lặp giáo án	Thay thế
Giáo viên thay đổi hình thức hoạt động học tập của lớp và, hoặc với sự hỗ trợ học sinh nhất định từ giáo viên và bạn bè. Học sinh khuyết tật học tập có nhu cầu đặc biệt có thể tham gia hoạt động đó như tất cả các bạn.	Học sinh khuyết tật học tập sẽ tham gia cùng một hoạt động, với mục tiêu chung, nhưng mức độ yêu cầu khác với những bạn khác.	Học sinh khuyết tật học tập tham gia trong cùng hoạt động bài học, nhưng theo đuổi mục tiêu học tập khác với mục tiêu chung của cả lớp. Cùng một ngữ liệu, vật liệu trong nội dung bài học, nhưng học sinh này có thể học để đạt được mục tiêu của một bài trước đó, thậm chí của lớp trước.	Học sinh khuyết tật học tập thực hiện một hoạt động khác với các bạn trong lớp, theo mục tiêu giáo dục cá nhân.

Hình 2.2. Bốn phương pháp điều chỉnh

Tùy theo khả năng, nhu cầu và kiểu học tập của học sinh khuyết tật học tập, giáo viên có thể lựa chọn áp dụng một vài hoặc cả 4 mức độ điều chỉnh ở mỗi bài học, sao cho có thể huy động được sự tham gia học tập của mọi học sinh trong lớp.

2.2. ĐIỀU CHỈNH THỰC HIỆN CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP

2.2.1. Môn Toán

2.2.1.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu cần đạt

Bảng 2.2. Mô tả mục tiêu môn Toán trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Mục tiêu môn Toán	Học sinh khuyết tật học tập
Môn Toán cấp trung học cơ sở nhằm giúp học sinh đạt các mục tiêu chủ yếu sau: a) Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề, thực hiện được việc lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề, chứng minh được mệnh đề toán học không quá phức tạp; sử dụng được các mô hình toán học (công thức toán học, phương trình đại số, hình biểu diễn...) để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn không quá phức tạp; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học cũng như thể hiện chứng cứ, cách thức và kết quả lập luận; trình bày được ý tưởng và cách sử dụng công cụ, phương tiện học toán để thực hiện một nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học. b) Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản về:	Môn Toán cấp trung học cơ sở nhằm giúp <i>học sinh khuyết tật học tập khi học hòa nhập</i> đạt được các mục tiêu chủ yếu sau: Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản, cốt lõi về: – Số và Đại số: Hệ thống số (từ số tự nhiên đến số thực); tính toán và sử dụng công cụ tính toán; ngôn ngữ và kí hiệu đại số; biến đổi biểu thức đại số, phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; sử dụng ngôn ngữ hàm số để mô tả (mô hình hoá) một số quá trình và hiện tượng trong thực tiễn. – Hình học và Đo lường: Nội dung Hình học và Đo lường ở cấp học này bao gồm Hình

– Số và Đại số: Hệ thống số (từ số tự nhiên đến số thực); tính toán và sử dụng công cụ tính toán; ngôn ngữ và kí hiệu đại số; biến đổi biểu thức đại số, phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; sử dụng ngôn ngữ hàm số để mô tả (mô hình hoá) một số quá trình và hiện tượng trong thực tiễn.

– Hình học và Đo lường: Nội dung Hình học và Đo lường ở cấp học này bao gồm Hình học trực quan và Hình học phẳng. Hình học trực quan tiếp tục cung cấp ngôn ngữ, kí hiệu, mô tả (ở mức độ trực quan) những đối tượng của thực tiễn (hình phẳng, hình khối); tạo lập một số mô hình hình học thông dụng; tính toán một số yếu tố hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường. Hình học phẳng cung cấp những kiến thức và kĩ năng (ở mức độ suy luận logic) về các quan hệ hình học và một số hình phẳng thông dụng (điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, góc, hai đường thẳng song song, tam giác, tứ giác, đường tròn).

– Thống kê và Xác suất: Thu thập, phân loại, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu thống kê; phân tích dữ liệu thống kê thông qua tần số, tần số tương đối; nhận biết một số quy luật thống kê đơn giản trong thực tiễn; sử dụng thống kê để hiểu các khái niệm cơ bản về xác suất thực nghiệm của một biến cố và xác suất của một biến cố;

học trực quan và Hình học phẳng. Hình học trực quan tiếp tục cung cấp ngôn ngữ, kí hiệu, mô tả (ở mức độ trực quan) những đối tượng của thực tiễn (hình phẳng, hình khối); tạo lập một số mô hình hình học thông dụng; tính toán một số yếu tố hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường. Hình học phẳng cung cấp những kiến thức và kĩ năng (ở mức độ suy luận logic) về các quan hệ hình học và một số hình phẳng thông dụng (điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, góc, hai đường thẳng song song, tam giác, tứ giác, đường tròn).

– **Thống kê và Xác suất:** Thu thập, phân loại, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu thống kê; phân tích dữ liệu thống kê thông qua tần số, tần số tương đối; nhận biết một số quy luật thống kê đơn giản trong thực tiễn; sử dụng thống kê để hiểu các khái niệm cơ bản về xác suất thực nghiệm của một biến cố và xác suất của một biến cố;

nhận biết ý nghĩa của xác suất trong thực tiễn. c) Góp phần giúp học sinh có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề gắn với môn Toán; có ý thức hướng nghiệp dựa trên năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân; định hướng phân luồng sau trung học cơ sở (tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động).	nhận biết ý nghĩa của xác suất trong thực tiễn.
---	---

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

– Đối với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung: Học sinh khuyết tật học tập có yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung như học sinh phổ thông, được quy định tại mục IX của Chương trình giáo dục tổng thể.

– Đối với yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với môn Toán cấp trung học cơ sở:

Bảng 2.3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật học tập
Năng lực tư duy và lập luận toán học thể hiện qua việc: – Thực hiện được các thao tác tư duy như: So sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch. – Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lý trước khi kết luận. – Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải	– Thực hiện được các thao tác tư duy, đặc biệt biết quan sát, giải thích được sự tương đồng và khác biệt trong nhiều tình huống và thể hiện được kết quả của việc quan sát. – Thực hiện được lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. – Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.	– Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát.

quyết vấn đề về phương diện toán học.	Chứng minh được mệnh đề toán học không quá phức tạp.	
Năng lực mô hình hóa toán học thể hiện qua việc: – Xác định được mô hình toán học (gồm các công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; – Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; – Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	– Sử dụng được các mô hình toán học (gồm công thức toán học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ, phương trình, hình biểu diễn...) để mô tả tình huống xuất hiện trong 1 số bài toán thực tiễn không quá phức tạp. – Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập. – Thể hiện được lời giải toán học vào ngữ cảnh thực tiễn và làm quen với việc kiểm chứng tính đúng đắn của lời giải.	– Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. – Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình đơn giản được thiết lập. – Nêu được/ viết được hoặc lựa chọn được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học thể hiện qua việc: – Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học. – Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải	– Phát hiện được vấn đề cần giải quyết. – Xác định được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. – Sử dụng được các	– Khi được hỗ trợ, học sinh có thể phát hiện ra vấn đề và giải quyết được vấn đề toán học bằng một số cách đơn giản

quyết vấn đề. – Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra. – Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.	kiến thức, kỹ năng toán học tương thích để giải quyết vấn đề. – Giải thích được giải pháp đã thực hiện.	khác nhau (nêu được, chỉ được, nói được, nối được, điền được...).
Năng lực giao tiếp toán học thể hiện qua việc: – Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra. – Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, phải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác). – Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, ký hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic, ...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán	– Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản (ở dạng văn bản nói hoặc viết). Từ đó phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cần thiết từ văn bản (ở dạng văn bản nói hoặc viết). – Thực hiện được việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (ở mức tương đối đầy đủ, chính xác). – Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông	– Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết. – Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. – Sử dụng được

học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác. – Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học.	thường để biểu đạt các nội dung toán học cũng như thể hiện chứng cứ, cách thức và kết quả lập luận. – Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, thảo luận, tranh luận, giải thích các nội dung toán học trong một số tình huống không quá phức tạp.	ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán thể hiện qua việc: – Nhận biết được tên gọi, nhận biết được tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học Toán. – Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm	– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán (mô hình hình học phẳng và không gian, thước đo góc, thước cuộn, tranh ảnh, biểu đồ...). – Trình bày được cách sử dụng công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học. – Sử dụng được máy	– Nêu/chỉ được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán (mô hình hình học phẳng và không gian, thước đo góc, thước cuộn, tranh ảnh, biểu đồ...). – Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản. – Sử dụng được máy

nhận thức lứa tuổi). – Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý.	tính cầm tay, một số phần mềm tin học và phương tiện công nghệ hỗ trợ học tập. – Chỉ ra được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý.	tính cầm tay, một số phần mềm tin học và phương tiện công nghệ hỗ trợ học tập.
--	---	--

2.2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học tập môn Toán

a. Thuận lợi

– Trong quá trình học và áp dụng toán học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, học sinh luôn có cơ hội sử dụng các phương tiện công nghệ, thiết bị dạy học hiện đại, đặc biệt là máy tính điện tử và máy tính cầm tay hỗ trợ quá trình biểu diễn, tìm tòi, khám phá kiến thức, giải quyết vấn đề toán học. Khi có xuất hiện thường xuyên của các phương tiện hỗ trợ nêu trên, học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia học tập dễ dàng hơn.

b. Khó khăn

– Nội dung môn Toán thường mang tính logic, trừu tượng, khái quát cao. Do đó, tiếp thu kiến thức toán học và ứng dụng kiến thức toán học cấp trung học cơ sở vào cuộc sống là thách thức lớn với học sinh khuyết tật học tập.

– Chương trình toán học trung học cơ sở xuất hiện thêm nhiều khái niệm toán học mới. Điều này gây khó khăn cho học sinh khuyết tật học tập nói chung, đặc biệt là học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc (đọc hiểu).

4.2.2.1.3. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Toán cho học sinh khuyết tật học tập

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù:

Dưới đây là một số phương pháp, biện pháp kỹ thuật dạy học đặc thù và cốt lõi nhằm giúp học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia học tập môn Toán tại lớp hoà nhập một cách hiệu quả:

– Mở rộng cơ hội thực hành tương tự với những bài toán dạng cơ bản mà học sinh có thể thực hiện được;

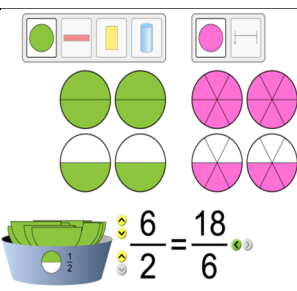
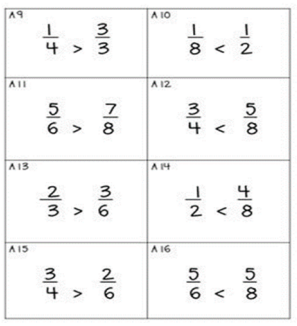
– Giảm lược các dạng bài mang tính thách thức và quá trừu tượng;
– Tăng cường cơ hội được áp dụng thực tế cho các nội dung toán học cho học sinh;

– Sử dụng quy trình CRA (đi từ Cụ thể – Bán trừu tượng – Trừu tượng) khi cung cấp và hình thành khái niệm toán học cho học sinh khuyết tật học tập để đảm bảo học sinh có thể hiểu được bản chất của khái niệm toán học được học.

+ Day học toán dựa trên con đường tiếp nhận kiến thức cho học sinh khuyết tật học tập:

Con đường nhận thức của học sinh sẽ tuân tự đi từ mức độ cụ thể đến mức độ bán cụ thể/ trừu tượng và cuối cùng là mức độ trừu tượng. Việc hiểu và dạy học phù hợp theo trình tự nhận thức đó là rất quan trọng. Ví dụ: Đối với môn Toán, học sinh sẽ không bao giờ hiểu và thao tác được với phân số trừ khi các em có nhiều thời gian thao tác cụ thể với các đồ dùng tượng trưng cho phân số. Từ giai đoạn thao tác cụ thể, nhận thức của học sinh chuyển sang mức độ tượng trưng hay diễn đạt bằng hình tượng. Ở giai đoạn này, học sinh có thể dựa trên các biểu tượng hoặc tranh ảnh và hiểu được cách di chuyển đồ vật như thế nào là tạo nên phân số đúng quy tắc hoặc sai quy tắc. Mức độ cuối cùng là mức độ trừu tượng, lúc này, học sinh đã nắm rất rõ quy tắc và em có thể thao tác thậm chí trong đầu bằng khái niệm. Em cũng hiểu các mối quan hệ như các phân số tương đương; em có thể giải tất cả bài toán liên quan đến số nguyên và phân số. Giáo viên cần lưu ý rằng dựa trên nhận thức của học sinh giáo viên có thể đưa ra những hỗ trợ phù hợp với học sinh. Học sinh thường ghi nhớ các yếu tố hoặc phép toán mà không hiểu khái niệm hay cách thực hiện phép tính. Quá trình này dẫn đến việc học vẹt mà không hiểu. Việc hiểu thông tin được học tăng cường qua học thuộc lòng và vận dụng các khái niệm toán học, cách thực hiện và các tiền đề để làm tính và giải toán có lời văn. Vì vậy, kiến thức của các mức độ hiểu môn toán là sự cần thiết để đánh giá và việc dạy môn toán. Bên cạnh đó, ở các nội dung toán học khác nhau mức độ nhận thức ở từng học sinh là khác nhau. Do đó, giáo viên cần lưu ý và cố gắng xác định mức độ nhận thức của học sinh với từng nội dung. Cụ thể:

Bảng 2.4. Minh họa về ba cấp độ nhận thức

Mức độ	Thông tin	Minh họa
Mức độ cụ thể	Mức độ cụ thể bao gồm thao tác với các đồ vật. Mức độ này hữu ích để giúp học sinh liên hệ giữa thao tác với quy trình tính toán. Ở mức độ này người học tập trung vào cả hai việc thao tác với đồ vật và biểu thức tính mô tả thao tác đó. Các kinh nghiệm cụ thể rất quan trọng để dạy và đánh giá các kỹ năng ở tất cả các mức độ cao hơn của toán học.	
Mức độ bán cụ thể	Mức độ này bao gồm làm việc với các minh họa từng mục cụ thể khi biểu diễn các nhiệm vụ toán học. Các mục có thể bao gồm các điểm, đường kẻ, tranh và đồ vật. Mức độ bán trừu tượng khuyến khích việc dùng tranh minh họa các đồ vật thật, ngược lại với mức độ bán trừu tượng dùng đến vật đối chiếu.	
Mức độ trừu tượng	Mức độ trừu tượng bao gồm việc sử dụng chuỗi số đếm. Ví dụ: việc làm tính ở mức độ này chỉ gồm các chữ số và giải bài toán. Học sinh có khó khăn về toán cần các kinh nghiệm ở mức độ cụ thể và nửa cụ thể trước khi hiểu được ý nghĩa các con số. Trước đây các đánh giá tập trung vào mức độ trừu tượng, tuy nhiên các đánh giá cũng không chỉ giới hạn trong mức độ này. Mục tiêu của việc đánh giá bao gồm việc xác định khả năng của người học có liên quan đến làm toán theo cách có ý nghĩa.	

Hiểu được con đường hình thành nhận thức của học sinh đồng nghĩa với việc trong quá trình dạy học cho học sinh khó khăn về tính toán giáo viên cần sử dụng đa dạng các đồ dùng trực quan ngay từ bước đầu để hỗ trợ khả năng hiểu của học sinh:

+ Dạy toán cho học sinh khó khăn về đọc:

Những khó khăn về đọc cũng gây ra những khó khăn nhất định trong quá trình học sinh học toán. Nhiều học sinh khó khăn về đọc không hiểu hết ý nghĩa của những từ ngữ được sử dụng trong môn toán (thuật ngữ toán học). Ví dụ: Trong toán học từ “gấp...lần” nhằm nói về phép nhân. Tuy nhiên học sinh khó khăn về đọc lại hiểu “gấp” là hành động gấp trong thao tác gấp giấy/ gấp vở... Ngoài ra còn có các thuật ngữ khác phức tạp hơn như “tuyến tính”, “căn” ... Để giải quyết vấn đề này, giáo viên cần lập một danh sách những từ liên quan tới toán mà học sinh chưa hiểu hay hiểu sai ý nghĩa và từng bước giúp học sinh nắm bắt và sử dụng được các thuật ngữ toán học đó thông qua các tình huống/ bài tập toán cụ thể.

Bên cạnh đó, chứng khó đọc cũng là nguyên nhân khiến học sinh khó nắm bắt được ý nghĩa của những bài toán có lời văn Trong những trường hợp như thế này người giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh kỹ năng phân tích loại trừ các thông tin không cần thiết như: Bạn A, bạn B; bố/ mẹ; lớp 6A/ lớp 6C mà chỉ tập trung vào các chữ số và các từ khóa như “thêm, bớt, cho...”. Từ đó hướng dẫn cho học sinh bản chất của các từ đó và với mỗi từ đó thì thường gắn với các phép tính gì?

Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh cách thực hiện bài toán có lời văn thông qua các bước sau:

- (i) Đọc to bài toán lên.
- (ii) Cho phép học sinh dùng bút chì gạch chân vào những từ khóa và gạch đi những từ không cần thiết.
- (iii) Diễn giải lại bài toán bằng lời một cách ngắn gọn (bài toán yêu cầu tìm tổng và sử dụng phép cộng).
- (iv) Thể hiện lại bài toán bằng tóm tắt hoặc sơ đồ.
- (v) Ước lượng.
- (vi) Làm tính.
- (vii) Tự kiểm tra.

Ngoài ra giáo viên cũng có thể tăng khả năng hiểu của học sinh thông qua việc tích hợp dạy đọc trong chương trình học toán. Một trong những lỗi mà giáo viên hay mắc phải khi dạy toán cho học sinh khuyết tật học tập là họ quá chú trọng vào kỹ năng tính toán mà thường bỏ qua vấn đề về ngôn ngữ do những khó khăn về đọc mang lại. Cho nên, thay vì bỏ qua nó, giáo viên nên đưa những vấn đề thường gặp hàng ngày với những ví dụ cụ thể.

+ Day những kỹ năng mới: Sử dụng những kỹ năng mà học sinh đã biết để ra bài tập về nhà hoặc bài tập tại chỗ.

Bảng 2.5. Minh họa áp dụng các kỹ thuật gợi mở trong dạy học

Bước 1: Giới thiệu bài mới	– Liên hệ nội dung bài học mới với các bài học trước. – Nêu được mục tiêu của việc học kỹ năng đó. – Cung cấp vai trò, sự cần thiết phải học và các bước thực hiện kỹ năng đó.
Bước 2: Mô tả và làm mẫu các kỹ năng cần học	Lần 1: Giáo viên mô tả, hướng dẫn bằng lời kết hợp làm mẫu. Học sinh nghe và quan sát và ghi nhớ những gì giáo viên làm mẫu. Lần 2: Giáo viên đặt câu hỏi và học sinh giúp để học sinh đưa ra câu trả lời. Học sinh tham gia trả lời câu hỏi và thực hiện đúng theo mẫu. Giáo viên và học sinh cùng nhau thực hiện theo mẫu. Nếu thấy học sinh khó khăn giáo viên có thể làm mẫu lại.
Bước 3: Hướng dẫn luyện tập	Lần 1. Giáo viên hướng dẫn học sinh trình tự từng bước thực hiện mà không giải thích thêm trừ khi điều đó thật cần thiết. Giáo viên thực hiện hướng dẫn theo các bước sau: 1) Giáo viên gợi ý bằng cách đưa ra các câu hỏi dẫn dắt hoặc làm mẫu khi cần thiết (ví dụ: Ta phải làm gì ở bước đầu tiên? Làm gì bước tiếp theo? ...) 2) Giáo viên sử dụng những hỗ học sinh để học sinh có thể gợi nhớ lại được những kiến thức đã có (ví dụ đánh dấu vào những chữ quan trọng, học sinh không biết). 3) Giáo viên giải thích về hệ thống kiến thức (ví dụ: Ghi nhớ để phân biệt các giá trị biến đổi trong phép tính).

	Lần 2: Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện nhiệm vụ và phản ánh lại quá trình và kết quả. Giáo viên cung cấp sự hỗ trợ học sinh ít nhất và học sinh giúp, giải thích ít hơn. Học sinh được khuyến khích để độc lập hơn.
Bước 4: Hướng dẫn luyện tập tăng cường sự độc lập và thành thạo	Giáo viên khuyến khích học sinh tự hoàn thành bài tập, tự kiểm tra đánh giá và sáng tạo cách làm mới bằng cách tổ chức cho một học sinh học khá giúp học sinh, học nhóm, tham gia trò chơi học tập, tự phát hiện và sửa lỗi sai.
Bước 5: Đánh giá	Giáo viên động viên, khuyến khích khi học sinh đưa ra câu trả lời đúng và khai thác, sử dụng chính những lỗi sai của học sinh là cơ hội để giáo viên giúp học sinh hoàn thiện kỹ năng. – So sánh kết quả bài làm với khả năng của học sinh. – So sánh bài làm của học sinh với mục tiêu ban đầu. – Tìm kiếm lỗi sai và lý giải nguyên nhân của lỗi sai đó – Sửa lỗi sai để làm mẫu. – Cho điểm và giải thích – Yêu cầu học sinh áp dụng chuỗi đúng. – Trả bài làm cho học sinh.
Bước 6: Khái quát hoá và áp dụng	– Tạo cơ hội để học sinh có thể áp dụng kiến thức mới vào bối cảnh và tình huống thực tiễn. – Khuyến khích học sinh phát hiện những ý nghĩa, giá trị của kiến thức mới học.

Đây là kỹ thuật giúp giáo viên nâng cao chất lượng dạy môn toán. Chính trong quá trình trao đổi giữa giáo viên – học sinh mà những nhu cầu học toán của học sinh được bộc lộ và đáp ứng. Giáo viên có thể lựa chọn được thời điểm thích hợp để tổ chức các hoạt động như: Giới thiệu kiến thức, hướng dẫn cách làm, đặt câu hỏi, gợi ý câu trả lời, khuyến khích học sinh độc lập luyện tập, phản hồi, đặt mục tiêu, làm mẫu, thảo luận về việc học nội dung, áp dụng chúng vào thực tiễn. Khi giáo viên phản hồi mà dựa vào thái độ phản ứng của học sinh chắc chắn học sinh cảm thấy thoải mái và tích cực hơn với việc học toán.

Sự phản hồi phù hợp rất quan trọng với học sinh khuyết tật học tập mà thiếu chú ý, ít luyện tập và mắc nhiều lỗi hơn so với khả năng của người học. Môi trường học tập phù hợp với học sinh phụ thuộc nhiều vào sự phản hồi kịp thời và chính xác của giáo viên.

Giáo viên cần đơn giản hóa công thức, hướng dẫn làm mẫu cụ thể, gợi ý qua nhìn và nghe, học sinh giúp, củng cố một vài hoạt động dạy có thể mang lại kết quả.

+ Day học sinh kỹ năng khái quát:

Học sinh có khuyết tật học tập thường gặp khó khăn về các kỹ năng khái quát. Việc phát triển kỹ năng khái quát trong môn toán được thực hiện thông qua các hoạt động sau:

✓ Phát triển động cơ học tập. Những học sinh sẵn sàng học một kỹ năng mới hay cách thực hiện thường dễ khái quát được vấn đề đang học.

✓ Thông qua việc dạy qui trình, có sự trao đổi định kì với học sinh về lý do cơ bản của việc học kỹ năng toán và những tình huống cần đến chúng (làm bài tập về nhà, các hoạt động tương tác và đi mua sắm).

✓ Việc dạy cách thực hiện giúp học sinh có thêm nhiều ví dụ và kinh nghiệm phong phú. Ví dụ, sử dụng nhiều đồ vật thật (các khối gỗ, thẻ hay các nút) trong hoạt động cụ thể và dùng nhiều biểu đồ thể hiện (tranh, hình vẽ, nhãn mác...) trong các hoạt động nửa cụ thể. Ngoài ra, có nhiều hình thức trong các hoạt động làm tính trừu tượng hoặc bài toán có lời (ví dụ thể hiện các bài tập làm tính bằng lời nói hay văn bản viết). Đồng thời, có nhiều người khác nhau thực hiện việc dạy (Giáo viên phụ, bạn cùng tuổi và cha mẹ học sinh).

✓ Dạy các kỹ năng đến mức độ thành thạo để học sinh có thể tập trung vào việc sử dụng và không chỉ ghi nhớ một kỹ năng.

✓ Dạy học sinh cách giải các bài toán có nhiều bước. Khi học sinh tự chủ được cách giải bài toán khó, chúng có vẻ độc lập hơn và tích cực thực hiện việc giải bài toán. Các cách ghi nhớ thường xuyên được dùng để giúp học sinh gợi nhớ được các cách làm phù hợp.

✓ Dạy học sinh cách giải bài toán liên quan đến cuộc sống hàng ngày, việc liên hệ kỹ năng mới với chức năng sử dụng sẽ thúc đẩy động cơ cũng như nhu cầu khái quát.

✓ Sử dụng các củng cố ngẫu nhiên nảy sinh trong môi trường tự nhiên. Theo cách này, học sinh không ỷ lại vào các tình huống giả tạo (những củng cố trong phạm vi lớp học) để duy trì và sử dụng kỹ năng đã học.

✓ Khi kỹ năng đã được củng cố vững chắc, hướng đến những tình huống ở mức độ cao hơn như có thể làm việc độc lập.

✓ Khuyến khích học sinh khái quát.

+ Hướng dẫn học sinh cách ước lượng để giải quyết các tình huống hàng ngày:

Học sinh cần được khuyến khích để chuyển các kiến thức toán học vào giải quyết những tình huống phát sinh trong cuộc sống. Một trong những nội dung cần trang bị cho học sinh đó là kiến thức và kỹ năng về ước lượng. Ước lượng cho phép học sinh tìm ra được kết quả gần tương đương với kết quả chính xác phép tính được đưa ra. Như vậy nếu có kỹ năng ước lượng, học sinh sẽ giải quyết được các vấn đề như cho ra kết quả gần đúng của chiều dài, chiều rộng, chiều cao; số tiền cần thiết để chi trả cho một hay nhiều món đồ; số lượng đồ cần thiết (bát/ đĩa/ đũa...) cho một nhóm người; số xăng cần mua để chạy hết 50km đường....

– Cách thức hướng dẫn học sinh tiến hành ước lượng

✓ Xác định phép tính được đưa ra (ví dụ: $29 + 46$; 31×58)

✓ Hướng dẫn học sinh cách làm tròn các số trong phép tính. Với số có hai chữ số, nếu chữ số hàng đơn vị lớn hơn 5 thì làm tròn lên (ví dụ: 27 thành 30); nếu chữ số hàng đơn vị bé hơn 5 thì làm tròn xuống (ví dụ: 72 thành 70). Với số có ba chữ số, nếu chữ số hàng chục lớn hơn 5 thì làm tròn lên (ví dụ: 385 thành 400); nếu chữ số hàng chục bé hơn 5 thì làm tròn xuống (ví dụ: 329 thành 300).

+ Hướng dẫn và cho phép học sinh sử dụng hình thức thay thế:

Có nhiều học sinh cần được cung cấp các cách làm toán thay thế để giải quyết các khó khăn trong tính toán mà mình gặp phải. Thay thế là cách học tập theo một con đường khác, không giống hoàn toàn như con đường mà những học sinh khác đang theo nhưng cuối cùng học sinh khó tính toán vẫn có thể đạt được mục tiêu cuối cùng là thực hiện đúng các bài toán/ phép toán.

Ví dụ: Để giúp học sinh khó tính toán thực hiện các phép tính nhân hai số có nhiều chữ số trong khi học sinh khó khăn trong việc nhớ và tái hiện lại bảng cửu chương giáo viên có thể cho phép được sử dụng máy tính cầm tay thay vì phải thực hiện phép tính trên vở nháp.

+ **Củng cố thái độ tích cực với môn Toán:**

Học sinh khuyết tật học tập thường có thái độ tiêu cực với việc học toán và cảm thấy không chắc chắn trong khả năng thành công với môn toán. Thái độ tích cực, sự tin tưởng vào khả năng bản thân và động cơ học tập đúng đắn đóng vai trò quan trọng trong việc học toán. Xây dựng một môi trường thân thiện, hợp tác, tôn trọng sự khác biệt và một chương trình linh hoạt thúc đẩy sự tự nhận thức sẽ khiến học sinh có thái độ tích cực đối với môn toán.

- Thu hút học sinh tham gia vào các hoạt động.
- Tạo cơ hội cho học sinh thành công.
- Liên hệ đề bài toán với cuộc sống hàng ngày của Học sinh.
- Cho học sinh thấy rõ khả năng học tập của mình.
- Giúp học sinh hiểu rằng sự cố gắng có tác động trực tiếp đến sự thất bại và thành công.
- Tìm ra các tác nhân khiến học sinh thành công hoặc thất bại. Điều này giúp học sinh nhận ra vai trò thái độ của mình có ảnh hưởng trực tiếp đến những gì xảy ra trong môn toán.
- Thể hiện sự hăng hái và tích cực trong môn Toán và duy trì nhịp độ ổn định việc dạy toán.
- Củng cố tích cực với những cố gắng của học sinh trong môn toán. Học sinh cần biết khi mắc các lỗi sai tức là học sinh có thêm cơ hội để học tập.

b. Minh họa điều chỉnh một số nội dung trong môn Toán với học sinh khuyết tật học tập

Bảng 2.6. Minh họa điều chỉnh một số nội dung trong môn Toán với học sinh khuyết tật học tập

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự	– Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. – Biểu diễn được số tự nhiên trong	– Nêu ngắn gọn hoặc chỉ được ý nghĩa của thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	<i>trong tập hợp các số tự nhiên</i>	hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. – Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước.	cách cho tập hợp. – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. – Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước.
	<i>Các phép tính với số tự nhiên.</i> <i>Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	– Thực hiện được các phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện	– Thực hiện được các phép tính đơn giản liên quan đến: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
		các phép tính. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: Tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có...).	phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.
	<i>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>	– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; nhận biết được phân số tối giản; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. – Nhận biết được phép chia có dư,	– Xác định hoặc thực hiện được các phép chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Sử dụng máy tính để thực hiện được phép chia có dư. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
		định lý về phép chia có dư. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (ví dụ: Tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước...).	những vấn đề thực tiễn đơn giản gắn liền với cuộc sống của học sinh khuyết tật học tập.
Số Nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	– Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước. – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	– Mục tiêu tương tự như cho học sinh trung học cơ sở nhưng tập trung vào mục tiêu: – Giải quyết một số tình huống thực tế liên quan đến số nguyên âm.
	Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số	– Thực hiện được các phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Nhận biết được quan hệ chia hết,	Mục tiêu tương tự như cho học sinh trung học cơ sở nhưng tập trung vào mục tiêu: – Thực hiện được các phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên khi được

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
		khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: Tính lỗ lãi khi buôn bán...).	sử dụng máy tính cầm tay; – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: Tính số tiền còn thiếu khi muốn mua một món đồ...).
Phân số	<i>Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số</i>	– Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. – So sánh được hai phân số cho trước. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương.	– Mục tiêu tương tự như cho – học sinh trung học cơ sở nhưng tập trung vào mục tiêu: – So sánh được hai phân số cho trước; – Tìm được số đối của một phân số.
	<i>Các phép tính với phân số</i>	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính	– Mục tiêu tương tự như cho học sinh trung học cơ sở nhưng tập trung vào mục tiêu: - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ,

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
		nhANH một cách hợp lý). - Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lý...).	nhân, chia với phân số. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: Chia phần cho một nhóm người...).
Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	- Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về	- So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: Các bài toán liên quan đến phần trăm giảm giá của một mặt hàng...).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
		số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: Các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học...).	
Hình học trực quan	<i>Các hình phẳng trong thực tiễn, Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều</i>	– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: Tam giác đều (ví dụ: Ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: Bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: Sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.	– Mục tiêu tương tự như cho học sinh trung học cơ sở.
	<i>Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang</i>	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói	– Mục tiêu tương tự như cho học sinh trung học cơ sở nhưng ở mức độ cơ bản.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	<i>cân</i>	trên (ví dụ: Tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên...).	
Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	<i>Hình có trục đối xứng</i>	– Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).
	<i>Hình có tâm đối xứng</i>	– Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	
	<i>Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên</i>	– Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: Nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).	Mục tiêu tương tự như cho học sinh trung học cơ sở nhưng ở mức độ cơ bản: – Chỉ ra được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo... sau khi được giáo viên hướng dẫn và giải thích; – Nêu được cảm nhận của bản thân về được vẻ đẹp của

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
			thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: Nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).
Hình học phẳng			
Các hình học cơ bản	<i>Điểm, đường thẳng, tia</i>	– Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: Điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được khái niệm tia.	– Chỉ và vẽ được đường thẳng cắt nhau, song song. – Chỉ và vẽ được ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Chỉ và vẽ được điểm nằm giữa hai điểm.
	<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng</i>	– Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.	– Nêu/chỉ được điểm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng; – Vẽ được đoạn thẳng, trung điểm

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
			của đoạn thẳng, độ dài.
	<i>Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc</i>	– Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). – Nhận biết được khái niệm số đo góc.	– Nêu/chỉ được các loại góc; – Đọc được số đo của góc khi được sử dụng đồ dùng trực quan.
Một số yếu tố thống kê			
Thu thập và tổ chức dữ liệu	<i>Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước</i>	– Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: Bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. – Nhận biết được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	– Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: Bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.
	<i>Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ</i>	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: Bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: Bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép.	– Đọc và mô tả các dữ liệu ở dạng: Bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu

Nội dung		Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
			vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép.
Phân tích và xử lý dữ liệu	Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có	– Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: Bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép. – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: Bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép. – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lý lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6...) và trong thực tiễn (ví dụ: Khí hậu, giá cả thị trường...).	– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: Bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép. – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lý lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6...) và trong thực tiễn (ví dụ: Khí hậu, giá cả thị trường...).

2.2.1.5. Tổ chức dạy Toán cho học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở

– Đan xen các hình thức tổ chức dạy học toán trong lớp trung học cơ sở hoà nhập có học sinh khuyết tật học tập tham gia, trong đó:

+ Hình thức cả lớp được áp dụng khi giáo viên giảng giải, trình bày kiến thức cơ bản, cốt lõi;

+ Hình thức nhóm có thể tổ chức theo nhóm đa trình độ hoặc nhóm nhỏ, trong đó tạo cơ hội để học sinh khuyết tật học tập được phát huy điểm mạnh của bản thân (giữ vai trò thư kí hoặc trình bày sau thảo luận);

+ Hình thức cá nhân được áp dụng khi cần đưa ra những hỗ trợ riêng hoặc cụ thể cho cá nhân học sinh khuyết tật học tập ở một số tình huống hoặc nội dung trong bài học.

2.2.1.6. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Toán với học sinh học sinh khuyết tật học tập

– Đánh giá mức độ tham gia và đóng góp của học sinh khuyết tật học tập với các hoạt động học tập và thực hành;

– Đánh giá khả năng giải quyết các dạng bài có độ khó tương tự với những bài học cơ bản trong chương trình toán;

– Đánh giá khả năng áp dụng công thức hoặc các bước để giải quyết nhiệm vụ toán học trên lớp và trong cuộc sống thực tế hàng ngày;

– Đánh giá mức độ hứng thú của học sinh đối với các hoạt động học toán.

* Khi triển khai đánh giá, giáo viên cần lưu ý một số kỹ thuật, yêu cầu sau:

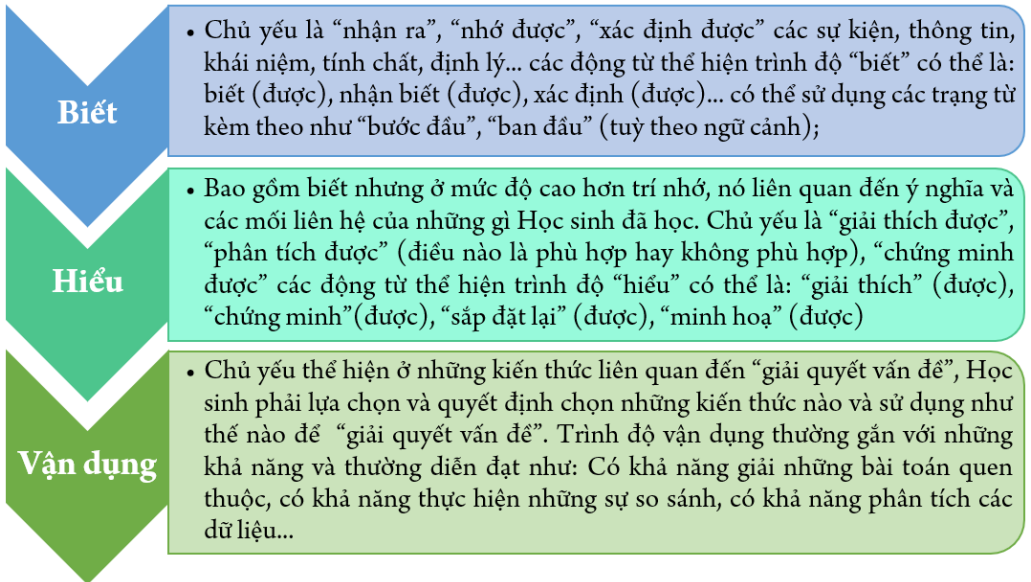
+ Giáo viên cần cải tiến để nâng cao chất lượng các cách thức kiểm tra truyền thống (kiểm tra miệng, viết, câu hỏi, bài tập tự luận) đồng thời tìm hiểu và áp dụng các hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi đúng – sai, câu hỏi nhiều lựa chọn, câu điền khuyết, câu ghép đôi...).

+ Tạo điều kiện cho học sinh được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Ví dụ như cho học sinh thảo luận hoặc nhận xét về bài tập của bạn, của nhóm bạn; sử dụng hình thức kiểm tra “trò – trò”. Đối với học sinh khuyết tật học tập, giáo viên cần tăng cường cho học sinh đặt câu hỏi để học sinh khác trả lời (với cách này, các học sinh không còn là người thụ động trả lời câu hỏi mà là người chủ động đặt câu hỏi. Điều đó kích thích hứng thú và làm tăng lòng tự tin trong học tập của các học sinh. Mặt khác, để có được các câu hỏi hay và thích hợp các học sinh phải nắm vững bài. Điều đó kích thích sự nỗ lực vươn lên của các học sinh).

+ Tăng cường đưa ra các nhận xét thích hợp cho câu trả lời hoặc bài làm của học sinh.

+ Khi biên soạn hoặc chuẩn bị các câu hỏi bài tập cho đối tượng học sinh khuyết tật học tập, giáo viên cần lưu ý những điểm sau:

- + Câu hỏi và bài tập cần được diễn đạt rõ ràng, chính xác và chỉ có một cách hiểu duy nhất;
- + Câu hỏi và bài tập phải phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Giáo viên có thể tham khảo các mức độ trên như sau:



2.2.2. Môn Ngữ văn

Những nội dung điều chỉnh được đề cập trong mục “Học sinh khuyết tật học tập”. Những nội dung không điều chỉnh được thực hiện như học sinh không khuyết tật trong chương trình phổ thông cấp trung học cơ sở.

2.2.2.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu cần đạt

Bảng 2.7. Minh họa mục tiêu cần đạt trong môn Ngữ Văn

Mục tiêu môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
a) Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở tiểu học; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: Biết tự hào về lịch sử dân tộc và văn học dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.	– Không điều chỉnh

Mục tiêu môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
b) Tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đã hình thành ở cấp tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn. <u>Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu:</u> Phân biệt được các loại văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại văn bản; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, logic, đúng quy trình và có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp. <u>Phát triển năng lực văn học với yêu cầu:</u> Phân biệt được các thể loại truyện, thơ, kí, kịch bản văn học và một số tiểu loại cụ thể; nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, nhận biết và phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với mỗi thể loại văn học; nhận biết được giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mĩ; phân tích được tính hình tượng, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học; có thể tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.	– Không điều chỉnh mục tiêu với những học sinh khuyết tật học tập dạng khó khăn về tính toán đơn lẻ; – Điều chỉnh mục tiêu với những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp. Trong đó, điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ các yêu cầu về năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học. Đảm bảo học sinh khuyết tật học tập dễ dàng tiếp cận và tiếp nhận kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong môn Ngữ Văn. Cụ thể: + Đọc hiểu được nội dung tường minh của văn bản. + Tạo lập được đoạn văn hoặc bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng thông qua các hình thức khác nhau như viết, diễn, nói, sắp xếp. + Viết được đoạn, bài văn tự sự, miêu tả, nghị luận hoàn chỉnh, mạch lạc, đúng quy trình. + Nêu được cơ bản các tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với mỗi thể loại văn học. + Nêu/ viết được những đặc điểm cơ bản liên quan đến nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, năng lực đặc thù

– Học sinh khuyết tật học tập có yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đối với môn Ngữ văn được qui định trong Chương trình tổng thể.

* Yêu cầu về năng lực đặc thù

Bảng 2.8. Minh họa điều chỉnh yêu cầu về năng lực đặc thù

Yêu cầu của môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
a) Năng lực ngôn ngữ	
– Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản.	– Không điều chỉnh đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: + Đọc và hiểu được văn bản khi có sự hỗ trợ hoặc điều chỉnh phù hợp (thời gian, hình thức thể hiện văn bản, độ dài văn bản...); + Trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung cơ bản của văn bản (chủ yếu là nội dung tường minh) bằng đa dạng các hình thức khác nhau: Viết, lựa chọn, gạch chân....
– Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về cuộc sống, làm giàu đời sống tinh thần.	– Không điều chỉnh nhiều đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn dạng hỗn hợp: – Khi được hướng dẫn hoặc làm mẫu, học sinh khuyết tật học tập có thể bước đầu biết phân tích,

Yêu cầu của môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
	đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân.
– Ở lớp 6 và lớp 7: Viết được bài văn tự sự, miêu tả và biểu cảm; bước đầu biết viết bài văn nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. – Ở lớp 8 và lớp 9: Viết được các bài văn tự sự, nghị luận và thuyết minh hoàn chỉnh, theo đúng các bước và có kết hợp các phương thức biểu đạt	– Không điều chỉnh nhiều đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ ở các lớp; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: + Ở lớp 6, 7: Tạo dựng được một phần hoặc toàn bộ bài văn tự sự, miêu tả và biểu cảm, nhật dụng bằng đa dạng các cách thức khác nhau: Sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, diễn câu, chọn câu phù hợp vào văn bản.... • Bước đầu tạo dựng được bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo đúng các bước được hướng dẫn thông qua đa dạng các cách thức khác nhau; + Ở lớp 8, 9: Tạo dựng được bài văn tự sự, nghị luận hoàn chỉnh theo đúng các bước bằng đa dạng các cách thức khác nhau sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, diễn câu, chọn câu phù hợp vào văn bản....

Yêu cầu của môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
– Viết văn bản tự sự tập trung vào yêu cầu kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; văn bản miêu tả với trọng tâm là tả cảnh sinh hoạt (tả hoạt động); văn bản biểu cảm đối với cảnh vật, con người và thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học; biết làm các câu thơ, bài thơ, chủ yếu để nhận biết đặc điểm một số thể thơ quen thuộc; viết được văn bản nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng dễ tìm kiếm; viết được văn bản thuyết minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của học sinh với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số văn bản nhật dụng như biên bản ghi nhớ công việc, thư điện tử, văn bản tường trình, quảng cáo và bài phỏng vấn. Viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn văn bản.	– Không điều chỉnh nhiều đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ ở các lớp; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: + Tạo dựng được bài văn hoàn chỉnh theo đúng các bước bằng đa dạng các cách thức khác nhau sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, diễn câu, chọn câu phù hợp vào văn bản.... + Loại bỏ các yếu tố thách thức đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết như sáng tạo, biểu cảm, lập luận.
– Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách mạch lạc câu chuyện đã đọc,	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở, học sinh khuyết tật học tập được sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ (hình ảnh, mô hình, bản trình chiếu được

Yêu cầu của môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
đã nghe; biết chia sẻ những cảm xúc, thái độ, trải nghiệm, ý tưởng của mình đối với những vấn đề được nói đến; thảo luận ý kiến về vấn đề đã đọc, đã nghe; thuyết minh về một đối tượng hay quy trình; biết cách nói thích hợp với mục đích, đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; biết sử dụng hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ... để trình bày vấn đề một cách hiệu quả.	chuẩn bị trước...) để trình bày vấn đề một cách hiệu quả.
– Nghe hiểu với thái độ phù hợp và tóm tắt được nội dung; nhận biết và bước đầu đánh giá được lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin thông qua kênh nghe: Cho phép học sinh được đọc văn bản và sử dụng bút để gạch vào ý chính nhằm tóm lược nội dung cơ bản của văn bản.
b) Năng lực văn học	
– Nhận biết và phân biệt được các loại văn bản văn học: Truyện, thơ, kịch, kí và một số thể loại tiêu biểu cho mỗi loại; phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học; hiểu nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản văn học. Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.	– Không điều chỉnh nhiều đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ ở các lớp; – Đối với học sinh khuyết tật học tập dạng khó khăn về đọc: Giảm lược các yêu cầu về hiểu nội dung hàm ẩn của văn bản; – Đối với học sinh khuyết tật học tập dạng khó khăn về viết: Cho phép học sinh được trình bày bằng lời cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân.

Yêu cầu của môn Ngữ văn	Học sinh khuyết tật học tập
– Ở lớp 6 và lớp 7: Nhận biết được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa của văn bản đã đọc; nhận biết được truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; kí trữ tình và kí tự sự; nhận biết được chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình và giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi thể loại văn học (cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật, không gian và thời gian, vần, nhịp, hình ảnh và các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh).	– Không điều chỉnh nhiều đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ ở các lớp; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Nêu lại các đặc điểm hoặc nội dung cơ bản của các văn bản đã học. Giảm lược các yêu cầu về biểu cảm hoặc giá trị nghệ thuật.
– Ở lớp 8 và lớp 9: Hiểu được thông điệp, tình cảm và thái độ của tác giả trong văn bản; nhận biết được kịch bản văn học, tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch; nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, hình tượng văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học (sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, điểm nhìn, luật thơ, kết cấu, từ ngữ, mạch cảm xúc trữ tình; các biện pháp tu từ như điệp ngữ, chơi chữ, nghịch ngữ). Nhận biết một số nét khái quát về lịch sử văn học Việt Nam; hiểu tác động của văn học với đời sống của bản thân.	– Không điều chỉnh nhiều đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ ở các lớp; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: + Nêu hoặc nêu lại được các đặc điểm hoặc nội dung cơ bản của các văn bản đã học. + Trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung cơ bản của văn bản (chủ yếu là nội dung tường minh) bằng đa dạng các hình thức khác nhau: Viết, lựa chọn, gạch chân

* Nội dung giáo dục

Bảng 2.9. Điều chỉnh nội dung giáo dục môn Ngữ Văn

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc	
<i>Kỹ thuật đọc:</i> Gồm các yêu cầu về tư thế đọc, kỹ năng đọc thành tiếng, kỹ năng đọc thầm, đọc lướt, kỹ năng ghi chép trong khi đọc...	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Giảm nhẹ yêu cầu về tốc độ đọc (thành tiếng và đọc thầm); – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Cho phép gạch chân vào ý chính trong bài đọc, ghi âm bài đọc hoặc cung cấp cho học sinh văn bản bài đọc với nội dung cơ bản, cốt lõi.
<i>Đọc hiểu:</i> Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin. + Đọc hiểu nội dung văn bản thể hiện qua chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp...; + Đọc hiểu hình thức thể hiện qua đặc điểm các kiểu văn bản và thể loại, các thành tố của mỗi kiểu văn bản và thể loại (câu chuyện, cốt truyện, truyện kể, nhân vật, không gian, thời gian, người kể chuyện, điểm nhìn, văn thơ, nhịp thơ, lí lẽ, bằng chứng...), ngôn ngữ biểu đạt...; + Liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá,	– Độ dài văn bản đọc hiểu được điều chỉnh dựa trên năng lực của mỗi học sinh khuyết tật học tập; – Cho phép học sinh khuyết tật học tập trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung cơ bản của văn bản (chủ yếu là nội dung tường minh) bằng đa dạng các hình thức khác nhau: Viết, lựa chọn, gạch chân....

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân người đọc; đọc hiểu văn bản đa phương thức ...;	
+ Đọc mở rộng, học thuộc lòng một số đoạn, văn bản văn học chọn lọc.	– Số lượng và độ dài văn bản đọc mở rộng được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu và năng lực của từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập.
<i>Yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết</i>	
Viết câu, đoạn, văn bản: Gồm các yêu cầu về quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu thực hành viết theo đặc điểm của các kiểu văn bản.	– Mức độ hoàn thành các yêu cầu viết câu, đoạn, văn bản được điều chỉnh phù hợp với năng lực viết của từng học sinh khuyết tật học tập; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Tạo dựng được bài văn hoàn chỉnh theo đúng các bước bằng đa dạng các cách thức khác nhau như sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, diễn câu, chọn câu phù hợp vào văn bản....
<i>Yêu cầu cần đạt về các kỹ năng nói và nghe</i>	
Kỹ năng nói: Gồm các yêu cầu về âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, trình bày, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ khi nói...	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn trong việc trình bày thông tin một cách mạch lạc bằng ngôn ngữ nói: Cho phép học sinh được sử dụng hình ảnh hoặc đọc văn bản khi trình bày.

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Kỹ năng nghe: Gồm các yêu cầu về cách nghe, cách ghi chép, hỏi đáp, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điều bộ khi nghe, nghe qua các phương tiện kỹ thuật...	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin thông qua kênh nghe: Cho phép học sinh được đọc văn bản và sử dụng bút để gạch vào ý chính nhằm tóm lược nội dung cơ bản của văn bản.
Kiến thức tiếng Việt	
Các mạch kiến thức	
+ Ngữ âm và chữ viết: Âm, chữ, dấu thanh, quy tắc chính tả (chỉ học ở cấp tiểu học). + Từ vựng: Mở rộng vốn từ, nghĩa của từ ngữ và cách dùng, cấu tạo từ, quan hệ nghĩa giữa các từ ngữ. + Ngữ pháp: Dấu câu, từ loại, cấu trúc ngữ đoạn và cấu trúc câu, các kiểu câu và cách dùng. + Hoạt động giao tiếp: Biện pháp tu từ, đoạn văn, văn bản và các kiểu văn bản, một số vấn đề về phong cách ngôn ngữ và ngữ dụng.	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở; tuy nhiên, có hỗ trợ phần hình ảnh giải nghĩa cho học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học các nội dung này.
<i>Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ:</i> Từ mượn, từ ngữ mới và nghĩa mới của từ ngữ, chữ viết tiếng Việt, các biến thể ngôn ngữ phân biệt theo phạm vi địa phương, xã hội, chức năng, trong đó có văn bản đa phương thức (ngôn ngữ trong sự kết hợp với hình ảnh, kí hiệu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ...) như là một biến thể của giao tiếp ngôn ngữ.	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở; tuy nhiên, có hỗ trợ phần hình ảnh giải nghĩa cho học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học các nội dung này.

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
<i>Phân bố các mạch kiến thức tiếng Việt ở cấp trung học cơ sở</i>	
Những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ) giúp học sinh có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở; tuy nhiên, có hỗ trợ phần hình ảnh giải nghĩa cho học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học các nội dung này.

2.2.2.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học tập môn Ngữ Văn

a. Thuận lợi

– Học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về toán có thể tham gia học tập nội dung môn Ngữ Văn giống như các học sinh trung học cơ sở khác.

b. Khó khăn

– Môn ngữ văn là một thách thức lớn đối với những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, khó khăn về viết hoặc khó khăn dạng hỗn hợp (ví dụ: Đọc kèm viết; đọc, viết kèm tính toán). Những khó khăn mà học sinh gặp phải xuất phát từ đặc điểm của môn Ngữ văn:

– Văn bản trong chương trình có số lượng từ lớn khiến học sinh khuyết tật học tập khó khăn trong việc đọc. Bản thân học sinh khuyết tật học tập thường có những vấn đề cơ bản về tốc độ đọc (đọc chậm) và mắc nhiều lỗi sai trong quá trình đọc (đọc nhầm từ, đọc thiếu từ, đọc sai từ, đọc đoán từ...). Do đó, khi phải xử lý văn bản dài, đồng nghĩa với việc học sinh sẽ phải giành nhiều thời gian để đọc và số lượng từ sai mắc phải sẽ nhiều hơn. Hoạt động đọc thành tiếng hoặc đọc nhầm thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến việc học sinh khuyết tật học tập không thể nêu lại hoặc trả lời được các câu hỏi trong văn bản đã học (hiệu quả đọc hiểu bị giảm sút, hạn chế một cách rõ rệt);

– Văn bản mang tính đa dạng cao: Nếu như ở cấp tiểu học, học sinh được tiếp xúc chủ yếu với các dạng văn bản nhật dụng, thông tin. Thì ở cấp trung học cơ sở, học sinh khuyết tật học tập cần tiếp cận và xử lý với nhiều dạng văn bản phức tạp hơn: Truyện, thơ, kịch, kí, truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; kí trữ tình và kí tự sự.

– Các yêu cầu liên quan đến đọc trong môn ngữ Văn cao hơn, phức tạp hơn: Học sinh khuyết tật học tập không chỉ đọc và trả lời câu hỏi mà sau khi đọc văn bản cần phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học; hiểu nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản văn học; trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân; và bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

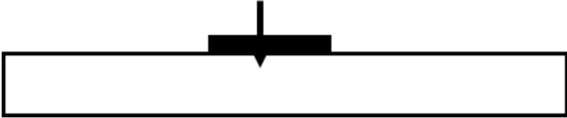
– Các yêu cầu liên quan đến nghe và viết cũng mang tính thách thức cao đối với nhiều học sinh khuyết tật học tập tương tự như với kỹ năng đọc: Đa dạng văn bản hay nhiệm vụ mang tính nâng cao, phức tạp.

2.2.2.3. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Ngữ Văn cho học sinh khuyết tật học tập

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

Bảng 2.10. Gợi ý hỗ trợ bằng các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

Tình huống/ khó khăn	Gợi ý hỗ trợ bằng các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù
Nếu học sinh khi đọc thường đảo ngược chữ cái. b → d n → u	Giáo viên cần: – Làm một dãy số và chữ trực quan rồi dán lên bàn học của học sinh và đặt thêm một quyển vở. Như vậy, học sinh đã có mẫu về các biểu tượng mà em hay nhầm lẫn. Hình thành ở các em thói quen nhìn vào các mẫu này khi đọc. – Cho học sinh lên bảng luyện tập hàng ngày, mỗi lần vài phút. Giáo viên viết to những chữ hoặc số học sinh thường viết sai lên bảng. Yêu cầu học sinh dùng phấn tô đi tô lại nhiều lần rồi sau đó xóa đi hoặc lấy ngón tay tô thêm lần nữa. Học sinh đọc các biểu tượng đó mỗi khi đi nhìn thấy. Thực hiện hoạt động này hàng ngày cho tới khi học sinh không còn đảo thứ tự các chữ cái, chữ số hoặc biểu tượng nữa. Sử dụng kỹ thuật này có thể giúp các em định hướng và viết từ đúng.

Nếu học sinh thường quên vị trí, bỏ dòng, lặp dòng, bỏ sót từ khi đọc.	Giáo viên cần: – Khuyến khích học sinh sử dụng khe đọc. Giáo viên sử dụng khe chỉ để làm mẫu cho học sinh. Việc sử dụng khe đọc rất có ích đối với những học sinh hạn chế về khả năng nhận thức, chú ý kém và hiếu động. Khe chỉ còn giúp giáo viên thuận lợi giám sát học sinh khi đọc: Học sinh có theo kịp bài đọc không? Học sinh có chú ý không?... Nếu phát hiện học sinh khuyết tật học tập chỉ sai vị trí, giáo viên có thể hỗ trợ học sinh bằng cách đặt điểm đọc trên khe đọc của học sinh đến đúng vị trí mà không cần phải nhắc thành lời. – Khe đọc tốt nhất dài khoảng 15cm và rộng 2cm với một vạch đen dài 2,5 cm ở chính giữa. Vạch đen này sẽ chỉ đúng từ đang đọc khi học sinh dò que từ trái sang phải. Điểm đọc  – Khi đọc, yêu cầu học sinh dùng bút chì gạch chân thẳng vào sách.
Nếu khi đọc học sinh luôn ngáp, dụi mắt	Giáo viên cần: – Đo khám mắt ở bệnh viện để xác định học sinh có bị tật thị giác (cận thị, viễn thị, loạn thị) hay không. Nếu thị lực của học sinh bị suy giảm cần sớm cho đeo kính phù hợp tăng khả năng tri giác của mắt. – Phóng to kích thước bài đọc. – Khi học sinh bắt đầu có những triệu chứng trên, giáo viên yêu cầu học sinh nhắm mắt lại và thư giãn khoảng 30 giây. Dùng khăn ướt chấm quanh mắt sẽ giúp cho đôi mắt giảm ngứa.

Nếu học sinh khó khăn trong việc hiểu lời đối thoại ở tốc độ bình thường.	Giáo viên cần: – Cho học sinh ngồi sát cạnh giáo viên và khuyến khích học sinh quan sát hình miệng của giáo viên. – Thu hút sự tập trung chú ý của học sinh trước khi giáo viên nói. – Giáo viên cần nói với tốc độ thật chậm, dùng câu ngắn gọn, dễ hiểu và lặp lại nhiều lần nếu cần. – Ghi âm bài học để học sinh có thể bấm nút dừng và nghe lại. – Phân công một học sinh có năng lực và kiên nhẫn nhắc lại lời hướng dẫn và các thông tin của giáo viên cho học sinh. – Cung cấp cho học sinh bản ghi nhớ về những nội dung chính để cập đến trong bài giảng. – Quy ước cách ra hiệu (bí mật) của giáo viên. Học sinh thiếu tự tin khi phải đứng lên nói rằng không hiểu bài, giáo viên cần giảng lại. Nhưng sẽ tệ hơn nếu giáo viên sử dụng cách ra dấu cho học sinh. – Giáo viên nên thường xuyên dừng lại để kiểm tra xem học sinh có hiểu không và cung cấp những hỗ trợ cần thiết giúp học sinh hiểu nội dung văn bản. – Sử dụng nhiều bảng ghi chú hoặc bảng trực quan để hỗ trợ quá trình tiếp nhận bằng thính giác của học sinh; Giáo viên lưu ý nên hạn chế các từ khóa, định nghĩa hoặc câu hỏi. – Chuyển học sinh đến các chuyên gia trị liệu ngôn ngữ để đánh giá ngôn ngữ tiếp nhận.
– Nếu học sinh không có khả năng phân biệt các âm thanh nói ra.	Giáo viên cần: – Cho học sinh đi đo khám tai. Nếu học sinh bị khiếm thính, cần khuyến khích học sinh đeo máy trợ thính. Nếu thính giác của học sinh bình thường, hãy yêu cầu chuyên gia trị liệu ngôn ngữ kiểm tra độ phân biệt thính giác của học sinh.

	– Nếu học sinh không nghe được một âm thanh nhất định nào đó, hãy tăng mạnh độ lớn của âm thanh đó lên; viết từ đó, chỉ rõ âm thanh mà giáo viên muốn học sinh nghe. – Hướng dẫn học sinh cách đặt lưỡi, môi và cách phát âm như thế nào để tạo ra âm thanh mà học sinh không nghe được.
– Nếu học sinh không có khả năng lọc tạp âm	Giáo viên cần: – Cho học sinh ngồi gần giáo viên. – Đảm bảo học sinh đã tập trung chú ý trước khi bắt đầu nói. – Yêu cầu học sinh quan sát hình miệng của giáo viên. – Nếu học sinh vẫn gặp khó khăn, giáo viên cần khuyến khích học sinh đi kiểm tra thính lực. – Viết những thông tin quan trọng lên bảng. – Cố gắng giữ lớp học càng yên lặng càng tốt trong suốt quá trình giảng bài. – Ghi âm bài giảng trong môi trường không có tiếng ồn. – Cho học sinh sử dụng tai nghe để nghe bài giảng. – Khi học sinh tự học, khuyến khích sử dụng những bản nhạc nền (pure music, natural music) không lời nhẹ nhàng để hạn chế tạp âm.
– Nếu học sinh gặp khó khăn trong việc phải nghe các thông tin quá dài.	Giáo viên cần: – Đưa một bản sao về nội dung quan trọng sắp trình bày; cách này sẽ giúp học sinh đọc thêm về thông tin đang đề cập đến. – Cuối bài giảng, yêu cầu học sinh nhắc lại chỉ ra những nội dung quan trọng và kiểm tra lại xem học sinh có hiểu không.

– Nếu khả năng đọc (quá chậm) hoặc sai nhiều lỗi dẫn đến không hiểu nội dung văn bản trong các môn học khác.	Giáo viên cần: – Chủ động tóm tắt nội dung bài giảng. – Khắc sâu những kiến thức trọng tâm bằng lời. – Sử dụng đồ dùng trực quan hỗ trợ. – Ghi âm văn bản để học sinh sử dụng trong quá trình học các môn học khác. – Cùng học sinh xây dựng từ điển môn học. Từ điển bao gồm những từ quan trọng, thường xuyên xuất hiện ở các môn học.
--	---

+ Thủ thuật giúp học sinh đọc hiểu tốt hơn:

– Phát triển từ vựng là thủ thuật cơ bản giúp trẻ có thể hiểu văn bản.

– Hiểu chữ viết liên quan đến việc nhận diện và gọi tên được thông tin. Một số yêu cầu về đọc hiểu bao gồm đọc hiểu được ý của câu, đoạn hoặc nội dung văn bản, ghi nhớ được ý chính, trình tự các sự kiện và trả lời được các câu hỏi cụ thể.



– Hiểu đúng nghĩa: Yêu cầu học sinh hiểu đúng dựa trên những thông tin có trong bài đọc và kinh nghiệm cá nhân. Kỹ năng hiểu đúng bao gồm việc hiểu các mối quan hệ của văn bản, ý chính của văn bản, ý kiến cá nhân.

– Giáo viên đánh giá hoặc đưa ra ý kiến dựa trên kinh nghiệm, hiểu biết của học sinh. Đánh giá tập trung vào chất lượng thật, kỳ vọng, giá trị hoặc khả năng thực tế. Bao gồm việc xác định giá trị, sự trung thực và sự khác biệt; giữa mong muốn và thực tế; cho ý kiến; thậm chí bao gồm cả giá trị đạo đức.

– Dự kiến có liên quan đến tình cảm, xúc cảm. Học sinh xác định đặc tính các sự kiện và thể hiện cách suy nghĩ, tình cảm (thích thú, lo lắng, hay buồn chán...). Trong đọc chức năng, học sinh đọc các thông tin cơ bản (sử dụng mục lục, cột thông tin, và sách thông tin); hiểu số liệu có trong văn bản; biết đánh dấu trang, dòng; tóm tắt nội dung văn bản; phát triển mẫu văn bản bằng cách tạo lập văn bản khác.

b. Minh họa điều chỉnh một số nội dung trong môn Ngữ Văn với học sinh học sinh khuyết tật học tập

Bảng 2.11. Điều chỉnh một số nội dung trong môn Ngữ Văn với học sinh khuyết tật học tập

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Đọc – đọc hiểu văn bản văn học	
Đọc hiểu nội dung	
– Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm. – Nhận biết được chủ đề của văn bản. – Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. – Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.	– Độ dài văn bản được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng Khuyết tật học tập. – Trả lời được các thông tin cơ bản liên quan đến nội dung văn bản đọc thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, gạch chân vào chi tiết trong bài đọc, viết ý tóm lược; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu);
Đọc hiểu hình thức	
– Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại như: Cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở.
– Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.	– Nêu / viết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
– Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở.

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
– Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát.	– Tương tự như với học sinh trung học cơ sở.
– Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	– Nêu được biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
– Nhận biết và nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.	– Nêu lại được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
– Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí hoặc du kí.	– Nêu lại hoặc gạch chân vào người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí hoặc du kí.
<i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i>	
– Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. – Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.	– Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. – Sau khi được nghe giáo viên phân tích, hướng dẫn, học sinh khuyết tật học tập có thể nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân.
<i>Đọc mở rộng</i>	
– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	– Số lượng và độ dài văn bản được điều chỉnh phù hợp năng lực của từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập. – Nội dung và thể loại của văn bản được lựa chọn phù hợp với đặc điểm, khả năng và nhu cầu của từng học sinh khuyết tật học tập.
– Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.	Tương tự như với học sinh trung học cơ sở.

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Đọc hiểu Văn bản nghị luận	
Đọc hiểu nội dung	
– Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. – Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.	– Độ dài văn bản được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập. – Trả lời được các thông tin cơ bản liên quan đến nội dung văn bản đọc thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, gạch chân vào chi tiết trong bài đọc, viết ý tóm lược; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu);
Đọc hiểu hình thức	
– Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.	– Nêu hoặc nhắc lại được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.
Liên hệ, so sánh, kết nối	
– Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.	– Nêu được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
Đọc mở rộng	
– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.	– Số lượng và độ dài văn bản được điều chỉnh phù hợp năng lực của từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập; – Nội dung và thể loại của văn bản được lựa chọn phù hợp với đặc điểm, khả năng và nhu cầu của từng học sinh khuyết tật học tập.
Đọc hiểu Văn bản thông tin	
Đọc hiểu nội dung	
– Nhận biết được các chi tiết trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.	– Độ dài văn bản được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập;

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
– Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.	– Trả lời được các thông tin cơ bản liên quan đến nội dung văn bản đọc thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, gạch chân vào chi tiết trong bài đọc, viết ý tóm lược; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu).
Đọc hiểu hình thức	
– Nhận biết và hiểu được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản. – Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. – Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.	– Nêu hoặc lựa chọn được thông tin của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản. – Chỉ hoặc lựa chọn đúng văn bản thuật lại một sự kiện.
Viết	
Quy trình viết	
– Biết viết văn bản bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết: + Nêu hoặc sắp xếp lại các thẻ minh họa cho các bước cần thực hiện trước khi viết văn bản; + Tạo dựng được bài văn hoàn chỉnh theo đúng các bước bằng đa dạng các cách thức khác nhau như sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, diễn câu, chọn câu phù hợp vào văn bản

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Thực hành viết	
– Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	– Mức độ hoàn thành được điều chỉnh phù hợp với năng lực của từng học sinh khuyết tật học tập; – Cho phép học sinh được tạo dựng bài văn hoàn chỉnh theo đúng các bước bằng đa dạng các cách thức khác nhau như sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, điền câu, chọn câu phù hợp vào văn bản
– Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích.	
– Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.	
– Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát.	– Lược bỏ với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết
– Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm: Nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.	– Mức độ hoàn thành được điều chỉnh phù hợp với năng lực của từng học sinh khuyết tật học tập; – Cho phép học sinh được sử dụng hình ảnh minh hoạ khi trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm.
– Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện.	
– Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách, nêu đầy đủ các nội dung chính về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận.	– Cho phép học sinh được tạo dựng biên bản hoàn chỉnh theo đúng các bước bằng đa dạng các cách thức khác nhau như sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài, điền câu, chọn câu phù hợp vào văn bản
– Tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc bằng sơ đồ.	– Không điều chỉnh

Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
NÓI VÀ NGHE	
Nói	
– Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về ngôn ngữ hoặc sắp xếp, trình bày ngôn ngữ: + Cho phép học sinh được sử dụng hình ảnh minh hoạ khi kể lại; + Cho phép học sinh vẽ, viết hoặc hình ảnh hoá trải nghiệm của bản thân.
– Kể được một truyền thuyết hoặc cổ tích một cách sinh động, biết sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để tăng tính hấp dẫn trong khi kể.	– Kể được <i>một phần hoặc</i> toàn bộ một truyền thuyết hoặc cổ tích một cách đơn giản, cụ thể. – Cho phép học sinh được sử dụng hình ảnh minh hoạ khi kể lại.
Nghe	
– Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.	– Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác bằng đa dạng các hình thức khác nhau, phù hợp với khả năng của từng học sinh khuyết tật học tập: Ghi ý chính, chọn lọc thông tin có sẵn trên giấy...

2.2.2.4. Tổ chức dạy Ngữ Văn cho học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở

- Đan xen các hình thức tổ chức dạy học Ngữ văn trong lớp trung học cơ sở hoà nhập có học sinh khuyết tật học tập tham gia, trong đó:
 - Hình thức cả lớp được áp dụng khi giáo viên giảng giải, trình bày kiến thức cơ bản, cốt lõi;
 - Hình thức nhóm có thể tổ chức theo nhóm đa trình độ hoặc nhóm nhỏ, trong đó tạo cơ hội để học sinh khuyết tật học tập được phát huy điểm mạnh của bản thân (giữ vai trò thư kí hoặc trình bày sau thảo luận);
 - Hình thức cá nhân được áp dụng khi cần đưa ra những hỗ trợ riêng hoặc cụ thể cho cá nhân học sinh khuyết tật học tập ở một số tình huống hoặc nội dung trong bài học.

2.2.2.5. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Ngữ văn với học sinh học sinh khuyết tật học tập

– Đối với học sinh cấp trung học cơ sở, việc đánh giá kết quả học tập có nhiều khác biệt so với tiểu học. Đối với những học sinh khuyết tật học tập việc đánh giá kết quả học tập cũng có những điểm khác biệt so với những học sinh khác. Giáo viên cần căn cứ vào năng lực học tập từng học sinh cụ thể để có những đánh giá cụ thể. Tuy nhiên, cần chú trọng hình thành cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; đặc biệt là qua 4 kỹ năng này hình thành năng lực cảm thụ, năng lực bộc lộ biểu đạt tư tưởng, tình cảm bằng ngôn ngữ nói và viết tiếng Việt qua mỗi giờ học. Khả năng học sinh vận dụng những cái đã học, hoặc những kiến thức kỹ năng có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống, tạo điều kiện để học sinh tự khẳng định mình qua giao tiếp ứng xử.

– Kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau, coi kiểm tra như là một biện pháp kích thích hứng thú học tập, giúp học sinh tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục những sai sót, hạn chế (nếu có) trong quá trình tìm hiểu, lĩnh hội và vận dụng kiến thức, kỹ năng bộ môn.

– Khi tiến hành đánh giá, cần chú ý đến những vấn đề sau:

+ Không vượt quá những yêu cầu kiến thức, kỹ năng học sinh đã được học (đảm bảo học sinh có sức học trung bình phải đạt yêu cầu và phân hoá được các đối tượng học sinh).

+ Cần đánh giá cả về khả năng ghi nhớ và nhận biết khái niệm lẫn khả năng thông hiểu, vận dụng vốn ngôn ngữ vào thực tiễn đời sống.

+ Dựa trên mức độ tích cực chủ động nghe, nói, đọc, viết của học sinh khi tham gia vào quá trình học tập, khuyến khích học sinh biết cách tự đánh giá kết quả học tập của mình.

+ Tăng cường độ chính xác, khách quan trong đánh giá bằng cách cụ thể hoá các chỉ số đánh giá của mỗi câu hỏi, mỗi đề kiểm tra, cố gắng có đáp án tường minh, cụ thể và công khai hoá đáp án để học sinh tự đánh giá.

– Khi kiểm tra vấn đáp (kiểm tra miệng), giáo viên cần chú ý:

+ Đối với học sinh có khuyết tật học tập, mức độ yêu cầu của câu hỏi kiểm tra chỉ nên dừng lại ở mức độ thấp (tái hiện, nhắc lại những kiến thức, kỹ năng môn ngữ văn đã học).

+ Khi kiểm tra vấn đáp cần xác định rõ: Nội dung, yêu cầu, mục đích hỏi, xác định rõ từng đối tượng nhắm đến của mỗi câu hỏi, không thể dùng một câu hỏi cho tất cả các đối tượng học sinh bình thường và học sinh khuyết tật học tập trong lớp.

+ Chú trọng tạo điều kiện cho học sinh được bộc lộ những suy nghĩ cá nhân, đồng thời với việc rèn năng lực nói và trình bày lưu loát, những suy nghĩ, tình cảm của các học sinh.

+ Khi đánh giá, bên cạnh việc cho điểm, giáo viên cần lưu ý sửa cho học sinh những lỗi sai cần tránh trong quá trình nói tiếng Việt như: Lỗi chính âm, lỗi chính tả, diễn cảm, giúp học sinh học cách nói ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu đối với người nghe.

+ Vừa tận dụng tối đa những câu hỏi bài tập trong sách giáo khoa, vừa xây dựng thêm những câu hỏi bài tập khác dựa trên mục tiêu cần đạt và khả năng học tập của các đối tượng học sinh trong lớp.

– Kiểm tra viết là hình thức kiểm tra phổ biến với môn Ngữ Văn, được dùng để kiểm tra nhiều học sinh trong một thời điểm. Nội dung kiểm tra viết có thể bao quát từ những mạch kiến thức kỹ năng lớn đến những mạch kiến thức kỹ năng nhỏ và học sinh phải diễn đạt câu trả lời bằng ngôn ngữ viết. Kiểm tra viết thường được thông báo trước để học sinh chuẩn bị. Số lượng câu hỏi, mức độ khó trong yêu cầu của mỗi câu hỏi thuộc bài kiểm tra viết phải được căn cứ vào thời gian làm bài và trình độ chung của tất cả học sinh, phù hợp với những yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng.

– Đối với học sinh khuyết tật học tập để viết được một bài văn rất khó khăn. Vì thế khi soạn một đề kiểm tra viết cần làm rõ các yêu cầu về thể loại bài học sinh sẽ phải viết, nội dung, kiến thức, kỹ năng (giới hạn số lượng câu hỏi, phạm vi, mức độ kiến thức, kỹ năng trong mỗi câu hỏi), độ khó của câu hỏi, thậm chí cần giới hạn cả số lượng từ ngữ, câu, đoạn (độ dài văn bản) nếu muốn tăng cường sự chính xác.

– Hiện nay hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan được sử dụng phổ biến trong giờ Ngữ văn. Đối với đối tượng học sinh khuyết tật học tập trắc nghiệm có thể đi từ dễ đến khó. Mới đầu có thể cho học sinh làm quen với loại câu hỏi trắc nghiệm đúng – sai: Loại câu hỏi này chỉ có hai lựa chọn là đúng hoặc sai do đó học sinh có thể trả lời dựa vào việc học thuộc hoặc nhớ mà không cần hiểu thấu đáo những nội dung câu hỏi nêu ra. Khi trình độ năng

lực của học sinh khá hơn thì mới sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm có nhiều lựa chọn, câu hỏi trắc nghiệm so sánh cặp đôi, câu hỏi điền khuyết, câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. Tuy nhiên, dù sử dụng dạng câu hỏi trắc nghiệm nào, giáo viên cũng phải dựa trên năng lực, trình độ cụ thể của học sinh trong lớp để giúp học sinh làm quen dần với những hình thức kiểm tra khác nhau, sao cho không có sự cách biệt quá lớn giữa học sinh khuyết tật học tập với những học sinh khác.

2.2.3. Môn Khoa học tự nhiên

2.2.3.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu cần đạt

Bảng 2.12. Mục tiêu môn Khoa học tự nhiên

Mục tiêu môn Khoa học tự nhiên	Học sinh khuyết tật học tập
Môn Khoa học tự nhiên hình thành, phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên, bao gồm các thành phần: – Nhận thức khoa học tự nhiên – Tìm hiểu tự nhiên – Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học; Đồng thời cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu thiên nhiên, thế giới quan khoa học, sự tự tin, trung thực, khách quan, thái độ ứng xử với thế giới tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.	Đối với học sinh khuyết tật học tập, mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất trong môn Khoa học tự nhiên là tương tự như với học sinh không khuyết tật. Trong đó, các mục tiêu về vận dụng kiến thức đã học và phát triển tình cảm và hành động phù hợp với thiên nhiên được ưu tiên phát triển cho nhóm học sinh này.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

– Những yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung được triển khai tương tự cho học sinh khuyết tật học tập như với học sinh trung học cơ sở trong chương trình đã quy định ở ba thành phần năng lực:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên;

+ Tìm hiểu tự nhiên;

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

2.2.3.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học tập môn Khoa học Tự nhiên

a. Thuận lợi

– Trong quá trình triển khai môn Khoa học tự nhiên, nhiều học cụ, học liệu và hình ảnh mô phỏng được đưa vào sử dụng để minh họa, làm rõ cho các đối tượng, hiện tượng hoặc thí nghiệm khoa học tự nhiên. Được tri giác trọn vẹn thông qua đa dạng các kênh khác nhau, trong đó có trực quan sẽ giúp học sinh khuyết tật học tập tiếp nhận kiến thức và kỹ năng một cách hiệu quả hơn.

– Học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia vào các hoạt động chung liên quan đến triển khai thí nghiệm hoặc ghi nhận kết quả quan sát các hiện tượng khoa học được trình chiếu như các thành viên khác trong lớp học hoà nhập.

b. Khó khăn

– Nội dung môn Khoa học tự nhiên chứa đựng nhiều khái niệm, thuật ngữ mới; gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận kiến thức trọn vẹn của học sinh khuyết tật học tập. Cụ thể, trong Chương trình môn Khoa học tự nhiên, thuật ngữ hoá học được sử dụng theo khuyến nghị của Liên minh Quốc tế về Hoá học thuần túy và Hoá học ứng dụng (IUPAC – International Union of Pure and Applied Chemistry) và Tiêu chuẩn Việt Nam (Tiêu chuẩn 5529:2010 và 5530:2010 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng). Trong đó bao gồm cả những thuật ngữ có nguồn gốc tiếng nước ngoài, ví dụ: “Gravitational field”: Trường hấp dẫn; “electric field”: Trường điện hoặc theo thói quen dùng là điện trường; “magnetic field” là trường từ hoặc theo thói quen dùng là từ trường.

– Học sinh khuyết tật học tập gặp khó khăn trong việc hình dung, tưởng tượng ra các hiện tượng khoa học, thí nghiệm khoa học nếu các hiện tượng khoa học, thí nghiệm khoa học đó chỉ được mô tả bằng ngôn ngữ viết hoặc lời nói.

2.2.3.3. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Khoa học tự nhiên cho học sinh khuyết tật học tập

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

+ Những định hướng về phương pháp giáo dục nói chung:

– Khi dạy môn Khoa học tự nhiên, giáo viên được khuyến khích để vận dụng một số phương pháp có ưu thế phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học như: Dạy học giải quyết vấn đề, thực nghiệm, dạy học dự án,... Cần tạo cho học sinh những cơ hội để liên hệ, vận dụng phối hợp kiến thức, kỹ năng từ các lĩnh vực khác nhau trong môn học cũng như với các môn học khác vào giải quyết những vấn đề thực tế. Cần quan tâm sử dụng các bài tập đòi hỏi tư duy phản biện, sáng tạo (câu hỏi mở, có nhiều cách giải, gắn kết với sự phản hồi trong quá trình học,...). Cần kết hợp giáo dục STEM trong dạy học nhằm phát triển cho học sinh khả năng tích hợp các kiến thức, kỹ năng của các lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ, kỹ thuật, toán vào giải quyết một số tình huống thực tiễn.

+ Những biện pháp dạy học đặc thù dành cho học sinh khuyết tật học tập:

– Đa dạng hoá các hình thức trình bày kiến thức đến học sinh khuyết tật học tập: Kiến thức môn Khoa học tự nhiên nên được trình bày hoặc cung cấp đến học sinh khuyết tật học tập bằng nhiều kênh khác nhau, phù hợp với khả năng tiếp nhận thông tin của học sinh. Ví dụ: Lời nói, hình ảnh, băng hình minh hoạ....

– Hình ảnh hoá thông tin: Chuyển thể những thông tin dạng chữ sang dạng hình ảnh nhằm giúp học sinh khuyết tật học tập tiếp nhận thông tin dễ dàng hơn. Biện pháp này đặc biệt hữu ích khi dùng để chuyển thể các khái niệm, thuật ngữ khoa học xuất hiện trong chương trình hoặc một số nội dung học tập chứa nhiều thông tin được diễn giải bằng chữ;

– Phân tách nội dung cốt lõi: Lược bỏ các nội dung không cần thiết và để lại các nội dung quan trọng nhằm giúp những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc có thể nắm bắt được thông tin cơ bản và cốt lõi của bài học mà không phải đọc quá nhiều;

b. Minh hoạ điều chỉnh một số nội dung trong môn Khoa học tự nhiên với học sinh học sinh khuyết tật học tập

Bảng 2.13. Minh hoạ điều chỉnh một số nội dung trong môn Khoa học tự nhiên với học sinh học sinh khuyết tật học tập

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Các thể (trạng thái) của chất – Sự đa dạng của chất – Ba thể (trạng thái) cơ bản của chất – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất	– Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. – Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. – Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): Nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.	– Trình bày được sự đa dạng của chất thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Sau khi quan sát, học sinh có thể trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. – Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). – Nêu được/ viết được thông tin cơ bản/ tóm tắt về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất (tiến hành theo hình thức độc lập hoặc theo nhóm); – Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): Nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Oxygen (oxi) và không khí	– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan...). – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: Các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.	– Nêu được hoặc viết được thông tin cơ bản, tóm lược về một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan ...). – Nêu được hoặc viết được thông tin cơ bản, tóm lược về tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. – Nêu/viết/gạch/chỉ ra được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit); – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí (tiến hành theo hình thức độc lập hoặc theo nhóm); – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Nêu/vẽ/viết/ sưu tầm được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng – Một số vật liệu – Một số nhiên liệu – Một số nguyên liệu – Một số lương thực – thực phẩm	thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh...); + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu...); sơ lược về an ninh năng lượng; + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi...); + Một số lương thực – thực phẩm. – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – Thực phẩm thông dụng. – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. – Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	cuộc sống và sản xuất thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Nêu hoặc lựa chọn được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. – Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống – Khái niệm tế bào – Hình dạng và kích thước tế bào – Cấu tạo và chức năng tế bào – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống	– Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. – Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. – Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: Màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. – Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. – Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). – Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. – Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.	– Nêu được hoặc viết được thông tin cơ bản, tóm lược về tế bào, chức năng của tế bào. – Nêu được hoặc vẽ được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. – Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: Màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào) thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Thông qua quan sát hình ảnh và lắng nghe giải thích, học sinh có thể nêu được sự khác nhau cơ bản giữa tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ. – Dựa vào thông tin trong vào sơ đồ và những hướng dẫn từ giáo viên, học sinh nêu được/viết được/ lựa chọn được thông tin chính xác về sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). – Trình bày được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
		hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.
Từ tế bào đến cơ thể – Từ tế bào đến mô – Từ mô đến cơ quan – Từ cơ quan đến hệ cơ quan – Từ hệ cơ quan đến cơ thể	– Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa. – Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: Vi khuẩn, tảo đơn bào...; cơ thể đa bào: Thực vật, động vật...). – Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.	– Thông qua hình ảnh minh họa, thông tin cốt lõi được tóm tắt và hướng dẫn từ giáo viên, học sinh nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. Từ đó, học sinh có thể nêu được các thông tin cơ bản về các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. – Thu thập, sưu tầm hoặc lựa chọn được các ví dụ minh họa về mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể; – Thông qua quan sát hình ảnh và lắng nghe giải thích, học sinh có thể nêu được thông tin cơ bản về cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: Vi khuẩn, tảo đơn bào...; cơ thể đa bào: Thực vật, động vật...). – Thực hành (tương tự như với học sinh trung học cơ sở).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
– Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	– Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: Quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. – Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật...). – Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. – Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. – Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). – Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	– Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: Quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính lúp, ống nhòm; ghi chép, gạch chân vào thông tin phù hợp với những gì được quan sát, tìm kiếm thông tin trên mạng Internet; đo đếm, nhận xét và đưa ra những nhận định cơ bản; – Trình bày được vai trò của sinh vật trong tự nhiên thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Quan sát và nêu được điểm giống và khác nhau cơ bản của một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. – Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). – Tìm kiếm, thu thập và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Các phép đo: – Đo chiều dài, khối lượng và thời gian – Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	– Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. – Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian. – Dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. – Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.	– Học sinh có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi được giao nhiệm vụ một cách cụ thể, được giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: Thang nhiệt độ Celsius), được hướng dẫn mẫu (bằng lời và thao tác mẫu), được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	– Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).	
Lực – Lực và tác dụng của lực – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc – Ma sát – Khối lượng và trọng lượng – Biến dạng của lò xo	– Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. – Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. – Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: Thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật. - Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lý do). – Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. – Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác	– Học sinh có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi được giao nhiệm vụ một cách cụ thể, được giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: Lực, lực kế lò xo, Newton), được hướng dẫn mẫu (bằng lời và thao tác mẫu), được quan sát hình ảnh hoặc băng hình mô phỏng, được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh). – Học sinh cần được mở rộng cơ hội thực hành với các tình huống hoặc thí nghiệm thực tế liên quan đến lực (tương tác vật với vật, giao thông...).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. – Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ. – Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng. – Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát. – Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. – Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước (hoặc không khí). – Nêu được các khái niệm: Khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỷ lệ với khối lượng của vật treo.	
Năng lượng – Khái niệm về năng lượng – Một số dạng năng lượng – Sự chuyển hoá năng lượng – Năng lượng hao phí – Năng lượng tái tạo – Tiết kiệm năng lượng	- Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. - Phân loại được năng lượng theo tiêu chí. - Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu. - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn. - Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.	- Nêu lại được ví dụ về khả năng tác dụng lực sau khi được quan sát tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) về hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế; - Nêu được/ đọc được thông tin về năng lượng theo tiêu chí. - Nêu được thông tin cơ bản hoặc gạch chân vào thông tin liên quan đến nhiên liệu; - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn. - Sau khi được quan sát thí nghiệm hoặc được cung cấp thông tin, học sinh có thể đưa ra ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật sang vật; - Đọc lại, viết lại hoặc nêu lại được thông tin cơ bản về định luật bảo toàn năng lượng; - Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	– Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng. – Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày.	
Trái Đất và bầu trời – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng – Hệ Mặt Trời – Ngân Hà	– Giải thích được một cách định tính và sơ lược: Từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày. – Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời. – Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. – Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. – Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.	– Học sinh có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi được giao nhiệm vụ một cách cụ thể, được giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: Hệ mặt trời, hành tinh, ngân hà), được hướng dẫn mẫu (bằng lời và thao tác mẫu), được quan sát hình ảnh hoặc băng hình mô phỏng, được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).

2.2.3.4. Tổ chức dạy môn Khoa học tự nhiên cho học sinh khuyết tật học tập

– Đối với các hoạt động học tập nhóm, giáo viên cần giao nhiệm vụ cụ thể và vừa sức cho học sinh khuyết tật học tập để đảm bảo học sinh có thể tham gia và đóng góp tích cực trong nhóm. Ví dụ: Tránh giao nhiệm vụ “làm thư ký nhóm” cho những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết; tránh giao nhiệm vụ “đọc và tổng hợp thông tin” cho học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc; tránh giao nhiệm vụ thống kê cho học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán;

– Cho phép học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc được lắng nghe trước nội dung về bài học Khoa học tự nhiên trước khi tới lớp học;

– Tạo điều kiện để học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết được giảm lược việc viết lại kiến thức trong quá trình học bài tại lớp bằng nhiều hình thức khác nhau: Gạch chân vào kiến thức chính trong sách giáo khoa hoặc cung cấp bài đọc rút gọn cho học sinh.

– Cho phép những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về sắp xếp, tổ chức kiến thức và sử dụng ngôn ngữ lời nói được trình bày lại những sự vật, hiện tượng, thí nghiệm hoặc trải nghiệm mà mình có được, quan sát được bằng nhiều cách khác nhau.

2.2.3.5. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Khoa học tự nhiên với học sinh khuyết tật học tập

+ Về nội dung đánh giá:

– Đánh giá dựa trên mục tiêu đã được xác lập cho học sinh khuyết tật học tập. Cụ thể: đánh giá:

– Năng lực khoa học tự nhiên liên quan đến nhận thức khoa học tự nhiên; tìm hiểu tự nhiên; và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học;

– Các phẩm chất liên quan đến tình cảm, thái độ và hành động phù hợp với thế giới tự nhiên.

+ Về hình thức đánh giá:

– Kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá khác nhau nhằm đảm bảo thu được thông tin chính xác về khả năng của học sinh khuyết tật học tập: Đánh giá thông qua quan sát tự nhiên, đánh giá chính thức thông qua bài kiểm tra;

+ Điều chỉnh trong đánh giá:

– Sử dụng các hình thức đánh giá thay thế: Cho phép học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết được sử dụng máy tính để ghi lại kết quả hoặc

trình bày bằng lời nói thay vì phải viết bài/ nộp bài viết hoặc cho phép học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc được nghe thêm giải thích về yêu cầu đề bài kiểm tra trước khi làm bài;

– Cho học sinh khuyết tật học tập thêm thời gian thực hiện bài kiểm tra viết hoặc trình bày kết quả bằng lời.

2.2.4. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

2.2.4.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu cần đạt

Bảng 2.14. Mục tiêu hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Mục tiêu Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Học sinh khuyết tật học tập
– Môn Toán cấp trung học cơ sở nhằm giúp học sinh đạt các mục tiêu chủ yếu sau: – Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: Trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.	– Môn Toán cấp trung học cơ sở nhằm giúp học sinh khuyết tật học tập đạt các mục tiêu chủ yếu sau: + Nhìn nhận và nhận định được những đặc điểm của bản thân; đặc biệt là những điểm mạnh, sở trường của bản thân; + Có khả năng nhận định và giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống; + Có khả năng tổ chức và sắp xếp được các hoạt động của bản thân, phù hợp với hoạt động trong gia đình, nhà trường và cộng đồng; + Đánh giá đúng vai trò của những công việc trong xã hội; từ đó có định hướng lựa chọn công việc trong tương lai cho bản thân.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

– Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp hình thành và phát triển ở

học sinh các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được biểu hiện qua các năng lực đặc thù:

* Đối với yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học cơ sở:

Bảng 2.15. Mô tả yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật học tập
NĂNG LỰC THÍCH ỨNG VỚI CUỘC SỐNG		
Hiểu biết về bản thân và môi trường sống	– Xác định được những nét đặc trưng về hành vi và lời nói của bản thân. – Thể hiện được sở thích của mình theo hướng tích cực. – Thể hiện được chính kiến khi phản biện, bình luận về các hiện tượng xã hội và giải quyết mâu thuẫn. – Giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi cơ thể đến các trạng thái cảm xúc, hành vi của bản thân. – Tìm được giá trị, ý nghĩa của bản thân đối với gia đình và bạn bè. – Giải thích được tác động của sự đa dạng về thể giới, văn hoá, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống. – Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống con người.	– Xác định được những nét đặc trưng về hành vi và lời nói của bản thân. – Thể hiện được sở thích của mình theo hướng tích cực. – Trình bày được rõ quan điểm, ý kiến của bản thân; – Tìm được giá trị, ý nghĩa của bản thân đối với gia đình và bạn bè. – Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống con người.
Kỹ năng điều chỉnh bản	– Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề	– Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học

thân và đáp ứng với sự thay đổi	trong những tình huống khác nhau. – Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. – Tự chuẩn bị kiến thức và kĩ năng cần thiết để đáp ứng với nhiệm vụ được giao. – Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau. – Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống. – Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội.	để giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau. – Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. – Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội.
---------------------------------	--	--

NĂNG LỰC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Kỹ năng lập kế hoạch	– Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. – Dự kiến được nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên. – Dự kiến được thời gian hoàn thành nhiệm vụ.	– Dự kiến được các bước để thực hiện một nhiệm vụ; – Dự kiến được thời gian hoàn thành nhiệm vụ.
Kỹ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động	– Biết cách tự khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. – Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác.	– Biết cách tự khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. – Có thể cơ bản giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan

		hệ với người khác.
Kỹ năng đánh giá hoạt động	– Đánh giá được sự hợp lý/chưa hợp lý của kế hoạch hoạt động. – Đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hoạt động. – Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động. – Rút ra được những kinh nghiệm học được khi tham gia các hoạt động.	– Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động. – Rút ra được những kinh nghiệm học được khi tham gia các hoạt động.
NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP		
Hiểu biết về nghề nghiệp	– Giới thiệu được các nghề/nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế – xã hội của các nghề đó. – Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm. – Trình bày được xu thế phát triển của nghề ở Việt Nam. – Giới thiệu được các nhóm kiến thức cần học và các cơ sở đào tạo nghề liên quan đến định hướng nghề nghiệp. – Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.	– Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. – Giới thiệu được các nghề/nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế – xã hội của các nghề đó.
Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất,	– Hình thành được hứng thú nghề nghiệp và biết cách nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghề nghiệp.	– Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về phẩm chất

năng lực liên quan đến nghề nghiệp	– Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về phẩm chất và năng lực của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích. – Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động. – Biết giữ an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.	và năng lực của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích. – Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động. – Biết giữ an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.
Kỹ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	– Lựa chọn được hướng đi phù hợp cho bản thân khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản. – Lập được kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp với hướng đi đã chọn.	– Lập được kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho bản thân liên quan đến học tập.

2.2.4.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học tập hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

a. Thuận lợi

– Học sinh khuyết tật học tập không phải sử dụng quá nhiều kỹ năng học đường (vốn là điểm yếu của học sinh) khi tham gia học tập hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Điều này xuất phát từ thực tế hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp được xây dựng và triển khai theo hướng tạo cơ hội cho học sinh được tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Do đó, học sinh khuyết tật học tập có xu hướng sẽ hoà nhập và đáp ứng tích cực với hoạt động này hơn các môn học khác.

b. Khó khăn

– Do có những khó khăn rõ rệt về học tập so với bạn đồng trang lứa, học

sinh khuyết tật học tập độ tuổi vị thành niên (trung học cơ sở) dễ gặp nhiều vấn đề về hành vi, cảm xúc và tâm lý như đánh giá thấp bản thân, nghi ngờ về khả năng của bản thân và tách mình khỏi nhóm lớp. Những vấn đề này có thể khiến một số học sinh khuyết tật học tập không sẵn sàng tiếp nhận và ứng dụng những kiến thức, kỹ năng trong hoạt động này vào cuộc sống của bản thân.

2.2.4.3. Hướng dẫn thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật học tập

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

– Sử dụng biện pháp “liên hệ bản thân”: Là cách thức giúp học sinh khuyết tật học tập đưa mình vào vào những hoạt động, tình huống, hoàn cảnh, bối cảnh khác nhau; từ đó tìm được cách thức ứng xử hoặc xử lý phù hợp.

– Sử dụng biện pháp “gương soi”: Là cách thức giúp học sinh khuyết tật học tập soi mình vào những hoạt động, tình huống, hoàn cảnh, bối cảnh khác nhau; từ đó nhận thức, đánh giá được vấn đề hiệu quả hơn; có xu hướng điều chỉnh bản thân sao cho phù hợp với kỳ vọng xã hội.

– Đưa ra các ví dụ minh họa thực tế là một hướng tiếp cận phù hợp với những học sinh khuyết tật học tập.

– Áp dụng phương pháp phân tích bản thân để giúp học sinh nhìn nhận đúng đắn về khả năng, điểm mạnh cũng như những khó khăn của bản thân.

b. Minh họa điều chỉnh một số nội dung trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh

Bảng 2.16. Minh họa điều chỉnh một số nội dung trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh khuyết tật học tập

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN		
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. – Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình.	– Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. – Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân;

		tự tin với sở thích, khả năng của mình.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. – Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. – Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể. – Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.	– Như học sinh trung học cơ sở nhưng trọng tâm vào hai mục tiêu: + Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. + Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI		
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể. – Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện công việc trong gia đình. – Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.	– Như học sinh trung học cơ sở
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò. – Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. – Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.	– Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò. Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè đơn giản. – Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường.

Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. – Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng. – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. – Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương.	– Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. – Thể hiện được hành vi văn hóa nơi công cộng.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN		
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên. – Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	– Như học sinh trung học cơ sở
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người. – Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. – Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.	– Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP		
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	– Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. – Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. – Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống. – Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống. – Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.	– Như học sinh trung học cơ sở nhưng trọng tâm vào mục tiêu: + Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống.

2.2.4.4. Tổ chức dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật học tập

– Phương thức Khám phá: Là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp học sinh khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, bồi dưỡng những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Nhóm phương thức tổ chức này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác.

– Phương thức Thể nghiệm, tương tác: Là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác.

– Phương thức Cống hiến: Là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác.

– Bên cạnh đó: Tổ chức theo nhóm đa trình độ hoặc nhóm nhỏ, trong đó tạo cơ hội để học sinh khuyết tật học tập được phát huy điểm mạnh của bản

thân (văn nghệ, thể chất, thuyết trình...).

2.2.4.5. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp với học sinh học sinh khuyết tật học tập

- Đánh giá mức độ tham gia và đóng góp của học sinh khuyết tật học tập với các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức;
- Đánh giá năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.
- Đánh giá hiệu quả của sự chuyển biến hành vi, cảm xúc, tâm lý của học sinh sau khi tham gia các chủ đề thuộc hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

2.2.5. Môn Lịch sử – Địa lí

2.2.5.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu cần đạt:

Bảng 2.17. Mục tiêu môn Lịch sử – Địa lí

Mục tiêu môn Lịch sử - Địa lí	Học sinh khuyết tật học tập
Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở hình thành, phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp học sinh biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền	– Không điều chỉnh mục tiêu với những học sinh khuyết tật học tập dạng khó khăn về tính toán đơn lẻ (trừ các nội dung liên quan đến tính toán tỷ lệ); – Điều chỉnh mục tiêu với những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp. Trong đó, điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng, ứng dụng năng lực ngôn ngữ (đọc và viết). Đảm

Mục tiêu môn Lịch sử - Địa lí	Học sinh khuyết tật học tập
thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở học sinh ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế. Năng lực chung Góp phần hình thành và phát triển năng lực lịch sử và năng lực địa lí, đối với học sinh, đây là ưu thế trong việc hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội cho học sinh.	bảo học sinh khuyết tật học tập dễ dàng tiếp cận và tiếp nhận kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong môn Lịch sử - Địa lí.
Các năng lực chuyên môn về lịch sử a) Năng lực nhận diện và hiểu tư liệu lịch sử: Năng lực này giúp học sinh có thể bước đầu nhận biết tư liệu lịch sử, hiểu được các văn bản chữ viết, hiện vật lịch sử, tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ... Năng lực nhận diện và hiểu văn bản lịch sử có ý nghĩa nền tảng trong việc xây dựng và phát triển các năng lực chuyên môn lịch sử đối với học sinh. b) Năng lực tái hiện và trình bày lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh có thể bước đầu trình bày lại được các sự kiện lịch sử cơ bản; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể; trình bày được sự phát triển của các sự kiện, hiện tượng lịch sử theo thời gian. c) Năng lực giải thích lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh giải thích được nguyên nhân, sự vận động của các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử; bước đầu giải thích được mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử. d) Năng lực đánh giá lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh bước đầu đưa ra những ý kiến nhận xét của mình về các sự kiện, nhân vật lịch	– Không điều chỉnh đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ; – Tái hiện và trình bày lịch sử thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (lời nói, mô hình, hình vẽ, bản tóm tắt; hoặc kết hợp các hình thức trình bày đã nêu); – Nêu được hoặc viết được thông tin cơ bản, tóm lược về nguyên nhân, sự vận động của

Mục tiêu môn Lịch sử - Địa lí	Học sinh khuyết tật học tập
sử; bước đầu hiểu được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. e) Năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh bước đầu có thể liên hệ những nội dung lịch sử đã học với thực tế cuộc sống.	các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử. – Dựa trên nội dung kiến thức được cung cấp, học sinh khuyết tật học tập có thể trả lời các câu hỏi cơ bản: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?...
<i>Các năng lực chuyên môn địa lí</i> a) Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Năng lực này giúp học sinh phát triển tư duy không gian, hình thành ở học sinh cách tiếp cận các sự vật và hiện tượng địa lí diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian, trả lời các câu hỏi cơ bản: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?... b) Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội): Năng lực này thể hiện ở việc học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên, giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế – xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế – xã hội. c) Năng lực sử dụng các công cụ của địa lí học và khảo sát thực địa: Năng lực này được hình thành trên cơ sở học sinh có các kỹ năng làm việc với atlas địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh, những trải nghiệm thực địa mà học sinh được tham gia.	– Trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung cơ bản của bài học địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội) bằng đa dạng các hình thức khác nhau: Viết, lựa chọn, gạch chân.... – Đối với những học sinh khuyết tật học tập gặp vấn đề về định hướng không gian, tư duy không gian do ảnh hưởng của khả năng tri giác hình ảnh yếu: Học sinh có thể thực hiện được các mục tiêu này khi có hỗ trợ của kênh chữ hoặc hướng dẫn trực tiếp từ bạn bè và giáo viên trong quá trình học.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù:

+ Đối với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung:

– Học sinh khuyết tật học tập có yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung như học sinh phổ thông, được quy định tại mục IX của Chương trình giáo dục tổng thể.

+ Đối với yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở:

Bảng 2.18. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật học tập
NĂNG LỰC LỊCH SỬ 1. Năng lực tìm hiểu lịch sử	– Bước đầu nhận diện và phân biệt được: Các loại hình tư liệu lịch sử, các dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. – Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong các bài học lịch sử.	– Không điều chỉnh mục tiêu với những học sinh khuyết tật học tập dạng khó khăn về tính toán đơn lẻ; – Điều chỉnh mục tiêu với những học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Được lắng nghe hoặc được cung cấp văn bản tóm lược liên quan đến Lịch sử và Địa lí.
2. Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử	– Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận	– Không điều chỉnh đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán dạng đơn lẻ;

	đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử. – Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử. – Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử. – Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: + Đọc và hiểu được văn bản Lịch sử và Địa lí khi có sự hỗ trợ hoặc điều chỉnh phù hợp (thời gian, hình thức thể hiện văn bản, độ dài văn bản...); + Trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung cơ bản của văn bản Lịch sử và Địa lí bằng đa dạng các hình thức khác nhau: Viết, lựa chọn, gạch chân...; + Đưa ra một số nhận định cơ bản, đơn giản về sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.
3. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng lịch sử đã học	– Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn	– Đưa ra một số nhận định cơ bản, đơn giản về sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải thích một số vấn đề thực tiễn

	đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.	
NĂNG LỰC ĐỊA LÝ 1. Nhận thức Khoa học địa lí	Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội) <i>* Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên:</i> – Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. – Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. – Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. <i>* Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội:</i> – Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Giảm nhẹ yêu cầu về đọc và phân tích nội dung bài đọc; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết hoặc có khó khăn dạng hỗn hợp: Cho phép gạch chân vào ý chính trong bài đọc liên quan đến địa lí, ghi âm bài đọc hoặc cung cấp cho học sinh văn bản bài đọc với nội dung cơ bản, cốt lõi; giảm lược các yêu cầu về phân tích.

	được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. – Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. – Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội. – Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. – Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất. – Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. – Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên. Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.	– Giảm lược các yêu cầu về phân tích, đánh giá; – Cho phép học sinh khuyết tật học tập trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung cơ bản của bài địa lí bằng đa dạng các hình thức khác nhau: Viết, lựa chọn, gạch chân....
--	--	--

2. Năng lực tìm hiểu địa lí	<i>Sử dụng các công cụ của địa lí học</i> – Khai thác tài liệu văn bản: Tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: Nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỷ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỷ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: Kể được tên được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: Biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản. <i>Tổ chức học tập ở thực địa</i>	– Học sinh có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi được giao nhiệm vụ một cách cụ thể, được giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: Tỷ lệ bản đồ, dân cư, lát cắt địa hình...), được hướng dẫn mẫu (bằng lời và thao tác mẫu), được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).
------------------------------------	---	--

	Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa. <i>Khai thác Internet phục vụ môn học</i> Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được giáo viên giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kỹ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.	
3. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i> Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí. <i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn</i> Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có khả năng	– Học sinh khuyết tật học tập cần được mở rộng cơ hội thực hành với các tình huống hoặc thí nghiệm thực tế liên quan đến kiến thức và kỹ năng đã học. – Cho phép học sinh được sử dụng hình ảnh mô phỏng khi trình bày; – Cho phép học sinh được nộp báo cáo viết tay thay vì trình bày

	trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.	bằng lời nếu học sinh gặp khó khăn trong việc sắp xếp và trình bày ý tưởng.
--	---	---

2.2.5.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật học tập khi tham gia học tập môn Lịch sử và Địa lí

a. Thuận lợi

– Chương trình có tính mở, cho phép thực hiện mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương, đối tượng học sinh (học sinh vùng khó khăn, học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt...). Do đó, học sinh khuyết tật học tập có thể tiếp cận với một số nội dung chương trình dễ dàng nhờ vào kiến thức nền tảng đã có liên quan đến lịch sử và địa lí tại địa phương.

– Chương trình chú trọng vận dụng các phương pháp giáo dục tích cực, nhấn mạnh việc sử dụng các phương tiện dạy học, đa dạng hoá hình thức dạy học và đánh giá kết quả giáo dục. Nhờ đó, học sinh khuyết tật học tập có thêm cơ hội được tiếp cận kiến thức về lịch sử và địa lí một cách tích cực hơn (tham gia và được thao tác; thay vì chỉ lắng nghe và ghi chép);

– Những học sinh khuyết tật học tập dạng khó khăn về tính toán đơn lẻ có khả năng tham gia được hầu hết các nội dung học tập của môn học này.

b. Khó khăn

+ Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết:

– Khó khăn trong việc xử lý văn bản đọc cung cấp kiến thức về lịch sử và địa lí, bao gồm cả việc đọc, lắng nghe và ghi chép lại;

– Do có nhiều khó khăn trong thao tác đọc và ghi chép văn bản lịch sử, địa lí, học sinh khuyết tật học tập sẽ gặp khó khăn để nêu lại hoặc trả lời được các câu hỏi trong văn bản đã học;

– Nội dung môn lịch sử, địa lí chứa đựng nhiều khái niệm, thuật ngữ mới; gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận kiến thức trọn vẹn của học sinh khuyết tật học tập;

+ Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tính toán:

– Do khả năng tri giác không gian, tính toán và chuyển đổi số liệu hạn chế, học sinh dạng này sẽ gặp nhiều khó khăn khi tham gia học tập các nội

dung liên quan đến việc sử dụng bản đồ để xác định vị trí; đo đạc, thu thập, tổng hợp và tính toán số liệu.

+ Đối với học sinh khuyết tật học tập chung:

– Các yêu cầu liên quan đến lĩnh hội và trình bày lại kiến thức sau khi tìm hiểu bài đọc về lịch sử và địa lí là thách thức lớn đối với học sinh khuyết tật học tập, đặc biệt là những học sinh có khó khăn về sắp xếp và trình bày ý tưởng;

2.2.5.3. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Lịch sử và Địa lí cho học sinh khuyết tật học tập

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

– Sử dụng các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù như ở môn Ngữ Văn khi cần học sinh khuyết tật học tập tham gia xử lý văn bản đọc liên quan đến lịch sử và địa lí (đọc và viết);

– Hình ảnh hoá thông tin: Chuyển thể những thông tin dạng chữ sang dạng hình ảnh nhằm giúp học sinh khuyết tật học tập tiếp nhận thông tin dễ dàng hơn.

– Phân tách nội dung cốt lõi: Lược bỏ các nội dung không cần thiết và để lại các nội dung quan trọng nhằm giúp những học sinh khuyết tật học tập có thể nắm bắt được thông tin cơ bản và cốt lõi của bài học mà không phải đọc quá nhiều;

– Cho phép học sinh được trình bày kiến thức được tìm hiểu bằng đa dạng các hình thức trình bày khác nhau thay vì chỉ sử dụng lời nói: Hình vẽ, bảng, biểu đồ, bài trình chiếu, bài tóm tắt kiến thức.

– Trong một bài học sẽ phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến để cao vai trò chủ thể học tập của học sinh (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án...).

– Chương trình chú trọng việc đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, lựa chọn và phối hợp có hiệu quả giữa các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học Lịch sử – Địa lí. Chú trọng sử dụng hợp lý và có hiệu quả các phương tiện dạy học.

– Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh thông qua thảo luận, đóng vai, dự án ... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học sinh đối với thiên

nhân và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng tri thức địa lí vào thực tiễn.

b. Minh hoạ điều chỉnh nội dung chương trình môn Lịch sử – Địa lí học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Bảng 2.19. Minh hoạ điều chỉnh nội dung chương trình môn Lịch sử – Địa lí học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
ĐỊA LÝ		
Tại sao cần học địa lí? - Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu - Những điều lý thú khi học môn Địa lí - Địa lí và cuộc sống	- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt. - Hiểu được ý nghĩa và sự lý thú của việc học môn Địa lí. - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.	Tương tự như học sinh trung học cơ sở
Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt Trái đất - Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ	- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: Kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. - Biết đọc các ký hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. - Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỷ lệ bản đồ. - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Biết tìm đường đi trên bản đồ.	- Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về tri giác không gian: Bổ sung kênh chữ (ghi chú) hoặc mã hoá màu sắc để giúp học sinh xác định phương hướng, tọa độ chính xác; - Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết: Bổ sung thêm giải nghĩa các từ khó liên quan đến nội

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	– Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.	dung bài học (ví dụ: Tỷ lệ bản đồ, lưới kinh vĩ tuyến, toạ độ).
Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời – Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời – Hình dạng, kích thước Trái Đất – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	– Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. – Mô tả được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời). – Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn. – Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau và mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. – Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.	– Học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi được giao nhiệm vụ một cách cụ thể, được giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: Trục, hệ mặt trời), được hướng dẫn mẫu (bằng lời và thao tác mẫu), được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).
Cấu tạo của Trái Đất; vỏ Trái Đất – Cấu tạo của Trái Đất – Các mảng kiến tạo	– Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. – Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đối tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. – Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này.	– Cho phép học sinh được trình bày kết quả bằng đa dạng các hình thức trình bày khác nhau thay vì chỉ sử dụng lời nói;

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
– Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này – Quá trình nội sinh và ngoại sinh – Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính – Khoáng sản	– Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. – Biết đọc lược đồ địa hình tỷ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. – Kể được tên một số loại khoáng sản.	– Hỗ trợ học sinh khuyết tật học tập tìm kiếm thông tin hoặc cung cấp thông tin để học sinh tự tìm hiểu;
Nước trên Trái Đất – Các thành phần chủ yếu của thủy quyển – Vòng tuần hoàn nước – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ – Biển và đại dương. – Một số đặc điểm của môi trường biển	– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. – Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển. – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.	– Độ dài của văn bản liên quan đến nội dung này được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập; – Học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi được giao nhiệm vụ một cách cụ thể, được giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: Trục,

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	– Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.	hệ mặt trời), được hướng dẫn mẫu (bằng lời và thao tác mẫu), được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).
Con người và thiên nhiên – Dân số thế giới – Sự phân bố dân cư thế giới – Con người và thiên nhiên – Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. – Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. – Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. – Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất. – Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.	– Mở rộng cơ hội thực hành cho học sinh khuyết tật học tập thông qua việc cung cấp nhiều bản đồ hoặc nhiều yêu cầu có độ khó tương tự liên quan đến phân bố dân cư trên thế giới; – Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết: Độ dài của văn bản liên quan đến nội dung này được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng học sinh khuyết tật học tập.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
LỊCH SỬ		
Tại sao cần học Lịch sử? – Lịch sử là gì? – Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? – Thời gian trong lịch sử	– Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. – Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. – Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. – Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết...) – Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: Thập kỷ, thế kỷ, thiên niên kỷ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch...	– Đối với học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc, viết: Bổ sung thêm giải nghĩa các từ khó liên quan đến nội dung bài học, cụ thể: Thập kỷ, thế kỷ, thiên niên kỷ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch...
Thời nguyên thủy – Nguồn gốc loài người – Xã hội nguyên thủy – Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp – Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy	– Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất. – Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á. – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. – Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. – Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, xã hội...).	– Học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi: – Được giảm lược độ dài bài đọc; – Được giải nghĩa từ khó; – Được cung cấp bản tóm tắt kiến thức cốt lõi cho mỗi bài đọc;

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
	– Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. – Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. – Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. – Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. – Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. – Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. – Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. – Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. – Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun).	– Được nghe hướng dẫn, giải thích; – Được giảm nhẹ các yêu cầu liên quan đến giải thích, phân tích. – Được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
Việt Nam từ khoảng thế kỷ VII trước Công nguyên đến đầu thế kỷ X – Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc + Nhà nước Văn Lang + Nhà nước Âu Lạc – Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỷ II trước Công nguyên đến năm 938 – Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc + Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc – Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỷ X	– Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. – Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. – Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. – Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. – Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. – Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. – Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. – Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa. – Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa. – Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. – Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.	– Học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia và thực hiện được các mục tiêu ở nội dung này khi: – Được giảm lược độ dài bài đọc; – Được giải nghĩa từ khó; – Được cung cấp bản tóm tắt kiến thức cốt lõi cho mỗi bài đọc; – Được nghe hướng dẫn, giải thích; – Được giảm nhẹ các yêu cầu liên quan đến giải thích, phân tích. – Được cho phép trình bày kết quả thông qua đa dạng các hình thức trình bày khác nhau (dựa trên điểm mạnh của học sinh).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật học tập
– Vương quốc Champa – Vương quốc Phù Nam	– Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. – Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.	

2.2.5.4. Tổ chức dạy môn Lịch sử – Địa lí cho học sinh khuyết tật học tập

– Dạy học cho cả lớp: Để tổ chức cho học sinh khuyết tật học tập tham gia vào các hoạt động học chung tại lớp học trong môn Lịch sử – Địa lí, giáo viên cần hướng dẫn hoặc cung cấp hoặc bổ sung các tài liệu hỗ trợ nhằm giúp học sinh khuyết tật học tập có thể tham gia học tập. Cụ thể: Giao trước nhiệm vụ đọc văn bản Lịch sử – Địa lí cho học sinh; cung cấp bài đọc được rút gọn chỉ còn ý chính; cho phép học sinh được gạch chân vào ý chính trong sách giáo khoa.

– Tổ chức hoạt động theo nhóm: Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm; giao nhiệm vụ cụ thể và phù hợp cho học sinh khuyết tật học tập; tránh giao những nhiệm vụ khó khăn cho học sinh khuyết tật học tập như đọc văn bản dài, tóm lược ý chính; sắp xếp để có học sinh trong nhóm có thể hỗ trợ thêm cho học sinh khuyết tật học tập trong quá trình tham gia hoạt động;

– Hỗ trợ cá nhân: Đưa ra những hỗ trợ cá nhân tùy theo đặc điểm khó khăn và nội dung học tập đặc thù của môn Lịch sử – Địa lí.

2.2.5.5. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Lịch sử và Địa lí với học sinh khuyết tật học tập

+ Về nội dung đánh giá:

– Đánh giá dựa trên mục tiêu đã được xác lập cho học sinh khuyết tật học tập. Cụ thể:

+ Đánh giá năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên;

+ Đánh giá khả năng sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn;

+ Đánh giá một số phẩm chủ yếu và năng lực chung;

+ Đánh giá khả năng vận dụng những điều đã học vào thực tế.

– Trong đó, kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử và Địa lí không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, địa lí làm trung tâm của việc đánh giá, mà chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng.

– Chương trình coi trọng việc đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lịch sử, địa lí của người học để giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn, kết nối với hiện tại, tạo cơ hội ban đầu phát triển năng lực tự chủ, sáng tạo của học sinh cấp trung học cơ sở.

– Trong quá trình tiến hành học tập các chủ đề, giáo viên nên có sổ để ghi chép sự biến đổi có thể nhận ra được về hiểu biết, thái độ, năng lực, nhận thức của từng học sinh. Những câu hỏi được đặt ra nhằm để học sinh suy nghĩ về sự kiện cụ thể của đời sống hằng ngày là một trong những phương pháp rất hữu ích cho việc đánh giá khả năng phát triển năng lực chuyên môn lịch sử và địa lí học sinh.

+ Về hình thức đánh giá:

– Kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá khác nhau nhằm đảm bảo thu được thông tin chính xác về khả năng của học sinh khuyết tật học tập: Đánh giá thông qua quan sát tự nhiên, đánh giá chính thức thông qua bài kiểm tra; đánh giá sản phẩm; đánh giá thái độ.

+ Điều chỉnh trong đánh giá:

– Sử dụng các hình thức đánh giá thay thế: Cho phép học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về viết được sử dụng máy tính để ghi lại kết quả hoặc trình bày bằng lời nói thay vì phải viết bài/ nộp bài viết hoặc cho phép học sinh khuyết tật học tập có khó khăn về đọc được nghe thêm giải thích về yêu cầu đề bài kiểm tra trước khi làm bài;

– Cho học sinh khuyết tật học tập thêm thời gian thực hiện bài kiểm tra viết hoặc trình bày kết quả bằng lời;

– Đánh giá sự tiến bộ của học sinh khuyết tật học tập so với chính bản thân học sinh ở từng giai đoạn khác nhau.

CHƯƠNG 3. HỖ TRỢ HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. MỘT SỐ CHIẾN LƯỢC HỖ TRỢ CHUNG

3.1.1. Hình ảnh hoá thông tin



Đây là quá trình chuyển những ý tưởng thành hình ảnh; nói cách khác, đó là việc sưu tầm hoặc tự tạo ra các tranh ảnh có thể thể hiện trọn vẹn nhất các thông tin trong bài học.

Thông thường, một hoạt động bao gồm các thông tin về chủ thể thực hiện hoạt động, đối tượng của hoạt động và các thông tin khác có thể là địa điểm và thời gian thực hiện hoạt động và cách thức thực hiện hoạt động...

Để hình ảnh hóa thông tin, một số cách thức đơn giản và dễ thực hiện như sau:

– Sử dụng máy ảnh kỹ thuật số: Chụp các hoạt động, nhân vật, bối cảnh phù hợp với nội dung bài học. Ưu điểm của việc sử dụng máy ảnh kỹ thuật số là sự chủ động và tính tiện lợi (có thể xem lại hình ảnh vừa chụp, có thể sắp xếp nội dung theo chủ ý, có thể chụp nhiều lần đến khi có những bức ảnh ưng ý...); mặt khác hình ảnh chân thực, gần gũi với chính học sinh nên học sinh dễ liên tưởng, dễ ghi nhớ và dễ gợi nhớ..., màu sắc sống động kích thích sự chú ý và hứng thú của học sinh.

– Tự vẽ: Sử dụng khả năng vẽ của mình để vẽ tranh, tô màu hoặc vẽ các biểu tượng. Ưu điểm là tính chủ động và đỡ tốn kém nhưng không phải ai cũng có khả năng vẽ, hình vẽ có thể khó hiểu đối với học sinh và mất thời gian.

– Mua tranh ảnh tại các cửa hàng sách báo, đồ dùng dạy học: Hiện nay tại các cửa hàng sách báo, đồ dùng dạy học cũng đã xuất hiện các bộ tranh ảnh theo các chủ đề, tuy nhiên bộ tranh ảnh sử dụng được để dạy kỹ năng tự phục vụ không nhiều. Vì vậy, người dạy cần lưu ý lựa chọn bộ tranh phù hợp với nội dung học tập cho học sinh của mình.

– Tham khảo từ các tài liệu: Sách báo, mạng điện tử (đặc biệt là các mạng điện tử nước ngoài).

– Tìm kiếm sự trợ giúp từ những người có kinh nghiệm: Những người có kinh nghiệm có thể là các chuyên gia, giáo viên hoặc những cha mẹ đã từng xây dựng và sử dụng tranh ảnh để dạy học cho học sinh khuyết tật học tập. Họ có thể cung cấp thông tin về các nguồn tranh ảnh hoặc chia sẻ kinh nghiệm về việc xây dựng và sử dụng tranh ảnh trong quá trình dạy học cho học sinh.

Trong quá trình hình ảnh hóa thông tin, giáo viên cần lưu ý đảm bảo một số tiêu chí của hình ảnh như sau:

- Đồ vật, hành động trong ảnh phải rõ ràng trên một nền trung tính.
- Các chi tiết trong hình ảnh không quá rườm rà, chồng chéo lên nhau.
- Các phối hợp màu được lựa chọn cẩn thận, không kết hợp màu đỏ với xanh lá cây hoặc các loại màu phức tạp.
- Đảm bảo học sinh hiểu rõ nội dung của tranh ảnh. Nếu sử dụng tranh ảnh mà học sinh không hiểu ý nghĩa, nội dung thì học sinh sẽ không có sự liên hệ giữa hình ảnh với vật thật hoặc hành động thực.
- Cách thức hình ảnh hoá thông tin.

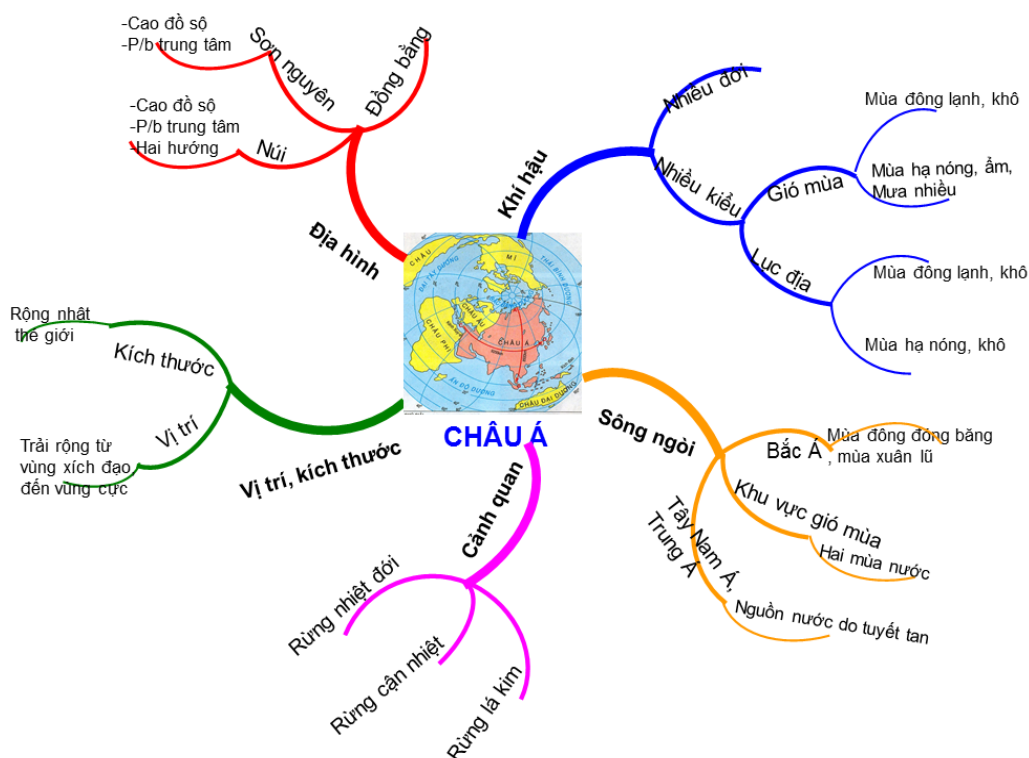
3.1.2. Sơ đồ tư duy

– Sơ đồ tư duy hay bản đồ tư duy (Mind Map) là hình thức ghi chép sử dụng màu sắc, hình ảnh nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, tóm tắt những ý chính của một nội dung, hệ thống hoá một chủ đề. Nó là một công cụ tổ chức tư duy được tác giả Tony Buzan (Anh) nghiên cứu kỹ lưỡng và phổ biến rộng khắp thế giới.

– Ví dụ như giáo viên muốn lập sơ đồ tư duy cho một tuần làm việc, hãy vẽ chủ đề trung tâm tuần sau vào giữa trang giấy trắng. Từ chủ đề giáo viên vẽ 7 nhánh lớn là thứ 2, thứ 3... cho đến chủ nhật, mỗi nhánh một màu. Rồi từ mỗi thứ, giáo viên lại vẽ các nhánh nhỏ là các công việc giáo viên định làm trong thứ đó, mỗi công việc lại triển khai ra các ý chi tiết hơn như giáo viên định làm việc đó với ai (Who), ở đâu (Where), bao giờ (When), bằng cách nào (How)...

[illegible]

143



Hình 3.2. Minh họa cho sơ đồ tư duy về địa lí

Những lưu ý khi sử dụng Sơ đồ tư duy

- Màu sắc cũng có tác dụng kích thích não như hình ảnh. Tuy nhiên giáo viên chỉ nên dùng một vài màu cơ bản để tránh gây rối nhiễu thông tin;
- Giáo viên nên vẽ nhiều nhánh cong hơn là đường thẳng để tạo sự mềm mại, cuốn hút;
- Giáo viên nên sử dụng từ khóa ngắn gọn, đơn giản, nhưng có khả năng khái quát được mạch kiến thức cần diễn đạt;
- Giáo viên chỉ nên viết một, hai từ khóa ở mỗi nhánh chính;
- Giáo viên nên thường xuyên sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức đã học cho học sinh.

3.1.3. Phân tách kiến thức cốt lõi

– Là kỹ thuật bóc tách nội dung cơ bản, cốt lõi của bài đọc thông qua việc giản lược, điều chỉnh nội dung bài học; bổ sung hình ảnh minh họa cho bài học (nếu cần thiết). Nhờ đó, học sinh khuyết tật học tập có thể hiểu nội dung và ý nghĩa của bài học dễ dàng hơn.

– Cách thức thực hiện:

Bước 1: Điều chỉnh nội dung bài học

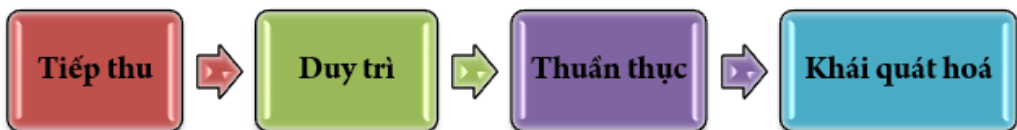
- **Mục đích:** Tìm ra và giữ lại những nội dung chính, cốt lõi của câu chuyện. Loại bỏ những chi tiết phụ, khó hiểu trong bài học.
- **Cách thực hiện:**
 - 1) Đọc toàn bộ bài học;
 - 2) Gạch ra những chi tiết chính của bài học;
 - 3) Lược bỏ những chi tiết phụ;
 - 4) Rút gọn những câu văn quá dài;
 - 5) Thay thế những từ khó hiểu bằng những từ dễ hiểu, thông dụng;
 - 6) Tách nội dung trong bài học ra thành từng phần (từng câu) nhỏ.

Bước 2: Hình ảnh hóa nội dung bài học

- **Mục đích:** Sử dụng hình ảnh nhằm minh họa rõ hơn nội dung bài học.
- **Cách thực hiện:**
 - Dựa trên nội dung từng phần của bài học, tiến hành sưu tầm hoặc tự tạo ra các tranh/ ảnh nhằm thể hiện trọn vẹn nhất các thông tin trong mỗi phần đó. Dưới đây là một số cách hình ảnh hóa nội dung bài học:
 - + Sử dụng máy ảnh kỹ thuật số: chụp các hoạt động, hành động phù hợp với nội dung bài học.
 - + Tự vẽ: Sử dụng khả năng vẽ để vẽ tranh, tô màu hoặc vẽ các biểu tượng. Ưu điểm là tính chủ động và đỡ tốn kém.
 - + Mua tranh ảnh tại các cửa hàng sách báo, đồ dùng dạy học.
 - + Tham khảo từ các tài liệu: Sách báo, mạng điện tử.

3.1.4. Mở rộng cơ hội thực hành tương tự

– Con đường hình thành một khái niệm kiến thức/ kỹ năng nào (bao gồm kiến thức và kỹ năng liên quan đến đọc, viết, tính toán) đều trải qua bốn giai đoạn: 1) *Tiếp thu*; 2) *Duy trì*; 3) *Thuần Thục* và 4) *Khái quát hoá*.



– Trong đó, điểm khác biệt cơ bản giữa học sinh không khuyết tật và học sinh khuyết tật học tập trong việc chiếm lĩnh một khái niệm kiến thức/ kỹ năng nào đó tốc độ chuyển tiếp giữa các giai đoạn, trong đó giai đoạn “đuy trì” hay còn gọi là giai đoạn “thực hành, luyện tập” cần được triển khai nhiều hơn, đa dạng hơn, phong phú hơn và trong thời gian dài hơn. Do đó, khi học sinh khuyết tật học tập tham gia vào chương trình giáo dục phổ thông mới, xây dựng các bài tập bổ trợ theo mạch nội dung cốt lõi trong chương các môn học là cần thiết, nhằm giúp học sinh có thêm cơ hội được thực hành một cách khoa học và hợp lý; nhờ đó trang bị kiến thức, kỹ năng “công cụ”; giúp nâng cao chất lượng tham gia giáo dục hoà nhập của những học sinh này.

- Mở rộng cơ hội thực hành nên được triển khai thông qua hai cách thức:
 - + Xây dựng thêm bài tập có dạng bài và độ khó tương đương nhau;
 - + Đa dạng hoá hình thức thực hành.



Bảng 3.1. Minh họa hoạt động mở rộng cơ hội thực hành – Môn Ngữ Văn lớp 6

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
1	Thánh Gióng	1. Đọc được văn bản "Thánh Gióng" với tốc độ đọc... độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	1. Văn bản đọc 2. Câu hỏi tìm hiểu bài: Câu 1: Giữ nguyên dưới dạng câu hỏi tự luận. Câu 2,3: Giữ lại câu hỏi, ý trả lời dưới dạng câu trắc nghiệm.	Câu 4 / Tìm hiểu bài.	1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu chuyện theo lối văn tự sự.
2	Sơn Tinh, Thủy Tinh	1. Đọc được văn bản "Sơn Tinh, Thủy Tinh" với tốc độ đọc..., độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu	1. Văn bản đọc 2. Câu hỏi tìm hiểu bài: Câu 1,2: Ý 1 giữ nguyên dưới dạng		1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
		hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	câu hỏi tự luận. Các ý còn lại thực hiện dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm. Câu 3: Trả lời dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm.		chuyện theo lối văn tự sự.
3	Từ và cấu tạo từ Tiếng Việt	1. Học sinh nêu được khái niệm "từ". 2. Học sinh phân biệt được sự khác nhau giữa từ đơn/ từ phức theo khái niệm. 3. Học sinh sắp xếp được các từ cho trước vào cột từ đơn/ từ phức tương ứng.	Bài 1 Phần 1 Bài 1 Phần 2	Bài tập phần luyện tập	Sắp xếp các từ cho trước theo cấu tạo từ (từ đơn, từ phức) Tìm từ đơn, từ phức theo chủ đề.

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
4	Nghĩa của từ	1. Học sinh nhắc lại được khái niệm nghĩa của từ 2. Biết cách tìm hiểu nghĩa của từ và tìm được một số nghĩa của từ đơn giản cho trước.	Giữ nguyên nội dung bài học trong sách giáo khoa.		
5	Tìm hiểu chung về văn tự sự	1. Nói được khái niệm văn bản tự sự và vai trò của nó trong giao tiếp. 2. Nhận diện được văn bản tự sự trong các văn bản tự sự.	Bài 1,2 Phần I	Phần Luyện tập lược bỏ.	
6	Sự việc và nhân vật trong văn tự sự	1. Học sinh chỉ ra được sự việc, nhân vật trong một văn bản tự sự. 2. Học sinh xác định được sự việc, nhân vật trong một văn bản tự sự.	Giữ nguyên nội dung bài học trong sách giáo khoa.		
7	Thạch Sanh	1. Đọc được văn bản "Thạch Sanh" với tốc độ đọc... độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu	1. Văn bản đọc 2. Câu 1,2,5 sách giáo khoa: Thực hiện dưới	Câu 4 SGK phần tìm hiểu bài.	1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
		hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	dạng câu hỏi trắc nghiệm. 3. Câu 3: Thực hiện dưới dạng câu hỏi tự luận.		câu chuyện theo lối văn tự sự.
8	Em bé thông minh	1. Đọc được văn bản "Em bé thông minh" với tốc độ đọc... độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	1. Văn bản đọc. 2. Câu 1,4: Thực hiện dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm. 3. Câu 2, 3: Thực hiện dưới dạng câu hỏi tự luận.		1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu chuyện theo lối văn tự sự.
9	Danh từ	1. Học sinh nêu được khái niệm và đặc điểm của danh từ.	1. Giữ nguyên các bài tập phần I, II, III.	Bỏ bài 4 phần I, bài 3 phần II	Liệt kê các danh từ và phân loại chúng

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
		2. Học sinh nêu và chỉ ra được chức vụ của danh từ trong câu. 3. Học sinh liệt kê và phân loại được các danh từ trong văn bản cho trước.	2. Các bài tập trong phần Danh từ (tiếp theo).		trong đoạn văn cho trước.
10	Động từ	1. Học sinh nêu được khái niệm động từ và chỉ ra các loại động từ. 2. Học sinh chỉ ra được các động từ trong câu. 3. Học sinh sử dụng được động từ để đặt câu.	1. Giữ nguyên bài tập 1,2 phần I/ 143. 2. Giữ nguyên BT 1 phần II trang 146.	Bỏ bài tập phần luyện tập.	Tìm và liệt kê các động từ trong 1 đoạn văn bản đã học trước đó.
11	Tính từ	1. Học sinh nêu được khái niệm của tính từ và các loại tính từ cơ bản. 2. Học sinh chỉ ra được một số tính từ trong câu. 3. Học sinh sử dụng được tính từ để đặt câu.	1. Giữ nguyên bài tập phần I/ 152. 2. Phần 2: Giữ nguyên BT 1.	BT 2 phần II / 154 BT phần III.	Tìm và liệt kê các tính từ trong 1 đoạn văn bản đã học trước đó.

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
12	Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự	1. Học sinh nêu được chủ đề trong văn bản tự sự là gì. 2. Học sinh nhắc lại được dàn ý cơ bản của bài văn tự sự.		Bài văn phần I/ 45	1. Hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu văn bản, tìm hiểu chủ đề và đưa ra bố cục trong văn bản. 2. Tóm lược nội dung và khái quát dàn bài chung của bài văn tự sự.
13	Tìm hiểu đề, cách làm bài văn tự sự	1. Học sinh nêu được những yêu cầu khi tìm hiểu đề văn tự sự. 2. Học sinh nêu được cách làm bài văn tự sự. 3. Học sinh tự lập được dàn ý cho một đề văn tự sự cho trước.	Giữ nguyên nội dung bài học trong sách giáo khoa.		

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
14	Ếch ngồi đáy giếng	1. Đọc được văn bản "Ếch ngồi đáy giếng" với tốc độ đọc... độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	1. Văn bản đọc 2. Giữ nguyên nội dung câu hỏi tìm hiểu bài trong sách giáo khoa.		1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu chuyện theo lối văn tự sự
15	Thầy bói xem voi	1. Đọc được văn bản "Thầy bói xem voi" với tốc độ đọc... độ chính xác 95% 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90% 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%	Giữ nguyên nội dung bài học trong sách giáo khoa		1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu chuyện theo lối văn tự sự

STT	Tên bài học	Mục tiêu cần đạt	Nội dung trong SGK được giữ lại	Nội dung điều chỉnh/ lược bỏ	Nội dung mở rộng
16	Con hổ có nghĩa	1. Đọc được văn bản "Con hổ có nghĩa" với tốc độ đọc... độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	Câu 1,4: Trả lời dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm. Câu 3: Trả lời dưới dạng câu hỏi tự luận.	Câu 2	1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu chuyện theo lối văn tự sự.
17	Mẹ hiền dạy con	1. Đọc được văn bản "Mẹ hiền dạy con" với tốc độ đọc... độ chính xác 95%. 2. Đọc thầm văn bản với tốc độ đọc... 3. Đọc - hiểu: Trả lời được các nội dung liên quan đến văn bản đọc dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ tự luận (tỉ lệ 50 : 50) với độ chính xác 90%. 4. Kể lại được nội dung câu chuyện theo lời kể của học sinh, độ chính xác 90%.	Giữ nguyên câu 1,3 Phần tìm hiểu bài / 152	Bỏ câu 2,4	1. Xem clip và kể lại câu chuyện đã học. 2. Viết bài văn kể lại nội dung câu chuyện theo lối văn tự sự.

3.2. QUẢN LÝ LỚP HỌC CÓ HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP

3.2.1. Thấu hiểu những thay đổi của học sinh tuổi vị thành niên

– Ở tuổi từ 12 đến 14, học sinh thường dành ít thời gian để suy nghĩ về trường lớp. Học sinh trong giai đoạn chuyển từ môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của trường tiểu học sang môi trường trung học cơ sở. Mối quan hệ của học sinh lứa tuổi này được mở rộng hơn. Ở lớp học tại trường Tiểu học, hầu như học sinh chỉ ở trong một phòng học cùng với một, hai giáo viên. Khi lên cấp trung học cơ sở, học sinh phải di chuyển từ phòng này qua phòng khác và phải liên hệ với nhiều giáo viên và nhiều bạn cùng lớp hơn. Học sinh sẽ thấy có nhiều thứ của thế giới bên ngoài mà chúng chưa biết.

– Việc quản lý học sinh nói chung và học sinh khuyết tật học tập nói riêng khi chúng ở độ tuổi vị thành niên là một nhiệm vụ rất khó khăn đối với mỗi giáo viên. Bởi ở độ tuổi này, học sinh đang phải trải qua rất nhiều thay đổi lớn về tâm sinh lý:

+ Học sinh thường tò mò và mất nhiều thời gian trong việc để ý cũng như giải quyết các vấn đề liên quan tới cơ thể đang phát triển của mình (cao lên, vỡ giọng, kinh nguyệt...).

+ Học sinh tuổi thiếu niên dễ bị xúc động mạnh và dễ bị người khác lôi kéo vào các trò chơi nguy hiểm để thỏa mãn khao khát tìm kiếm cảm giác mạnh. Thiếu sự phán xét mang tính chín chắn, các em có thể rủ nhau bỏ học, đua xe, bỏ nhà, hút thuốc, sử dụng rượu hoặc chất gây nghiện, ăn cắp đồ...

+ Học sinh tuổi thiếu niên chưa cảm thấy tự tin vì các em nhận ra rằng người lớn kỳ vọng nhiều hơn ở mình. Đối với học sinh có khuyết tật học tập, những biến đổi thông thường của giai đoạn vị thành niên có thể bị pha trộn hỗn tạp bởi cảm giác mặc cảm, tự ti do học kém.

– Học sinh trung học cơ sở trong lớp dần phân hóa thành các nhóm khác nhau. Trong đó có ba nhóm chính:

+ *Nhóm thứ nhất:* Là những học sinh được nhiều bạn bè yêu thích, thường là một nhóm đông. Những học sinh này có hình dáng bên ngoài đẹp và xu hướng hoạt động thành nhóm, nói chuyện, cười đùa vô tư thoải mái theo ngẫu hứng.

+ *Nhóm thứ hai:* Là những học sinh khác biệt so với các bạn khác. Một số học sinh này có bản tính nổi loạn chống đối hoặc xuất hiện với bộ dạng tồi tệ. Những học sinh khác có dáng vẻ thờ ơ, bất cần; ăn mặc khác thường. Ở trong

lớp, những học sinh này xuất hiện với bộ dạng không có gì khác biệt lắm, trông có vẻ buồn rầu, từ chối làm bất cứ việc gì hoặc không tham gia vào bất cứ hoạt động nào.

+ *Nhóm thứ ba*: Là những học sinh tuân theo những kì vọng, mong đợi của người lớn; luôn luôn tỏ ra xuất sắc ở lĩnh vực học đường nhưng có lẽ, chúng sẽ cảm thấy mặc cảm, tự ti hoặc cô đơn vì chúng luôn luôn không phù hợp với các bạn cùng lớp.

– Trong cả ba nhóm học sinh trên đều có những học sinh khuyết tật học tập. Do đó, nhiệm vụ của giáo viên trong việc hiểu những thay đổi về tâm sinh lý cũng như những khó khăn trong học tập của những học sinh khuyết tật học tập là rất khó khăn nhưng cũng vô cùng quan trọng.

3.2.2. Tạo điều kiện để học sinh khuyết tật học tập tham gia hòa nhập

3.2.2.1. Chấp nhận tính đa dạng môi trường hòa nhập

Tư tưởng học sinh khuyết tật học tập trong môi trường giáo dục hòa nhập luôn cần nhận được những hỗ trợ từ giáo dục đặc biệt. Các giáo viên bộ môn (giáo viên dạy Toán, giáo viên dạy Khoa học, ngữ văn...) được phân công thành các nhóm. Mỗi nhóm phụ trách khoảng 15 học sinh. Giáo viên dạy Toán có thể dạy 2 lớp 7, 2 lớp 8 và 1 lớp 9. Trong trường trung học cơ sở nhìn chung là có thể có 3– 6 nhóm hoặc có cả các gia đình cùng tham gia. Mỗi nhóm thường có 1 chuyên gia tư vấn riêng, các chuyên gia này thường ở nhà – gần khu vực có học sinh. Vì vậy học sinh có thể biết được các thành viên trong nhóm. Các giáo viên có thể thảo luận cùng nhau về các nhu cầu của học sinh để đưa ra hướng giải quyết phù hợp.

Ở trường tiểu học, trong khi mỗi học sinh thường có 1 giáo viên và 30 bạn cùng lớp khác thì ở trường trung học cơ sở, học sinh học với 4 đến 5 giáo viên trong một ngày, và chuyển đổi nhiều môi trường lớp học. học sinh khuyết tật học tập thường có cảm giác bị phụ thuộc vì có 6 hoặc nhiều hơn 6 giáo viên phụ trách chúng. Các giáo viên hỗ trợ thường gặp mỗi nhóm 1 lần/ 1 tuần để chia sẻ thông tin và giải quyết khó khăn.

Chuyên gia được sắp xếp theo thời gian biểu kèm theo một giáo viên khác trong đội để đi đến các lớp học và làm việc với học sinh khuyết tật học tập và học sinh có nguy cơ cao.

3.2.2.2. Chương trình học ở trung học cơ sở

– Ở giai đoạn này, các học sinh phải tiếp cận với chương trình mới. Chính sự tiếp cận mới này gây ra những khó khăn đối với một số học sinh. Mặc dù học sinh khuyết tật học tập học hòa nhập những các em vẫn cần được thiết kế mục tiêu giáo dục cá nhân dựa trên chuẩn chương trình trung học. Muốn vậy, giáo viên cần tiến hành điều chỉnh để nội dung học của học sinh khuyết tật học tập đạt được một phần của nội dung chương trình chuẩn.

– Ví dụ, một trong những tiêu chuẩn của học sinh lớp 7 là phải thành thạo các phép tính nhân, chia với số thập phân.

+ Đến tháng 12, các học sinh có thể nhân số thập phân có 2 chữ số với số thập phân có 1 chữ số ($3,2 \times 3$);

+ Đến tháng 3 thì học sinh sẽ có thể nhân số thập phân có 3 chữ số với số có 2 chữ số ($4,25 \times 17$);

+ Đến tháng 5, học sinh có thể chia số thập phân đơn giản ($4,8 : 2$).

– Trong môn ngữ văn, mục tiêu đặt ra là học sinh có thể viết một đoạn văn thuyết phục.

+ Tới tháng 12 học sinh sẽ phải viết 1 đoạn văn 3, 4 câu để thuyết phục. Việc này được thực hành 1 lần/1 tuần dưới sự giám sát của giáo viên.

+ Tới tháng 3, học sinh phải viết 1 đoạn văn 3, 5 câu 1 lần/1 tuần và lắng nghe ngôn ngữ phản hồi của giáo viên.

+ Trong tháng 5, học sinh phải độc lập viết 1 đoạn văn thuyết phục từ 3–5 câu và có ít hơn 4 lỗi trong đánh vần, viết hoa, chấm câu.

– Khi thiết kế các kế hoạch bài học hàng ngày, giáo viên cần dựa trên khả năng của học sinh. Những thay đổi về công việc hàng ngày của các em trong lĩnh vực có những nhiệm vụ khó khăn, có thời gian cho phép học sinh hoàn thành nhiệm vụ, khối lượng và chất lượng mong đợi của công việc (học sinh tăng động giảm tập trung – ADHD) và luôn luôn ở khu vực gần học sinh để trợ giúp để các em thành thạo hơn trong kỹ năng của mình và không bị thất bại ngay khi mới bắt đầu. Các học sinh thì cần hiểu rằng mình có mục tiêu cần hướng đến và biết điều gì phải làm khi gặp vấn đề. Những học sinh khuyết tật học tập có nhiều khả năng hơn thì thường xuyên ở trong lớp học hòa nhập, sự thay đổi chương trình học ở chỗ các nhiệm vụ sẽ ít hơn với những câu hỏi quan trọng học sinh sẽ hoặc được cung cấp gợi ý hoặc cho phép thêm thời gian hoàn thành. Với học sinh có vấn đề về trí nhớ, khi kiểm tra môn lịch sử

cần cho phép em mở sách hoặc sử dụng các câu hỏi có nhiều sự lựa chọn. Đối với học sinh không thể đọc hoặc đánh vần thì có thể kiểm tra vấn đáp. Khi học sinh gặp khó khăn về đọc thì giáo viên phải cung cấp cho học sinh bài khóa nào đó có mức độ thấp hoặc viết lại tài liệu đọc hiểu.

– Học sinh khuyết tật học tập, học tập tốt nhất khi các em chủ động làm việc. Giáo viên chỉ là người hướng dẫn chỉ đạo còn học sinh phải tự giác và tích cực tham gia giờ học. Học sinh sẽ ghi nhớ tốt hơn nếu kết quả là do chúng tự tìm ra. Số ít học sinh có thể lắng nghe và học tập để các hoạt động hiệu quả thì cần phải nhanh chóng thay đổi môi trường. Học sinh cần biết cách để ghi nhớ thông tin và suy nghĩ về các phương pháp học tập, cách thức nhìn nhận sự tiến bộ của mình; biện pháp tăng sự ghi nhớ thông tin và cách để sống và hợp tác với người khác. Với những kỹ năng này học sinh có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của cuộc sống.

3.2.2.3. Những kỹ năng cơ bản

Học sinh khuyết tật học tập cần được đào tạo những kỹ năng cơ bản ở trường trung học cơ sở. Các em cần phải đọc nhiều nhưng hầu hết không được dạy về ngữ âm học hoặc không có kiến thức sâu về ngữ âm.

Giáo viên không những dạy học sinh đọc mà còn dạy học sinh viết các từ khó lên bảng. Cũng có thể dạy từ bằng cách khoanh dấu ngoặc các đoạn, khúc.

Học sinh khuyết tật học tập cần học cách giải quyết vấn đề. Học sinh trung học cơ sở vẫn có rắc rối với các câu chuyện có vấn đề cơ bản. Hầu hết học sinh cực kì hạn chế về vấn đề hiểu được hệ thống các con số. Nếu giáo viên hỏi các em tính nhẩm cộng 23 với 48 thì các em sẽ không làm được điều đó. Nếu hỏi 3 ít hơn 18 bao nhiêu lần thì các em cũng sẽ nhún vai. Chúng ta cần sử dụng nhiều phương pháp tốt để dạy các em tái hiện ý nghĩa của các con số.

Kỹ năng đọc và viết tiếp tục được đặc biệt quan tâm. Nếu xao lãng củng cố các kỹ năng này, học sinh sẽ gặp rắc rối với những thay đổi nho nhỏ trong việc học tập của mình. Để học các kỹ năng trên, hầu hết những học sinh này cần thực hành nhiều lần hơn những học sinh khác. Ra những bài tập viết ngắn gọn. Cắt xén một báo cáo dài, mỗi ngày chỉ cần yêu cầu các em viết một đoạn văn ngắn liên tục trong thời gian nhất định.

3.2.2.4. Một số biện pháp tăng cường khả năng nhận thức

Những nhà nghiên cứu của đại học trung tâm Kansa về vấn đề học tập cho rằng, các biện pháp tăng cường nhận thức cho học sinh bao gồm việc dạy

học sinh cách đưa ra yêu cầu; thay đổi cấu trúc hình thức thể hiện, lưu trữ và diễn đạt thông tin bằng cách sử dụng có hệ thống các kiến thức và rèn luyện các hành vi.

Học sinh được dạy 3 chiến lược hệ thống thông qua việc diễn giải và chỉ dẫn một cách rõ ràng. Học sinh tự hướng dẫn thực hiện các bước của chiến lược và được hỗ trợ bằng các chữ cái đầu tiên. Ví dụ, các chữ cái đầu tiên của 1 bài đọc hiểu là chữ RAP.

R (Read) = đọc 1 đoạn văn.

A (Ask) = tự hỏi ý chính và ý chi tiết.

P (Paraphrase) = sử dụng ngôn từ riêng.

Chiến lược giám sát các lỗi tạo điều kiện cho học sinh biết cách xác định và sửa cho đúng khi viết:

- Viết trên một dòng kẻ khác
- Đọc trên giấy để tìm hiểu ý nghĩa
- Tự sử dụng câu hỏi với toàn bộ đoạn văn
- Liệu rằng tôi đã viết hoa các từ đầu câu và tất cả các tên riêng?
- Cách thể hiện như thế nào?
- Liệu rằng tôi đã sử dụng dấu kết thúc câu, dấu phẩy, dấu chấm phẩy đúng chưa?
- Có phải những từ trông giống nhau thì được đánh vần giống nhau không?
- Mang tờ giấy đến cho một người khác để kiểm tra lại trước khi in
- Thực hiện việc sao chép cuối cùng
- Đọc lại tờ giấy của bạn lần cuối cùng

Có 1 kỹ thuật học tập được gọi là Multipast đã đem lại lợi ích tuyệt vời cho tất cả học sinh ở hầu hết những lĩnh vực nội dung hết sức đa dạng và phong phú. Kỹ thuật này thực sự được coi là hữu ích với những học sinh lớn tuổi khi các em phải giải quyết khối lượng bài đọc lớn hơn. Ưu tiên để dạy 1 chương về khoa học hoặc các bài nghiên cứu về xã hội, giáo viên phải đưa học sinh đi tham quan một vài chuyến để các em tìm thấy điều gì quen thuộc ở chương học đó. Đầu tiên hãy cho các em đọc lướt qua các tiêu đề của chương, phân tích kỹ các bức tranh và biểu đồ để tìm kiếm thông tin. Tiếp theo yêu cầu các em đọc xuyên suốt chương, viết ra giấy rồi định nghĩa tất cả các thuật ngữ. Giáo viên biết từ khóa các biểu đồ này thường là chủ thể của các câu hỏi sau này.

Trong 1 bài học khác, học sinh có thể từ từ đọc lại chương đó rồi kết nối từ khóa và tìm ra tiêu đề của chương đó. Tiếp theo các em đọc bất cứ câu hỏi nào để tìm ra đoạn kết ở cuối chương. Giáo viên cũng có thể viết những câu hỏi này ra 1 tờ giấy để học sinh có thể đánh dấu các từ khóa. Trong thời gian tới học sinh cần phải xem lại nhiều hơn vấn đề này. Các em có hiểu các khái niệm quan trọng bao phủ toàn bộ chương và phải biết xác định vị trí của các thông tin và khái niệm này.

Những hoạt động như thế cùng một số chi tiết minh họa, những bài kiểm tra có tham khảo sách và thảo luận có thể giúp học sinh hoàn thành tốt bài kiểm tra cùng với học sinh khác.

3.2.3. Tư vấn cho học sinh vị thành niên

Học sinh tuổi vị thành niên thường có mối quan hệ tốt với các bạn đồng trang lứa và không bao giờ làm trái lại lời khuyên của các bạn này. Hiếm khi các em tìm kiếm sự trợ giúp từ người lớn. Trong trường hợp, học sinh tìm kiếm lời khuyên từ người lớn, giáo viên cần tuân theo một số chỉ dẫn dưới đây:

– *Khi giáo viên ở trong phòng một mình cùng với một học sinh*, cách tốt nhất là luôn để cửa mở. Giáo viên cần phát hiện và giúp học sinh có thể kiểm soát được cảm xúc và gây dựng niềm tin vào thầy/cô giáo: Nếu học sinh đặt câu hỏi: “Nếu em nói cho thầy/cô điều này thì thầy/cô hãy hứa là không nói cho ai biết nhé!.” giáo viên cần trả lời: “Em hãy tin ở thầy/cô. Thầy/cô là người giữ lời. Nhưng không phải điều gì bí mật cũng hay đâu nhé!”. Hãy nói với học sinh rằng giáo viên đang sẵn sàng lắng nghe mọi tâm tư của em và giáo viên sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp em giải quyết vấn đề, nhưng nếu học sinh chia sẻ thông tin về vấn đề của em với giáo viên, học sinh cần phải có đủ sự tin tưởng vào giáo viên để chấp nhận cách giải quyết của giáo viên đối với vấn đề của em.

– *Khi học sinh quyết định chia sẻ vấn đề*, hãy khuyến khích học sinh nói nhiều về điều đó. Đừng ngắt lời, hãy viết ra những câu hỏi mang tính phân loại để hỏi các em sau đó. Giải thích với em rằng bạn đang viết tóm tắt những thông tin tham khảo và khi học sinh kết thúc câu chuyện giáo viên có căn cứ để thảo luận cùng học sinh. Những ghi chép này sẽ khiến giáo viên chủ động lắng nghe hơn. Đôi khi học sinh không cần hoặc không muốn sự trợ giúp từ người khác về vấn đề của mình. Học sinh chỉ muốn nói riêng với một ai đó. Nếu học sinh cảm thấy bị áp lực, hãy làm giảm bớt điều này bằng những tình

hưởng hài hước. Vì vậy khi học sinh nói đến câu cuối cùng về vấn đề học sinh gặp phải thì giáo viên sẽ nói “Tại sao em muốn nói với cô điều này?” và nếu thích hợp, “Em muốn cô làm gì để giúp em?”.

Đây là cách thích hợp để giúp học sinh nhìn thấy nỗi sợ hãi của mình và giúp học sinh tìm hướng mở của vấn đề. “ Nếu... .. đã xảy ra, em có thể thấy trước bị kịch đáng tiếc gì? Em có thể giải quyết vấn đề đó không? Như thế nào?” Tuy nhiên, điều giáo viên cần làm là hỏi về các điều khác nữa: “Nếu... .. đã xảy ra, em có thể nhìn thấy hình ảnh tốt đẹp nhất là gì? Có phải có nhiều cách hành động để chúng ta có thể đạt được viễn cảnh đó? Cô có thể giúp em như thế nào?”

Trong một số tình huống, với vai trò như là nhà tham vấn, giáo viên có lẽ sẽ nhìn thấy điều gì đó trong một tình huống mà học sinh không đề cập đến. Giáo viên có thể nói một trong những câu sau:

- “Cô lấy làm ngạc nhiên nếu... ..?”
- “Con đã từng cân nhắc... ..?”
- “Nếu cô hiểu đúng thì lúc này em đang cảm thấy... ..”
- “Có lẽ em đang cảm thấy như vậy vì... ..”
- “Em cảm thấy..., nhưng cha mẹ em (bạn bè, thầy cô) có lẽ cảm thấy...”

Chia sẻ và tôn trọng quyết định của học sinh cũng là điều rất quan trọng. Nếu không sẽ dẫn đến những khó lường có thể xảy ra với học sinh ở lứa tuổi này.

3.2.4. Vấn đề việc làm cho học sinh khuyết tật học tập vị thành niên



Học sinh khuyết tật học tập ở trường trung học cơ sở cần được tham gia vào chương trình tư vấn việc làm. Các em cần nhận được sự huấn luyện về nghề nghiệp và những bài học cơ bản hướng tới việc khám phá những nhu cầu bản thân về công việc. Điều này có nghĩa là Nhà trường cần chủ động phối hợp với gia đình và nhà tuyển dụng. Những giáo viên đặc biệt thì cần chủ động hơn để cung cấp cho học sinh những cơ hội thuận lợi về đào tạo nghề.

Cha mẹ học sinh cũng cần được cung cấp thông tin cơ bản về nhiều ngành nghề để họ có thể hỗ trợ trong việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Học sinh có khuyết tật học tập tiếp tục cần được đào tạo kỹ năng sống và kiểm soát các hành vi, cách thích ứng với người khác, những kỹ năng học tập, những kỹ năng làm bài kiểm tra. Học sinh ở trung học cơ sở cần hiểu rõ về khiếm khuyết của họ. Thậm chí nếu điều này được giải quyết ở trung học cơ sở thì nó vẫn được xem là một ý tưởng tốt để có thể giải quyết tiếp ở trung học cơ sở, đặc biệt là ở những năm cuối của trung học cơ sở.

Ở thời điểm này học sinh cần những lời khuyên trong việc tìm kiếm công việc đầu tiên. Giáo viên cần được cung cấp cho học sinh các thông tin về nhu cầu của nhà tuyển dụng, tư vấn cách thực hiện trả lời phỏng vấn thành công (cách ăn mặc và nói năng, cử chỉ, điệu bộ...). Thông thường, sau khi học sinh được tập dượt phỏng vấn với 3 nhà tuyển dụng khác nhau thì các em sẽ trở nên tự tin hơn khi tham gia phỏng vấn xin việc.

Học sinh khuyết tật học tập cần được cung cấp các thông tin để chuẩn bị kiến thức và tinh thần tuân thủ các quy định cơ bản của nơi làm việc như:

- Chấp hành quy định của nơi làm việc;
- Tôn trọng giờ giấc;
- Có sự chuẩn bị kỹ trước khi làm việc;
- Trang phục phù hợp;
- Có quan hệ thân thiện với mọi người;
- Sẵn sàng làm những việc được yêu cầu.

3.2.5. Khả năng tiếp tục học tập của học sinh khuyết tật học tập

Một số học sinh có khuyết tật học tập không thể tham gia vào các chương trình học tập bình thường ở trung học cơ sở nhưng các em có thể hoàn thành chương trình bổ túc Các học sinh khuyết tật học tập được tham gia vào các lớp học nhỏ hơn, cho phép chúng có sự tương tác giữa 1 thầy và 1 trò. Có thể có sự tham gia của phụ huynh học sinh để họ quan sát phương pháp giáo viên dạy học cho con họ.



Một số học sinh không thể giải quyết bài tập khi có các học sinh khác ở xung quanh nhưng sẽ hoàn thành công việc nếu được phép đem về nhà. Học sinh cần tham gia chương trình học tập độc lập được gặp giáo viên hàng tuần, xem lại những bài tập đã hoàn thành và nhận bài tập mới để làm tại nhà.

Vì thế, trong 3 năm học trung học cơ sở, Ban giám hiệu nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy nghề, giáo viên hỗ trợ Giáo dục hòa nhập cần có kế hoạch cụ thể trang bị cho học sinh khuyết tật học tập những kiến thức và kỹ năng cơ bản để học sinh có thể bước ra cuộc sống tự tin hơn.

3.3. GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH

3.3.1. Một số kỹ năng cơ bản

Ở cấp Trung học, học sinh khuyết tật học tập có nhu cầu lớn được đào tạo những kỹ năng nền cơ bản ở trường học. Các em cần phải có khả năng đọc, viết và tính toán tốt nhưng hầu hết lại đọc không thành thạo ở một hay nhiều kỹ năng nói trên.

Học sinh khuyết tật học tập cần học tiếp những kỹ năng để giải quyết vấn đề. Đọc bài khóa vẫn là một trở ngại của học sinh do sự thiếu hụt về kỹ năng đọc. Học sinh trung học cơ sở vẫn tiếp tục không hiểu nội dung chính của đoạn vừa đọc. Học sinh khuyết tật học tập gặp hạn chế nhiều về vấn đề hiểu được hệ thống các con số. Nếu giáo viên yêu cầu các em tính nhẩm phép tính căn bậc hai của 81 thì học sinh khuyết tật học tập sẽ không làm được điều đó. Vì thế giáo viên vẫn cần sử dụng nhiều phương pháp tốt để dạy các em tái hiện ý nghĩa của các con số.

Cho đến cấp Trung học, kỹ năng đọc và kỹ năng viết cũng cần được đặc biệt quan tâm. Nếu xao lãng dạy vấn đề này, học sinh sẽ gặp rắc rối với những thay đổi nhỏ trong việc học tập của mình. Để học các kỹ năng, hầu hết những học sinh này cần thực hành nhiều lần hơn những Học sinh bình thường. Bài tập của học sinh được thiết kế riêng: Viết lại đề toán, rút gọn bài đọc, yêu cầu học sinh viết một đoạn văn ngắn. Quan trọng là học sinh phải được học và luyện tập thường xuyên.

3.3.2. Kỹ năng học tập

Các giáo viên cần trang bị cho học sinh khuyết tật học tập một số chiến lược cụ thể sau:

- Đọc đoạn văn.

- Tìm ý chính đoạn văn.
- Trao đổi với bạn trong nhóm.
- Viết bài văn.
- Đọc lại để tìm hiểu ý nghĩa
- Kiểm tra cách viết hoa.
- Kiểm tra dấu câu.
- Soát lại các từ học sinh hay viết sai.
- Nhờ bạn ngồi cạnh kiểm tra.
- Viết lại bài văn.
- Đọc lại bài văn và mang nộp.

Để học sinh có những kỹ năng này giáo viên cần có quá trình hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ chặt chẽ trong suốt quá trình dạy cho học sinh.

3.3.3. Kỹ năng hiểu mình

Học sinh cần được học các kỹ năng nói về vấn đề của mình và tự động viên bản thân mình.

*** Bài 1. “Hiểu về dạng khó khăn mà mình mắc phải”.**

– Giải thích cho học sinh về nguyên nhân gây Khuyết tật học tập: Giải thích về chức năng của bán cầu não phải và bán cầu não trái, hoạt động hoạt hóa thông tin của bộ não (sự truyền dẫn thông tin của các tế bào thần kinh đến các tế bào khác và đến cơ quan của cơ thể) và cách để chúng ta tăng khả năng học tập, cải thiện trí nhớ bằng cách sử dụng nhiều kỹ thuật học tập. Hầu hết học sinh có ít hoặc không có thông tin về chủ điểm này. Các em thường lắng nghe và hỏi những câu hỏi hay. Hầu hết tất cả học sinh cần phải nhận ra rằng mỗi đứa là duy nhất và đều có thú vị riêng.

*** Bài 2. “Nhìn nhận bản thân một cách tích cực”**

– Hầu hết học sinh khuyết tật học tập ở tuổi thanh thiếu niên thường nghĩ bản thân mình rất kém cỏi. Giáo viên cần dạy học sinh cách nhìn nhận, nói về bản thân mình một cách tích cực. Ở môi trường bình thường (trong môi trường hoặc bên ngoài) dạy cho học sinh biết cách tự nói về tiềm năng của bản thân, động cơ của mình. Giải thích với học sinh rằng giáo viên muốn chúng bắt đầu suy nghĩ về bản thân mình theo nhiều cách tích cực khác nhau. Để chứng minh được khả năng trình bày những tình huống hãy yêu cầu chúng đưa ra quyết định nếu chúng là những người tạo ra động cơ hoặc chúng sẽ thất bại.

– Ví dụ:

- Thay vì cách nói “Tôi không thể chơi bóng đá vì tôi chạy chậm” Học sinh sẽ nói “Tôi không thể chơi đá bóng nhưng tôi có thể động viên các bạn trong lớp của tôi chơi đá bóng.”

+ Thay vì nói “Tôi ghét môn toán” bằng câu “Tôi đã mắc phải nhiều lỗi sai trong môn toán vì cầu thả. Tôi sẽ hỏi thầy giáo cách sử dụng máy tính để kiểm tra kết quả các bài toán tôi đã làm.”

+ “Nếu tôi làm sai bài này, tôi sẽ hỏi bạn Lan ngồi cạnh chỉ cho tôi chỗ tôi đã làm sai và hỗ trợ giúp tôi.”

+ “Nếu tôi tiếp tục cố gắng, tôi có thể làm được bài toán này.”

- Yêu cầu học sinh thực hành thay đổi cách tự nói về bản thân. Làm những bài tập ngắn hàng ngày để chúng thực hành. Bạn bắt đầu...

+ “Tôi ghét... cái xe đạp của tôi nhưng nó sẽ trông tốt hơn nếu tôi lau chùi nó.”

Sau bài học này, học sinh nhận ra không phải lúc nào chúng ta cũng kiểm soát được mọi điều nhưng chúng ta có thể kiểm soát được hành vi của mình.

*** Bài 3: Kỹ năng phát hiện, phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân và bước đầu cởi mở chia sẻ điều này cho người khác**

– Tạo cơ hội để học sinh có thể nhìn nhận và đánh giá bản thân ở cả hai khía cạnh: Điểm mạnh và điểm yếu của bản thân. Dưới đây là minh họa về một số chia sẻ của chính học sinh khuyết tật học tập khi được hỏi để đánh giá bản thân mình:

<i>“Tôi là một người trung thực. Tôi học khá môn toán nhưng tôi cần sự giúp đỡ về môn ngữ văn.”</i>	<i>“Tôi có thể nhìn thấy nhiều thứ và biết cách mọi người làm việc. Tôi có thể sửa chữa các đồ đạc. Nhưng trí nhớ của tôi bị hạn chế. Tôi có rắc rối về trí nhớ. Tôi nên cố gắng viết ra một danh sách mỗi ngày về những điều tôi cần phải nhớ”.</i>	<i>“Tôi không có khái niệm về thời gian. Tôi biết nó rất quan trọng để biết thời hạn chót và tôi nơi đúng giờ. Tôi nghĩ rằng tôi cần phải có một cuốn sổ nhỏ trong túi để sắp xếp công việc của mình vì vậy tôi có thể giữ một cuốn lịch ghi các thời hạn chót. Nó sẽ kêu vo vo để nhắc nhở tôi về các việc cần giải quyết.”</i>
---	--	--

*** Bài 4: Kỹ năng chủ động đưa ra những yêu cầu cần giúp đỡ.**

Cần trang bị cho học sinh khuyết tật học tập kỹ năng nhìn ra khó khăn của bản thân, đồng thời dựa vào đó để nhận diện ra những cách thức giải quyết vấn đề dựa vào mọi người xung quanh. Giáo viên nên chỉ ra đa dạng những người mà học sinh khuyết tật học tập có thể tìm kiếm sự hỗ trợ: Giáo viên, giáo viên hỗ trợ, bạn bè



trong lớp học, bạn ngồi cạnh... Trong đó, khuyến khích học sinh hướng đến việc tìm kiếm hỗ trợ từ chính bạn bè của mình trong lớp học.

+ “Phần này mình chưa hiểu, bạn giảng lại cho mình nhé?”

+ “Mình không ghi kịp lời cô dẫn, bạn cho mình mượn vở một lát nhé?”

+ “Bạn có thể giúp mình tìm chính xác những tài liệu để ôn tập cho kì thi?”

*** Bài 5: Những chiến lược học tập. Chiến lược này bao gồm đào tạo các kỹ thuật ghi nhớ, ghi chép và khả năng tái hiện lại kiến thức đã được trình bày trong các phần trước).**

*** Bài 6: Chiến lược làm bài thi một cách thông minh.**

– Ví dụ, đối với những bài kiểm tra có nhiều sự lựa chọn: Trước tiên chúng nên trả lời tất cả các câu hỏi mà chúng chắc chắn và đánh dấu những câu hỏi chưa chắc chắn bằng một chữ a ở ngoài lề. Đối với những câu hỏi phức tạp thì nên cố gắng sử dụng phương pháp loại trừ và cho nhiều sự lựa chọn khi chúng có thể.

Hãy giải thích với chúng rằng nếu một câu hỏi có 4 đáp án thì chúng có thể loại trừ một đáp án được cho là đúng và cơ hội của đáp án này chiếm 33%. Nếu chúng có thể loại trừ 2 đáp án thì cơ hội chọn được đáp án đúng sẽ tăng lên 50%. Hãy nói với chúng rằng rất ít những thứ trong thế giới của chúng ta xảy ra ở mọi lúc.

Cũng như vậy, từ “không bao giờ” là sự loại trừ hoàn toàn một đáp án. Học sinh cũng nên dạy cách xem đồng hồ. Năm phút trước khi kết thúc bài thi, chúng nên kiểm tra để chắc chắn rằng chúng đã đánh dấu đáp án cho mỗi câu hỏi thậm chí nếu chúng đoán mò.

3.4. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ TRONG DẠY HỌC HÒA NHẬP

3.4.1. Các hoạt động trong giờ lên lớp (vòng bạn bè, hỗ trợ tương tác)



Ở lứa tuổi trung học, tình bạn đóng vai trò quan trọng đối với mỗi học sinh. Các em thường tôn trọng sự nhận xét góp ý của những người bạn thân, và bị ảnh hưởng xấu bởi những góp ý thiếu chân thành từ những bạn trong lớp. Với sự hạn chế trong khả năng học tập học sinh sẽ sống khép kín thu mình nếu không có những bạn bè đồng cảm luôn bên cạnh. Vì thế, giáo viên cần sớm hỗ trợ để học sinh khuyết tật học tập có vòng bạn bè ngay trong lớp, trong trường của mình.

Số lượng học sinh tham gia vòng bạn bè không cần đông, khoảng 2 – 5 bạn. Học sinh tham gia vòng bạn bè này là những em có tinh thần tự nguyện tham gia, có kỹ năng giao tiếp tốt và mong muốn hỗ trợ cho học sinh khuyết tật học tập. Bên cạnh nhiệm vụ luôn cùng học sinh khuyết tật học tập chia sẻ niềm vui nỗi buồn, các học sinh này còn thường xuyên hỗ trợ học sinh khuyết tật học tập vượt qua khó khăn trong học tập.

Các học sinh trong nhóm bạn bè có thể phân chia nhiệm vụ cho nhau để hỗ trợ và giúp đỡ học sinh khuyết tật học tập trong từng lĩnh vực cụ thể. Nếu bạn ngồi cạnh có thể hỗ trợ học sinh khuyết tật học tập hiểu hơn các yêu cầu nhiệm vụ mà bạn mình được giao. Bạn khác tham gia học nhóm để cùng bạn mình hoàn thành bài tập...

Chính từ nhóm bạn bè ban đầu này, tình bạn của học sinh khuyết tật học tập ngày càng mở rộng. Học sinh sẽ thiết lập tình bạn, mối quan hệ với các học sinh khác trong lớp và trong trường. Việc học sinh có được tình bạn thân thiết, mối quan hệ tốt với các học sinh khác là điều kiện quan trọng để học sinh khuyết tật học tập hòa nhập thành công ở cấp trung học cơ sở.

3.4.2. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Kiến thức kỹ năng hình thành cho học sinh không chỉ ở trường học. Thực chất, học sinh học tập được nhiều điều từ chính cuộc sống hàng ngày. Đó là nơi các em phải giải quyết thường xuyên những nhiệm vụ mới, và cũng là nơi mà sau khi rời ghế nhà trường các em sẽ hòa nhập toàn diện.



Học sinh khuyết tật học tập sẽ học tập thành công hơn nếu các em có cơ hội học trong thực tế. Vì thế bên cạnh nhiệm vụ diễn ra trong trường, giáo viên cần tạo điều kiện để học sinh tiếp cận với thực tiễn, hỗ trợ học sinh giải quyết thành công những nhiệm vụ thực tiễn là cơ hội để thúc đẩy động cơ học tập bên trong của các em.

Hoạt động học tập không nên đóng kín trong nhà trường mà cần tổ chức nhiều hoạt động tham quan, dã ngoại, tìm hiểu cuộc sống xung quanh để học sinh có nhiều cơ hội thâm nhập vào cuộc sống. Những hoạt động này nên được chuẩn bị kỹ càng: Nội dung cụ thể, phương pháp linh hoạt và đặc biệt nhiệm vụ học tập phải được học sinh giải quyết triệt để. Làm được điều đó thì những hoạt động này mới thực sự mang lại giá trị cho các học sinh trong đó có học sinh khuyết tật học tập.

3.5. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CÁ NHÂN

3.5.1. Tiết học cá nhân



Học sinh khuyết tật học tập do những khó khăn đặc thù về một hay nhiều lĩnh vực học tập vì thế ngoài giờ học cùng các bạn trên lớp nhà trường cần tạo điều kiện để học sinh được tham gia tiết học cá nhân tại phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập của trường.

Số lượng, nội dung, thời điểm tiến hành tiết cá nhân cho một học sinh phụ thuộc mức độ khó khăn của học sinh, số lượng học sinh có nhu cầu đặc biệt trong trường và điều kiện biên chế giáo viên của trường đó. Nếu thuận lợi, một học sinh khuyết tật học tập cần được học 5 tiết/tuần ở đó.

Tại tiết học cá nhân, một học sinh khuyết tật học tập được làm việc với một giáo viên phụ trách bộ môn theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Bản kế hoạch giáo dục cá nhân được lập ra dựa trên nhu cầu học tập của học sinh trong một cuộc họp giữa: Ban giám hiệu nhà trường; giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và chuyên gia hỗ trợ giáo dục hòa nhập của địa phương.

Giáo viên tiến hành tiết dạy cá nhân cần được trang bị hiểu biết về đặc điểm học sinh, kỹ năng dạy học hoà nhập và đặc biệt có kỹ năng đặc thù dạy học sinh khuyết tật học tập. Trong quá trình tiến hành hỗ trợ giáo dục theo kế hoạch, giáo viên đó vẫn tiếp tục nhận được sự ủng hộ về mặt tinh thần, vật chất của ban giám hiệu và chuyên môn từ giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập sao cho bản kế hoạch đó phù hợp với sự tiến bộ của học sinh.

Tiết học cá nhân có thể tiến hành vào buổi sáng, buổi chiều, thậm chí là ngày nghỉ. Thời gian kéo dài khoảng từ 30 đến 45 phút. Nội dung hỗ trợ có thể là: Giáo viên giúp học sinh hoàn thành phần bài tập trên lớp (mà em chưa giải quyết xong) cũng có thể là phần bài tập về nhà và cũng có thể là dạy lại kiến thức của các lớp dưới (trong trường hợp học sinh chưa nắm vững). Trong quá trình hỗ trợ ngoài việc sử dụng các phương pháp dạy học đặc biệt, giáo viên cần thiết kế thêm những đồ dùng dạy học bổ trợ mới giúp học sinh đạt được mục tiêu trong bản kế hoạch giáo dục cá nhân.

3.5.2. Tiết sinh hoạt nhóm

Ngoài tiết học cá nhân học sinh khuyết tật học tập còn được tham dự những buổi sinh hoạt nhóm. Tham gia sinh hoạt nhóm tại phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập không chỉ có học sinh khuyết tật học tập mà có thể khuyến khích học sinh khác tham gia. Đến đây các em có cơ hội hiểu nhau và thân thiết với nhau hơn. Học sinh được học tập, trao đổi tâm tư tình cảm và sinh hoạt nghệ thuật.

Nội dung chủ yếu trong các buổi sinh hoạt này là học sinh được nâng cao hơn về kỹ năng học tập và kỹ năng sống. Người phụ trách hoạt động này có thể là giáo viên đoàn đội, giáo viên phụ trách giáo dục hòa nhập hoặc những giáo viên tình nguyện tham gia. Hình thức tổ chức cần phong phú, hấp dẫn học sinh. Nhà trường không cần phải tiến hành quá thường xuyên, khoảng 2 – 3 tuần/lần là phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt

1. Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Thông tư Số 03/2018/TT-BGDĐT, Quy định về Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 29 tháng 01 năm 2018.
3. Nguyễn Thị Kim Hoa (2012), *Phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập học sinh khó khăn về học cấp trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Phạm Minh Mục chủ biên (2012), *Cẩm nang hoàn chỉnh về khuyết tật học tập*, Tài liệu dịch, NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội.
5. Phạm Minh Mục (2013), *Giáo dục hòa nhập học sinh có khó khăn về học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu nước ngoài

6. Abedin, G. (2010). *Exploring the potential of art-based education for adolescents with learning disabilities: A case study of engagement in learning through the arts* (Doctoral dissertation).
7. Akçamete, G., & Gökbulut, Ö. D. (2018). Opinions of classroom teachers on reading comprehension difficulties, inclusion.
8. American Psychiatric Association (2013), *Desk Reference to the Diagnostic Criteria from DSM – 5*, American Psychiatric Publishing, Wasington DC.
9. Ali, T. (2011). Exploring students' learning difficulties in secondary mathematics classroom in Gilgit-Baltistan and teachers' effort to help students overcome these difficulties. *Bulletin of Education and Research*, 33(1), 47.
10. Forbes, L., & Billet, S. (2012). Successful co-teaching in the science classroom. *Science Scope*, 36(1), 61.
11. Friend, M. (2008). Co-teach! A handbook for creating and sustaining effective partnerships in inclusive schools. Grensboro, NC: Marilyn Friend, Inc.
12. Graham, L., Bellert, A., & Pegg, J. (2007). Supporting students in the middle school years with learning difficulties in mathematics: Research

- into classroom practice. *Australasian Journal of Special Education*, 31(2), 171–182.
13. Harðardóttir, S., Júlíusdóttir, S., & Guðmundsson, H. S. (2015). Understanding resilience in learning difficulties: Unheard voices of secondary school students. *Child and Adolescent Social Work Journal*, 32(4), 351–358.
 14. Kavkler, M., Babuder, M. K., & Magajna, L. (2015). Inclusive education for children with specific learning difficulties: Analysis of opportunities and barriers in inclusive education in Slovenia. *Center for Educational Policy Studies Journal*, 5(1), 31–52.
 15. Klingner, J. K., Vaughn, S., & Boardman, A. (2015). *Teaching reading comprehension to students with learning difficulties*, 2/E. Guilford Publications.
 16. McLeod, S., & McKinnon, D. H. (2010). Support required for primary and secondary students with communication disorders and/or other learning needs. *Child Language Teaching and Therapy*, 26(2), 123–143.
 17. Pappas, M. A., Papoutsis, C., & Drigas, A. S. (2018). Policies, Practices, and Attitudes toward Inclusive Education: The Case of Greece. *Social Sciences*, 7(6), 90.
 18. Milne, I., & Rowe, G. (2002). Difficulties in learning and teaching programming—views of students and tutors. *Education and Information technologies*, 7(1), 55–66.
 19. Ryan, J. (2007). Learning disabilities in Australian universities: Hidden, ignored, and unwelcome. *Journal of Learning Disabilities*, 40(5), 436–442.
 20. Sarsani, M. R., & Maddini, R. (2009). Learning Difficulties in Mathematics (LDM) of Secondary School Students With Respect to Their Personal And Background Variables. *i-Manager's Journal on Educational Psychology*, 2(4), 85.
 21. Thurm, A., Farmer, C., Salzman, E., Lord, C., & Bishop, S. (2019). State of the field: Differentiating intellectual disability from autism spectrum disorder. *Frontiers in psychiatry*, 10.

22. Van Kraayenoord, C. E., Miller, R., Moni, K. B., & Jobling, A. (2009). Teaching writing to students with learning difficulties in inclusive English classrooms: Lessons from an exemplary teacher. *English Teaching: Practice and Critique*, 8(1), 23–51.
23. Wilson, G., Nash, M., & Earl, G. (2010). Supporting students with language learning difficulties in secondary schools through collaboration: The use of concept maps to investigate the impact on teachers' knowledge of vocabulary teaching. *Child Language Teaching and Therapy*, 26(2), 163–179.
24. Woodcock, S., & Hitches, E. (2017). Potential or problem? An investigation of secondary school teachers' attributions of the educational outcomes of students with specific learning difficulties. *Annals of dyslexia*, 67(3), 299–317.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. MÔ TẢ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP

Học sinh N.T.D

NTD là học lớp 6 một trường trung học cơ sở, Tỉnh Gia Lai. Em luôn tham gia sôi nổi các hoạt động do lớp, trường tổ chức. Trong gia đình em là một người con hiếu thảo với cha mẹ và chăm chỉ làm việc nhà. Nhưng, với môn ngữ văn em không đọc được thành tiếng, không nghe viết được bài nhưng em có khả năng nhìn bài và chép lại với tốc độ nhanh và chính xác. Nhờ khả năng sao chụp với tốc độ nhanh này mà em D đã qua được chương trình Tiểu học. Đến lớp 6, thầy hiệu trưởng và cô giáo phụ đạo đã rất vất vả để dạy em học đọc. Qua 4 tháng học kỳ một tốc độ đọc của em mới tương đương với học sinh học kỳ hai lớp 1.

Học sinh P.T.N

– Sinh ra bình thường. Khi 2 tuổi em bị tai nạn (mẹ lái em bằng xe đạp đi lên dốc; không may chiếc ghế bị tụt ra và em bị ngã khỏi xe);
– Về bề ngoài: Sáng sủa, lanh lợi
– Đặc điểm khó đọc: Khi được gọi lên đọc bài thì đỏ mặt, tác phong rất chậm; đứng không nghiêm túc; gãi đầu, gãi tai. Tốc độ đọc chậm; bỏ từ; lẫn từ; thay từ này bằng từ khác; đọc nhưng không hiểu nội dung mà mình đọc...

Học sinh H.V.D

Địa chỉ: Thái Nguyên

Đặc điểm:

– Hình thức: Đẹp trai, trắng trẻo
– Hoạt động bề nổi tốt (tham gia các hoạt động văn nghệ tập thể như “Liên hoan tiếng hát dân ca toàn tỉnh”).
– Tính cách: Ngoan ngoãn; tình cảm (làm bánh Rợ biếu cô; luôn giúp đỡ cô giáo những việc nhỏ như kê bàn ghế, lau bảng...).
– Đặc điểm khó đọc: Đọc ấp úng, lộn từ; nếu có bạn bên cạnh nhắc thì cũng vẫn không đọc được. Khi đọc thì mặt đỏ lên, mồ hôi vã ra (dù khi đó là trời nóng hay trời lạnh).

Học sinh K.L.M

K.L.M là học sinh lớp 6 nhưng chỉ viết được 29 chữ cái, không có khả năng nghe và ghép các vần, các âm với nhau để thành con chữ có ý nghĩa. Học sinh này có khả năng chụp chữ và bắt chước viết theo các con chữ đó. Tuy nhiên, khi nghe viết thì học sinh này không viết được. Tìm hiểu nguyên nhân, giáo viên cho biết học sinh này khó viết do không có khả năng đọc (học sinh chỉ đọc được 29 chữ cái). Đây là dạng học sinh khó viết do khó đọc. Khó khăn khi viết là khiếm khuyết thứ phát.

Học sinh N.T.N

N.T.N là học sinh lớp 9, hai bố mẹ đều là giáo viên dạy giỏi toán của một trường trung học cơ sở chuyên. Em N học tốt các môn tự nhiên nhưng gặp nhiều khó khăn với môn Ngữ Văn. Bố mẹ rất lo lắng em sẽ không đỗ tốt nghiệp vì môn học này. Ngay từ năm học lớp 1, gia đình nhận thấy con mình gặp khó khăn với môn Tiếng Việt. Em đọc rất chậm, sai nhiều lỗi chính tả và bỏ dòng, bỏ chữ khi đọc. Tuy nhiên, kỹ năng bố mẹ lo lắng cho em hơn cả là kỹ năng viết. Chữ viết của em xấu, khó đọc, sai nhiều lỗi chính tả. Khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ viết của em rất kém. Bố mẹ luôn nhờ các bạn đồng nghiệp của mình phụ đạo riêng cho N 12 năm nay. Đến thời điểm chuẩn bị thi tốt nghiệp trung học cơ sở những bài văn của em cũng chỉ dài khoảng 8 – 10 câu, cấu trúc không logic, rõ ràng. Em N hạn chế khả năng diễn đạt ý nghĩ bản thân qua ngôn ngữ viết.

Học sinh N.V.Q

- N.V.Q là học sinh lớp 9.
- Tiền sử: Ngạt khi sinh (khi sinh em cả mẹ và em đều ở trong tình trạng nguy kịch; mọi người tập trung vào cứu mẹ vì nghĩ em không qua khỏi. Tuy nhiên sau đó em vẫn hồi lại).
- Bề ngoài: Sáng sủa/ hòa đồng
- Sở thích: Chăn nuôi để bán lấy tiền tiêu.
- Học tập: Chăm chỉ/ tích cực/ chú ý lắng nghe cô giáo hướng dẫn.
- Khó khăn: Đọc chậm; viết chậm; viết sai các chữ b/d; p/q....

Học sinh T.V.D

T.V.D là học sinh lớp 7 ở huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế. Em D được gia đình quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để học tập. Bản thân D chăm chỉ, ngoan ngoãn, luôn cố gắng trong học tập. Em học tốt các môn, nhất là các môn thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Riêng môn Toán em học rất kém. Giáo viên phụ trách môn này chia sẻ: “Tôi đã rất vất vả và mất thời gian để hướng dẫn em thực hiện được một bài Toán đơn giản. Hiện tượng hôm trước D đã thực hiện được bài, hôm sau không giải được xảy ra thường xuyên.

Học sinh C.A

C.A là học sinh lớp 8 tại 1 trường trung học cơ sở tại thị trấn Văn Điển. Tại lớp, A thường xuyên ngủ gục hoặc ngồi viết, vẽ lung tung. Các bạn trong lớp hay trêu chọc A vì cho rằng A lập dị (không nói chuyện, không tham gia chơi với các bạn, không có hứng thú trong học tập). Kết quả học tập từ tiểu học tới nay cho thấy, A có năng khiếu trong việc viết văn (những bài văn của em rất có xúc cảm và trí tuệ). Tuy nhiên, em lại gặp rất nhiều khó khăn trong việc học Toán (điểm tổng kết môn Toán năm lớp 7 của A chỉ đạt 1.0). A rất mệt mỏi với việc học Toán: Em cảm thấy không thích học môn Toán từ khi em còn đang học lớp 2; em sẵn sàng lựa chọn việc phải làm một công việc vô cùng vất vả còn hơn là phải học Toán (ví dụ: Đi dọn vệ sinh, thu dọn rác....); trong giờ Toán em thường làm một việc nào đó không phải là làm Toán (nằm ngủ, vẽ...); em cảm thấy việc học Toán trên lớp “*rất phiền toái, nhàm chán, lằng nhằng, rắc rối, khó khăn, khô khan...*”; em không có cảm tình với các thầy/ cô giáo dạy Toán vì họ thường “mắng, mòi phụ huynh” để trách phạt em. Trình độ Toán của A rất hạn chế. Cụ thể, trình độ của em chỉ tương đương với một học sinh lớp 2: Thực hiện được: Cộng/ trừ không nhớ trong phạm vi 100; thuộc bảng nhân/ chia 2, 3, 4, 5; chưa thực hiện được: Cộng/ trừ có nhớ trong phạm vi 100; bảng nhân/ chia 7, 8,

PHỤ LỤC 2. PHỤ LỤC VỀ MỘT SỐ HỌC SINH VÀ CÁCH THỨC ĐIỀU CHỈNH

I. Trường hợp số 1

a. Mô tả trường hợp

Em Lê Thị M, học sinh lớp 7. M có thể lực, vận động tốt. Mắt em bị lác nên khi nói chuyện không thể nhìn thẳng vào mặt người đối diện. M có thể thực hiện được các phép tính cộng trừ, nhân chia đơn giản. Khi thực hiện phép tính cộng số có 3 chữ số với một số có 3 chữ số có nhớ em có thể làm được với sự giúp đỡ, gợi ý của cô và bạn. Em có thể sử dụng được máy tính để tính đúng đáp số các phép toán.

M nhận biết được 29 chữ cái. Em biết ghép vần và viết được từng từ. Khi được nhìn chép, em viết và hiểu được nội dung văn bản tuy còn chậm và sai lỗi chính tả. M có thể đọc chậm được khổ thơ, hoặc đoạn văn ngắn 10 dòng. Em chưa biết ngắt nghỉ theo đúng dấu câu và còn mắc lỗi. Vì mắt kém nên M gặp khó khăn khi nhìn những đồ dùng trực quan trên bảng và đường kẻ dòng trong vở, do đó em viết không thẳng hàng. Khi học em cần một đồ dùng trực quan đặt tại bàn để quan sát khi học tại lớp.

M có thể làm theo những hướng dẫn quen thuộc và không phức tạp. Trong giờ học, M rất trật tự và hợp tác với các bạn khi học nhóm. Em biết lắng nghe và trả lời khi được yêu cầu. Nếu được khuyến khích và phân công hợp lý em tham gia rất tích cực trong hoạt động nhóm.

Em có thể sử dụng ngôn ngữ nói để giao tiếp nhưng vì quá trình xử lý thông tin chậm nên em nói rất khó và nhỏ. Vì thế trong giao tiếp, sau khi đặt câu hỏi người giao tiếp nên để cho em thời gian để em trả lời. Nếu người đó đề cập ngay đến vấn đề khác em sẽ bị rối. Em phản ứng và trả lời tập trung vào câu hỏi của người đối diện. Nếu có gì không rõ em chủ động yêu cầu người giao tiếp nhắc lại vấn đề. Tuy nhiên, em còn nói rất nhỏ và hay sử dụng câu cụt (không đủ chủ ngữ và vị ngữ).

M ngoan, nhưng rất nhạy cảm, dễ bị xấu hổ và xúc động. Trước đây, em chơi với nhiều bạn trong lớp nhưng sau khi em chủ động tặng hoa nhân ngày sinh nhật một bạn trai lớp khác. M bị bạn trai đó từ chối và các bạn khác chế giễu em trở nên sống thu mình và đặc biệt không thích chơi với các bạn trai nữa. Hiện nay em chỉ chơi với một bạn ngồi cạnh. Hai em thường tâm sự với nhau những suy nghĩ, cảm xúc của mình. Em cũng rất thích bạn đó giúp đỡ mình khi gặp khó khăn. Bạn đó cũng là học sinh khuyết tật học tập.

Về kỹ năng sống, M rất sạch sẽ. Em tự làm được mọi kỹ năng tự phục vụ và chăm chỉ giúp bố mẹ những việc trong gia đình.

b. Một số gợi ý cần điều chỉnh

Vì mắt kém nên M cần được ngồi bàn đầu ở vị trí có thể dễ dàng quan sát những nội dung ở trên bảng và gần giáo viên .

Hiện nay em mới chỉ chơi với bạn H (cũng là một học sinh khuyết tật học tập) em mong muốn sẽ được các bạn khác không chế giễu và yêu thương em. M thích được tâm sự và chia sẻ những suy nghĩ với bạn thân. Vì thế cần xây dựng cho M một vòng bạn bè trong học kỳ một có ít nhất 3 bạn hay chơi cùng tổ.

Trong học tập em cần có nhiều đồ dùng trực quan riêng để quan sát, tìm hiểu bài. Em thích học nhóm nhỏ (2 – 3 bạn) để các bạn có thể giúp em hiểu bài hơn. Em không thích phải trả lời những câu hỏi quá khó với sức của mình, không thích điểm kém, không thích bị mắng to trước cả lớp và đặc biệt ghét khi bị các bạn chế giễu về sự kém cỏi của mình. Vì thế, các giáo viên cần ưu tiên cho M được tham gia vào bài giảng bằng cách trả lời các câu hỏi dễ và hạn chế số lượng, độ khó của bài tập. Những nhiệm vụ giao cho em cần được chia nhỏ cho phù hợp với khả năng của M. Khi giao nhiệm vụ giáo viên cần nhắc lại nhiều lần và cho em thời gian đủ để hoàn thành.

M cần được dạy về cách thực hiện được các phép tính có nhớ; nhân số thập phân với số thập phân; và sử dụng thành thạo máy tính xách tay.

M tiếp tục được làm các bài tập để tuân thủ đúng các quy tắc ngữ pháp như: Viết hoa các chữ cái đầu dòng, tên riêng; viết sử dụng đúng dấu câu vào một đoạn văn bản, nói thành câu, đầy đủ các bộ phận chính của câu.

Gia đình, bố mẹ rất quan tâm chăm sóc M. Bố mẹ có thể dành nhiều thời gian ở nhà để hướng dẫn M làm bài tập và dạy cách cư xử. Em cảm thấy rất thoải mái khi được ở nhà trong phòng của mình và vui vẻ hợp tác với mọi người.

II. Trường hợp số 2

a. Mô tả trường hợp

Em Nguyễn Hồng A, nữ, học sinh lớp 9C. Hồng A nhìn bên ngoài là một học sinh nữ khỏe mạnh, lớn hơn so với các bạn cùng tuổi. Em rất thích học các môn học như: Giáo dục công dân vì cô giáo dạy hay và gọi em lên phát biểu. Đặc biệt là ở tiết này em được đóng kịch thể hiện nội dung bài học. Cô hay kể chuyện, thông qua câu chuyện đó, em thấy mình học hỏi được nhiều

điều. Em không thích học toán, các môn học tự nhiên và ngữ văn vì thường bị điểm kém. Theo em các môn học đó học rất khó vào đầu em cũng đã cố gắng nhưng luôn học trước quên sau. Em rất sợ học các môn mà giáo viên lạnh lùng; quá nghiêm khắc và thường phạt học sinh.

Môn Toán, Hồng A có thể thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi hàng nghìn, nhưng thỉnh thoảng vẫn còn sai. Em chưa biết cộng phân số, giải các bài toán có lời văn. Em bước đầu có thể sử dụng máy tính để thực hiện các phép toán.

Môn Ngữ văn, Hồng A nhận biết được các chữ cái, nhận biết các dấu câu, đọc trơn rõ từng câu tuy nhiên gặp những từ khó, lạ đôi lúc em còn ấp úng. Em biết đọc thầm. Em có thể nghe và viết được chính tả. Trong thời gian giảng bài nếu những nội dung chính giáo viên ghi trên bảng em biết tự động chép vào vở. Khi học văn em nhớ tên tác giả, thể loại và học thuộc lòng được những bài thơ mà em yêu thích. Em hiểu được ý chính của những bài văn, thơ. Em có thể tập chép nhanh và ít mắc lỗi. Môn làm văn em có thể viết được văn kể đơn giản từ 8 – 10 câu nhưng còn sai ngữ pháp và mắc lỗi chính tả. Em chưa có thói quen kiểm tự kiểm tra và sửa lỗi sau khi hoàn thành bài tập.

Về thực hiện theo hướng dẫn em có khả năng thực hiện theo những hướng dẫn đơn giản nhưng cần sự hỗ trợ như nhắc lại hoặc động viên khuyến khích. Trong quá trình thảo luận nhóm em ngồi yên lặng nhưng chỉ tập trung được khoảng 5 phút. Em có thể nghỉ nhớ tốt những nội dung nếu được nhắc lại thường xuyên hoặc biện pháp hỗ trợ trí nhớ. Em có khả năng hiểu nghĩa của từ vựng theo đúng độ tuổi học sinh trung học cơ sở. Tuy nhiên, do ý thức rõ hạn chế của bản thân nên em thường thiếu tự tin trong giao tiếp.

Ở lớp em nhanh nhẹn hoạt bát, hay giúp đỡ mọi người, giao tiếp tốt nên được thầy cô và các bạn yêu quý. Em muốn được đi học để được chơi đùa cùng bạn bè trong lớp, trong trường, em không thích ở nhà. Em thích được làm các công việc chân tay, thích lao động chăm sóc vườn trường và trực nhật. Em luôn làm tốt nhiệm vụ của mình.

Ở nhà, em giúp được nhiều việc khi yêu cầu. Em rất tôn trọng góc và đồ vật riêng tư của các thành viên khác, chào và tiếp khách đến nhà. Em tự đi xe đạp về nhà cách đó 1km. Em tuân thủ luật lệ giao thông. Em biết tiếp chuyện khi được yêu cầu và không làm người khác bị tổn thương. Em nhận biết được mặt tất cả các loại tiền và sử dụng chúng để đi chợ được. Bố mẹ không có

nhiều thời gian để kèm cặp em trong học tập. Họ mong muốn sau này khi kết thúc trung học cơ sở Hồng Anh có thể được tiếp tục học nghề hoặc tham gia bán hàng tạp hoá.

b. Một số gợi ý cần điều chỉnh

Thu hút Hồng Anh vào các hoạt động vừa sức ở hai môn toán và ngữ văn. Cô giáo nên sử dụng các biện pháp đóng kịch, tổ chức thi đua giữa các nhóm... Các giáo viên cần gần gũi với em, tránh mắng to và thể hiện sự không hài lòng với em một cách thái quá trước mặt các bạn.

Hồng Anh cần được luyện thêm các bài tập tính bằng cách sử dụng thành thạo máy tính cá nhân. Tiếp tục dạy Hồng Anh biết cộng phân số, giải các bài toán có lời văn.

Luyện cho Hồng Anh viết các đoạn văn ngắn tập trung vào việc sử dụng các dấu câu nhất là dấu phẩy và dấu chấm và sửa các lỗi chính tả. Rèn luyện cho Hồng Anh có thói quen kiểm tự kiểm tra và sửa lỗi sau khi hoàn thành bài tập.

Giáo viên sử dụng nhiều biện pháp như nhắc lại hoặc có dụng cụ hỗ trợ trí nhớ để có thể thu hút sự tập trung chú ý của Hồng Anh trong bài học và củng cố ghi nhớ ở Hồng Anh. Động viên, giao cho Hồng Anh những bài tập vừa sức để em không bị tự ti về bản thân mình.

III. Trường hợp số 3

a. Mô tả trường hợp

Vũ Thị P.A, nữ, học sinh lớp 7C. P.A vẽ rất đẹp, em rất chăm chú khi được vẽ; các bài vẽ của P.A rất có hồn. Em biết cách để pha trộn màu sắc để sử dụng cho những bức tranh của mình. Theo em môn mỹ thuật giúp con người trở lên khéo léo hơn và có thể rèn tính kiên trì. Ngoài môn vẽ, P.A thích học môn Tiếng Anh, P.A có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng anh như: Hỏi tên, nơi sống, nghề nghiệp, hỏi thăm đường phố... Em nói và viết tiếng Anh tương đối tốt. Theo em học Tiếng Anh giỏi để sau này có thể dễ xin việc làm.

P.A thích học Ngữ văn, em thuộc được các bài thơ với các khổ thơ ngắn, nêu được tên một số tên tác giả và các bài ngữ văn đã được học. Theo P.A học Ngữ văn giỏi có thể học được các giao tiếp, học cách ăn nói và được nhiều người yêu quý.

P.A rất sợ học môn Toán. Với môn Toán em luôn bị điểm kém. Em không giải được các bài toán có lời văn. Em không học được môn hình học vì cảm

thấy rất rắc rối, khó nhớ được các định nghĩa. P.A không cộng trừ nhân chia có nhớ được, không thực hiện tính toán các phân số, không biết tính toán các biểu thức. Kiến thức toán của P.A chỉ tương đương với học sinh lớp 3.

Tương tự, các môn học tự nhiên khác như môn sinh em cũng không theo kịp các bạn, em không hiểu lời cô giáo giảng, em rất ngại hỏi lại cô, do vậy điểm các môn học này cũng rất kém.

Em không thích kiểm tra miệng vì khi cô hỏi em thường quên sạch các kiến thức đã học. Em thích hình thức kiểm tra viết vì kiểm tra viết có thời gian suy nghĩ. Em mong muốn với các môn tự nhiên xã hội cô giáo giao cho em đề riêng, đơn giản hơn các bạn để em có thể hoàn thành bài kiểm tra tốt hơn. Em mong muốn sau này mình thi đỗ trường học để làm nhà thiết kế thời trang.

Em nhanh nhẹn và giao tiếp tốt. Em được thầy cô và các bạn yêu mến. Gia đình luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em học tập.

b. Một số gợi ý điều chỉnh

P.A có khả năng vẽ hội họa vì thế cần tạo điều kiện cho em phát triển bằng cách tạo điều kiện cho em tìm hiểu hoặc tham gia lớp thiết kế thời trang dành cho học sinh ở các câu lạc bộ. Em cần được hỗ trợ để phát huy khả năng viết văn và học các môn xã hội.

Với môn Toán và các môn Tự nhiên P.A gặp khó khăn, các giáo viên nên điều chỉnh hạ thấp chương trình, hạn chế số lượng và độ khó của các bài tập cho P.A. giáo viên tập trung hướng dẫn em sử dụng thành thạo máy tính cá nhân để thực hiện các phép tính. Thành lập nhóm bạn giúp bạn trên tinh thần tự nguyện, để hàng tuần có ít nhất một bạn đến nhà hỗ trợ P.A học thêm toán ở trình độ lớp 4.

IV. Trường hợp số 4

a. Mô tả trường hợp

Phạm T.Đ là học sinh nam đang theo học lớp 9D trường phổ thông Dân lập P.N. So với các bạn cùng tuổi T.Đ trông nhỏ bé hơn nhiều. Em cao khoảng 1.5m, nặng 40 cân. Tuy nhiên T.Đ không xem đó là hạn chế của mình. Trái lại em còn cảm thấy đó là một ưu thế của bản thân. Khi học cấp hai, do không thích học môn Ngữ văn nên khi có cơ hội em thường trốn dưới gầm bàn ở góc lớp. Các bạn trong lớp thường bao che cho em bởi nếu có bài kiểm tra thì T.Đ chính là người sẽ giở tài liệu và đọc để cho các em chép. Bên cạnh đó, T.Đ lại

là học sinh năng nổ, thích giúp đỡ các bạn vì vậy các bạn trong lớp khá thông cảm với khó khăn mà em gặp phải. Cô chủ nhiệm (dạy Toán) là người thường xuyên giám sát và yêu cầu em không được chui xuống gầm bàn. Tuy nhiên cô cũng vô cùng trầm trồ với T.Đ. Cô không thể lý giải được tại sao một học sinh học toán xuất sắc và ngoan ngoãn như vậy lại không chịu học văn và có hành động lẩn tránh học Ngữ văn kì quái như vậy. Năm học chuyển từ lớp 8 lên lớp 9, cô chủ nhiệm sinh em bé và nghỉ một thời gian. Thời gian đó T.Đ đã lẩn tránh “thành công” việc học Ngữ văn (do một cô giáo mới dạy).

Trên thực tế, T.Đ rất có khả năng học toán và tin học. Em luôn là học sinh nằm trong nhóm học sinh dẫn đầu ở hai môn học này. Thậm chí kiến thức và kỹ năng tin học của em hơn hẳn các bạn cùng lứa tuổi (đánh máy bằng 10 đầu ngón tay không nhìn vào màn hình; thao tác với văn bản nhanh và linh hoạt; tìm kiếm tài liệu trên mạng chính xác...). Tuy nhiên, T.Đ lại gặp nhiều khó khăn trong việc học môn Ngữ văn. Em không chép lại được những thông tin mà cô giáo đang giảng. Tốc độ chép bài của em chậm. Ngoài ra, T.Đ còn có những khó khăn về đọc như: Đọc chậm, đọc bỏ từ, đọc nhầm dòng, đọc không hiểu được nội dung văn bản.

b. Một số gợi ý điều chỉnh

T.Đ có khả năng về tin học và các môn học Tự nhiên. Vì vậy cần tạo điều kiện để cho em tìm hiểu và học tập phù hợp với những thế mạnh này của em (theo học khối A; tham gia câu lạc bộ tin học trẻ...).

Với môn Ngữ văn, các giáo viên nên điều chỉnh hạ thấp chương trình, hạn chế số lượng và độ khó của các bài tập cho T.Đ. Giáo viên tập trung hướng dẫn em sử dụng thành thạo máy tính cá nhân để thực hiện các bài tập làm văn. Thành lập nhóm bạn giúp bạn trên tinh thần tự nguyện, để hàng tuần có ít nhất một bạn đến nhà hỗ trợ T.Đ nâng cao trình độ đọc, viết.

PHỤ LỤC SỐ 3. MINH HOẠ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN
MẪU KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN
HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRUNG HỌC CƠ SỞ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:.....

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:.....

TRƯỜNG:.....

Họ và tên học sinh Nam ☐; Nữ ☐.

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....dân tộc:

Dạng khuyết tật: Nghe ☐; Nhìn ☐; Trí tuệ ☐;

Ngôn ngữ ☐.

Vận động ☐; Tâm thần kinh ☐; Tự kỷ ☐; Đọc

☐; Viết ☐; Toán ☐

Khác Ghi rõ):... ..

.....

.....

ảnh của học sinh

kích thước

6x9 cm

A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG CỦA HỌC SINH

Họ và tên học sinh: Nam ☐ Nữ ☐

Ngày tháng năm sinh: / / Dân tộc:.....

Học lớp:..... Trường:.....

Học sinh có đi học mẫu giáo: Có ☐, trường:

Không ☐, lý do:

Hồ sơ y tế/tâm lý: Có ☐ gồm:

Không ☐ lý do:

Họ tên bố:.....Nghề nghiệp:.....

Họ tên mẹ:.....Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ gia đình:.....

Địa chỉ liên lạc: Điện thoại: Email:.....

Người thường xuyên chăm sóc học sinh: Ông☐ Bà☐ Bố☐ Mẹ☐ Anh☐ Chị☐

Khác:.....

Người có thể tham gia chăm sóc giáo dục học sinh: Ông☐ Bà☐ Bố☐ Mẹ☐

Anh☐ Chị☐

Khác:

Đặc điểm kinh tế gia đình: Khá ☐ Trung bình ☐ Cận nghèo ☐ Nghèo ☐

Đặc điểm phát triển của học sinh:

B. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA HỌC SINH

Thông tin lấy từ: Ông ☐; Bà ☐; Bố ☐; Mẹ ☐; Anh ☐; Chị ☐;

Bạn bè ☐; Quan sát ☐

Công cụ đánh giá/trắc nghiệm ☐, tên công cụ đánh giá (có thể sử dụng các công cụ trong phụ lục 1, 2, 3) và các công cụ đặc thù khác:

1. Điểm mạnh của học sinh:

Nhận thức:.....

Ngôn ngữ – giao tiếp:.....

Tình cảm và kỹ năng xã hội:.....

– Kỹ năng tự phục vụ:.....

Thể chất – Vận động:.....

– Nghệ thuật (Thủ công, kĩ thuật, hát nhạc, vẽ ...):.....

2. Hạn chế của học sinh:

Nhận thức:.....

Ngôn ngữ – giao tiếp:.....

Tình cảm và kỹ năng xã hội:.....

– Kỹ năng tự phục vụ:.....

Thể chất – Vận động:.....

– Nghệ thuật (Thủ công, kĩ thuật, hát nhạc, vẽ ...):.....

C. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 20....– 20....

1. Kiến thức, kỹ năng các môn học/ lĩnh vực giáo dục (chỉ ghi những môn học/ hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình phổ thông như các bạn cùng khối lớp)

– Ngữ văn:

– Toán:

– Ngoại ngữ 1:.....

– Giáo dục công dân:.....

– Khoa học tự nhiên

+ Lý:

+ Hóa:

+ Sinh:

- Lịch sử:
- Địa lí:
- Giáo dục thể chất:
- Tin học:
- Mỹ thuật:

2. Kỹ năng xã hội

- Kỹ năng giao tiếp:
- Kỹ năng tự phục vụ:
- Kỹ năng hòa nhập xã hội:

3. Kỹ năng đặc thù:.....

D. MỤC TIÊU HỌC KỲ I NĂM HỌC 20..– 20..

1. Kiến thức, kỹ năng các môn học/ lĩnh vực giáo dục (chỉ ghi những môn học/ hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình phổ thông như các bạn cùng khối lớp)

- Ngữ văn:
- Toán:
- Ngoại ngữ 1:.....
- Giáo dục công dân:.....
- Khoa học tự nhiên
- + Lý:
- + Hóa:
- + Sinh:
- Lịch sử:
- Địa lí:
- Giáo dục thể chất:
- Tin học:
- Mỹ thuật:

2. Kỹ năng xã hội

- Kỹ năng giao tiếp:
- Kỹ năng tự phục vụ:
- Kỹ năng hòa nhập xã hội:

3. Kỹ năng đặc thù:.....

* KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Từ ngày / / đến ngày / /

(Chỉ lập kế hoạch cho những môn học, hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình như các bạn cùng khối lớp)

Đánh giá kết quả: 1 – đạt; 2 – đạt với sự hỗ trợ; 3 chưa đạt

Mục tiêu	Biện pháp và phương tiện	Người thực hiện	Kết quả			Ghi chú
			1	2	3	
Ngữ văn						
Toán						
Ngoại ngữ 1						
Giáo dục dục công dân						
Lịch sử						
Địa lí						
Khoa học tự nhiên						
Tin học						
Nghệ thuật						
Giáo dục thể chất						
Kỹ năng xã hội						
Giao tiếp						
Tự phục vụ						
Hòa nhập xã hội						
Kỹ năng đặc thù						

... .., ngày..... tháng..... năm 20....

Hiệu trưởng Giáo viên và Giáo viên môn học Cha mẹ/người đại diện
(ký tên, đóng dấu)

*** NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH VÀ ĐIỀU CHỈNH**

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học:.....

.....

Kỹ năng xã hội:.....

.....

Kỹ năng đặc thù:.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện:

Về nội dung:.....

.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

.....

Về hình thức tổ chức:.....

.....

*** NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH HỌC KÌ I**

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học và hoạt động giáo dục:.....

.....

Kỹ năng xã hội:.....

.....

Kỹ năng đặc thù:.....

.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện học kì II:

Về nội dung:.....

.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

.....

.....

Về hình thức tổ chức:.....

.....

E. MỤC TIÊU HỌC KỲ II NĂM HỌC 20.. – 20..

1. Kiến thức, kỹ năng các môn học/ lĩnh vực giáo dục (chỉ ghi những môn học/ hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình phổ thông như các bạn cùng khối lớp)

- Ngữ văn:
- Toán:
- Ngoại ngữ 1:
- Giáo dục công dân:
- Khoa học tự nhiên
- + Lý:
- + Hóa:
- + Sinh:
- Lịch sử:
- Địa lí:
- Giáo dục thể chất:
- Tin học:
- Mỹ thuật:

2. Kỹ năng xã hội

- Kỹ năng giao tiếp:
-
- Kỹ năng tự phục vụ:
-
- Kỹ năng hòa nhập xã hội:
-

3. Kỹ năng đặc thù:

-
-
-
-
-
-

* KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Từ ngày / / đến ngày / /

(Chỉ lập kế hoạch cho những môn học, hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình như các bạn cùng khối lớp)

Đánh giá kết quả: 1 – đạt; 2 – đạt với sự hỗ trợ; 3 chưa đạt

Mục tiêu	Biện pháp và phương tiện	Người thực hiện	Kết quả			Ghi chú
			1	2	3	
Ngữ văn						
Toán						
Ngoại ngữ 1						
Giáo dục dục công dân						
Lịch sử						
Địa lí						
Khoa học tự nhiên						
Tin học						
Nghệ thuật						
Giáo dục thể chất						
Kỹ năng xã hội						
Giao tiếp						
Tự phục vụ						
Hòa nhập xã hội						
Kỹ năng đặc thù						

... .., ngày..... tháng..... năm 20....

Hiệu trưởng Giáo viên và Giáo viên môn học Cha mẹ/người đại diện
(ký tên, đóng dấu)

*** NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH VÀ ĐIỀU CHỈNH**

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học:.....

Kỹ năng xã hội:.....

Kỹ năng đặc thù:.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện:

Về nội dung:.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

Về hình thức tổ chức:.....

NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH NĂM HỌC 20... /20...

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học và hoạt động giáo dục:.....

Kỹ năng xã hội:.....

Kỹ năng đặc thù:.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện năm học tiếp theo:

Về nội dung:.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

Về hình thức tổ chức:.....